

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN CẨM MỸ
(Hồ sơ trình thẩm định)

Cẩm Mỹ, tháng 12 năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN CẨM MỸ
(Hồ sơ trình thẩm định)

Ngày tháng năm 20
CƠ QUAN TƯ VẤN
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
GIÁM ĐỐC

Lê Văn Tân

Ngày tháng năm 20
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 20
UBND HUYỆN CẨM MỸ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Tường

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025.....	1
2. Bối cảnh lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025.....	2
3. Mục đích, yêu cầu.....	2
4. Căn cứ pháp lý và cơ sở thực hiện.....	3
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI	5
1. Đặc điểm tự nhiên.....	5
2. Các nguồn tài nguyên.....	7
3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	11
4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.....	11
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	13
1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	13
2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	32
3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	33
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025	33
1. Chỉ tiêu sử dụng đất.....	33
2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	36
3. Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất.....	42
4. Sự phù hợp và đồng bộ của kế hoạch sử dụng đất năm 2025 với phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai trong Quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được duyệt.....	48
5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	55
6. Diện tích đất cần thu hồi đất.....	59
7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	61
8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.....	63
IV. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	64
1. Giải pháp cải tạo, bảo vệ đất đai và môi trường.....	64
2. Giải pháp về nguồn lực thực kế hoạch sử dụng đất.....	64
3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.....	65
4. Các giải pháp khác.....	65
V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	67
1. Kết luận.....	67
2. Kiến nghị.....	67

DANH SÁCH CÁC BẢNG TRONG BÁO CÁO

Bảng 01: Diện tích đất phân theo độ dốc - tầng dày	9
Bảng 02: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo chỉ tiêu sử dụng đất	13
Bảng 03: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo số lượng dự án	20
Bảng 04: Số lượng công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm 2025	36
Bảng 05: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Cẩm Mỹ	43
Bảng 06: So sánh phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	50
Bảng 07: So sánh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Cẩm Mỹ	52
Bảng 08: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất hiện trạng trong năm 2025	56
Bảng 09: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất trong hồ sơ địa chính trong năm 2025	58
Bảng 10: Diện tích cần thu hồi đất theo từng loại đất năm 2025	60
Bảng 11: Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm 2025	62

DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

UBND	:	Ủy ban nhân dân
TTHC	:	Trung tâm hành chính
KT - XH	:	Kinh tế - xã hội
KTTĐPN	:	Kinh tế trọng điểm phía Nam
TNMT	:	Tài nguyên và môi trường
QHSDĐ	:	Quy hoạch sử dụng đất
KHSDD	:	Kế hoạch sử dụng đất
GCNQSDD	:	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
GIS	:	Hệ thống thông tin địa lý
ĐVT	:	Đơn vị tính
DTTN	:	Diện tích tự nhiên
KCN	:	Khu công nghiệp
CCN	:	Cụm công nghiệp
MN	:	Mầm non
THCS	:	Trung học cơ sở
KDL	:	Khu du lịch
NN	:	Nông nghiệp
PNN	:	Phi nông nghiệp
HTX	:	Hợp tác xã
THT	:	Tổ hợp tác
NTTS	:	Nuôi trồng thủy sản
GTSX	:	Giá trị sản xuất

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025

Thực hiện khoản 2 Điều 37 và khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2013: “*Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm*” và căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là “*Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt*”. UBND huyện Cẩm Mỹ đã tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện và được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 29/12/2023.

Qua một năm triển khai thực hiện, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn cũng như phục vụ kịp thời mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện nói riêng và của tỉnh Đồng Nai nói chung. Bên cạnh đó, kế hoạch sử dụng đất cũng còn một số tồn tại, bất cập nhất định như: chưa rà soát kỹ khả năng đáp ứng của các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực về vốn, chưa lường hết những khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện,... dẫn đến việc dự báo nhu cầu sử dụng đất trong năm 2024 chưa thật sát với khả năng thực hiện.

Mặt khác, ngày 01/08/2024 Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành. Để có cơ sở triển khai thực hiện kịp thời các dự án trong năm 2025, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trên cơ sở chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện đã được UBND tỉnh phân bổ tại Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 29/08/2024, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Theo đó, tại khoản 4 Điều 62 Luật Đất đai năm 2024, quy định: “*Thời kỳ kế hoạch sử dụng đất quốc gia, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh là 05 năm; kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được lập hàng năm*”.

Tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Đất đai năm 2024, quy định: “*Đối với dự án thuộc danh mục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 67 của Luật này thì căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc quyết định chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về nhà ở hoặc văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư*”.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện. UBND huyện Cẩm Mỹ đã phê duyệt Đề cương nhiệm vụ dự án lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện.

Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất... trong năm 2025 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ, theo quy định tại Khoản 2, Điều 13, Luật Đất đai năm 2024 và Khoản 1, Điều 44, Nghị định 102/2024/NĐ-CP cần thiết phải tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất.

2. Bối cảnh lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025

- Luật Đất đai năm 2024 chính thức có hiệu lực từ ngày 01/8/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã ban hành Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Theo quy định của Luật Đất đai năm 2024; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT thì căn cứ xác định chỉ tiêu sử dụng đất là việc xác định diện tích các nhóm đất, loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của các cấp lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tuy nhiên, để áp dụng các quy định nêu trên cho việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Cẩm Mỹ còn gặp nhiều lúng túng, vướng mắc.

- Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/07/2024; UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 29/08/2024 về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Mục đích, yêu cầu

3.1. Mục đích

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và xác định các nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Đánh giá kết quả thực hiện các dự án phải thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2023 trở về trước trong đó làm rõ các dự án chưa thực hiện hoặc đang thực hiện và chưa hoàn thành các thủ tục đất đai và đề xuất xử lý theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai năm 2024.

- Xác định nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình theo quy định tại khoản 5 Điều 72, Điều 78, Điều 79 Luật Đất đai năm 2024; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại khoản 1 Điều 122 của Luật Đất đai năm 2024; khoản 1 Điều 46, Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024; diện tích các loại

đất cần chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định tại khoản 1 Điều 121 của Luật Đất đai năm 2024.

3.2. Yêu cầu

Việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 phải phù hợp với Luật Đất đai năm 2024, Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4. Căn cứ pháp lý và cơ sở thực hiện

4.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2024;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/06/2024;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/09/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;
- Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/07/2024 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai;
- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 25/2022/TT- BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030.

4.2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

- Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 19/01/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Bổ sung Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 tỉnh Đồng Nai (lần 1);

- Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 15/04/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Bổ sung Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 tỉnh Đồng Nai (lần 2);

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 17/07/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Bổ sung Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 tỉnh Đồng Nai (lần 3);

- Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Bổ sung Danh mục các dự án thu hồi đất năm 2024 tỉnh Đồng Nai (lần 2);

- Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Thông qua Danh mục các dự án phải chuyển mục đích sử dụng có diện tích đất trồng lúa năm 2024 tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Nghị quyết danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 61/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Danh mục các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 5374/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Cẩm Mỹ;

- Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Cẩm Mỹ;

- Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 29/08/2024 về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2025 huyện Cẩm Mỹ;

- Văn bản số 15125/UBND-KTN ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc khẩn trương hoàn thiện hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện;

- Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 10/06/2024 của UBND huyện Cẩm Mỹ phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Dự án lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Cẩm Mỹ;

- Kết quả Thống kê đất đai năm 2023; các công trình, dự án đã hoàn thành thủ tục đất đai trong năm 2024; các trường hợp đã chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân;

- Các văn bản, chủ trương của UBND tỉnh về triển khai các dự án trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;

- Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI

1. Đặc điểm tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Huyện Cẩm Mỹ nằm ở phía Đông Nam tỉnh Đồng Nai, có 13 đơn vị hành chính (gồm: 01 thị trấn và 12 xã). Ranh giới Huyện tiếp giáp với các đơn vị hành chính như sau:

- Phía Bắc giáp Tp. Long Khánh và huyện Xuân Lộc;
- Phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Phía Đông giáp huyện Xuân Lộc và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Phía Tây giáp huyện Long Thành và huyện Thống Nhất.

Diện tích tự nhiên toàn Huyện 46.258 ha, dân số năm 2023 khoảng 144.269 người. Ranh giới hành chính huyện được chia thành 13 đơn vị hành chính cấp xã gồm: thị trấn Long Giao, các xã Xuân Đường, Thừa Đức, Sông Nhạn, Xuân Quế, Nhân Nghĩa, Xuân Bảo, Bảo Bình, Xuân Tây, Xuân Đông, Sông Ray, Lâm San, Xuân Mỹ. Trên địa bàn có Cao tốc Tp Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây, Quốc lộ 56 chạy qua, nối kết Huyện với Tp. Long Khánh, huyện Long Thành và tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, trung tâm Huyện nằm ở thị trấn Long Giao (ngã ba giao giữa QL56 và Tỉnh lộ 773 (đường Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc)),... nên có lợi thế về không gian phát triển, kết nối giao lưu kinh tế với các địa phương và tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Đặc biệt khi Cảng hàng không quốc tế Long Thành được xây dựng và đi vào hoạt động thì tuyến Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây, Tỉnh lộ 773 sẽ là trục giao thông chính để vận chuyển khách từ sân bay về các tỉnh Nam Trung bộ và ngược lại, đồng thời sẽ tạo điều kiện cho các xã nằm trên trục đường này như Thừa Đức, Xuân Đường, thị trấn Long Giao có điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh phát triển dịch vụ.

1.2. Địa hình

Có 03 dạng địa hình chính là: địa hình núi, đồi thoải lượn sóng và các dải đất tương đối bằng ven sông.

(1). Địa hình núi: Phân bố rải rác thành các ngọn núi độc lập có độ dốc lớn (núi Hàng Gòn và núi Cam Tiêm ở thị trấn Long Giao), diện tích chiếm khoảng 2% tổng diện tích toàn huyện, không thích hợp với sản xuất nông nghiệp chỉ thích hợp cho trồng rừng.

(2). Địa hình đồi thoải lượn sóng: Là dạng địa hình chính, hiện chiếm 80% tổng diện tích toàn Huyện. Độ dốc phổ biến từ 3° đến 8°. Khá thuận lợi cho phát triển nông nghiệp với các loại hình cây lâu năm. Tuy nhiên trên các khu vực có độ dốc trên 3° cần chú trọng biện pháp xây dựng đồng ruộng để hạn chế tình trạng xói mòn đất trong mùa mưa.

(3). Địa hình bằng ven suối: Phân bố thành các dải dài ven Sông Ray, chiếm khoảng 18% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Độ dốc chủ yếu là cấp I (từ 0° - 3°), gần nguồn nước mặt, mực nước ngầm nông, một số khu vực đất thấp thường bị ngập vào các tháng mưa lớn. Hầu hết diện tích trên dạng địa hình này đã được sử dụng trồng lúa và các loại cây ngắn ngày.

1.3. Khí hậu

Huyện Cẩm Mỹ nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới cận xích đạo, với những đặc trưng chính như sau:

Năng lượng bức xạ dồi dào (trung bình 154 - 158 Kcal/cm²-năm). Nắng nhiều (trung bình từ 5,7-6 giờ/ngày). Nhiệt độ cao đều quanh năm (trung bình 25,4°C), tổng tích ôn lớn (trung bình 9.271°C/năm). Ít có những biểu hiện cực đoan của thời tiết như: bão, lụt, rất thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Lượng mưa lớn (trung bình từ 1.956 - 2.139 mm/năm). Mùa mưa thường bắt đầu vào tháng 5 kết thúc vào tháng 11. Hạn chế rõ nét nhất trong chế độ mưa ở đây là thường có những đợt hạn ngắn vào đầu vụ hè thu, mưa nhiều và mưa to vào thời kỳ từ tháng 7 đến tháng 9, kết hợp với ẩm độ không khí cao, số giờ nắng giảm nên năng suất cây ngắn ngày trong vụ này thường thấp. Mùa khô thường bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 4, do bị mất cân đối nghiêm trọng trong cán cân ẩm nên để tiến hành sản xuất cần phải có tưới và khi đã cung cấp đủ nước thì sản xuất thường cho hiệu quả cao và ổn định.

1.4. Thủy văn

- Huyện Cẩm Mỹ phần lớn sông suối đều ngắn và dốc nên khả năng giữ nước kém, nghèo kiệt vào mùa khô. Việc xây dựng các hồ chứa kết hợp với chuyển tải nước từ ngoài vùng vào là rất cần thiết cho phát triển kinh tế - xã hội mà đặc biệt

là cho phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp của huyện, với hệ thống sông suối chính như:

+ Sông Ray: Bắt nguồn từ khu vực phía nam và tây nam núi Chứa Chan, diện tích lưu vực trong phạm vi huyện Cẩm Mỹ khoảng 300 km² với các nhánh suối chính như: suối Gia Hoét, suối Tầm Bò, suối Trung, suối Thè... chiều dài sông chính 60 km, đoạn chảy qua huyện 20 - 25 km, lưu lượng trung bình 10,6 m³/s, ngoại trừ dòng chính có nước quanh năm, đại bộ phận các nhánh suối đều cạn kiệt vào cuối mùa khô. Trên hệ thống Sông Ray đã xây dựng được các hồ chứa nước nhỏ như: hồ Suối Vọng, hồ Suối Đồi đã có tác dụng tốt trong việc cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất, nhưng do lượng nước được tích trong hồ không lớn, địa hình vùng tưới bị chia cắt nên phạm vi tưới thường hẹp, chi phí cho tưới khá cao. Hồ Suối Ran khả năng giữ nước kém nên năng lực tưới rất hạn chế.

+ Các nhánh sông thuộc hệ thống sông Thị Vải: Các nhánh suối này bắt nguồn từ khu vực phía Tây Nam núi Đầu Rừu và núi Hàng Gòn, diện tích lưu vực từ 300 - 400 km², bao gồm các suối như suối Quýt, suối Thái Lan, suối Rừu, suối Râm, suối Sóc,... nhưng do thảm phủ kém, mùa khô kéo dài nên các suối này đều bị kiệt vào cuối mùa khô.

- Huyện Cẩm Mỹ nằm trong khu vực nghèo mạch nước ngầm. Trên đất đỏ được phong hóa từ đá bazan nước ngầm thường xuất hiện ở độ sâu từ 25 - 30 m, các khu vực khác nước ngầm thường xuất hiện ở độ sâu từ 80 - 102 m, lưu lượng trung bình từ 0,5 đến 12 l/s, chất lượng tốt. Hiện nay nước ngầm đang được khai thác cho sinh hoạt và tưới cho cà phê, tiêu, cây ăn quả.

2. Các nguồn tài nguyên

2.1. Tài nguyên đất

a) Phân loại đất:

Toàn Huyện có 04 nhóm đất chính, đặc điểm của từng nhóm đất như sau:

(1). Nhóm đất đá bọt (AN-Andosols): Đất đá bọt núi lửa là loại đất tốt, nhưng có diện tích nhỏ (729 ha), phân bố trong phạm vi hẹp thuộc các xã Xuân Bảo, Bảo Bình,...

- **Đặc điểm phát sinh:** Đất được hình thành trên đá bọt núi lửa, có lớp bề mặt thỏa các yêu cầu của đặc tính Andic dày trên 35cm, được xếp vào nhóm đất bọt Andosols.

- **Thành phần cơ giới:** Đất AN có thành phần cơ giới nhẹ, đá chưa phong hóa chiếm tỷ lệ khá cao.

- **Tính chất lý hóa học:** Độ chua hoạt tính và chua trao đổi trong đất đạt mức trung bình.

- *Đặc tính nông học*: đất rất giàu mùn, đạm, lân, mức độ giữ chặt lân rất cao (71-88%), lân dễ tiêu vẫn khá cao nhưng kali tổng số thấp.

(2). Nhóm đất đỏ (Ferasols-FR): Đất đỏ có diện tích lớn (chiếm 47,38% tổng diện tích). Phân bố hầu hết ở các xã phía Tây (Nhân Nghĩa, Xuân Mỹ, Xuân Đường và thị trấn Long Giao) Hầu hết có tầng dày >100 cm, độ phì cao. Trên các chân đất này, hiện đang sản xuất cây công nghiệp dài ngày (cà phê, cao su, điều) và cây ăn quả.

- *Đặc điểm phát sinh*: Đất hình thành trên đá mẹ bazan trung tính.

- *Thành phần cơ giới*: Đất có thành phần cơ giới nặng, cấu tượng viên hạt, tơi xốp.

- *Tính chất lý hóa học*: Đất thường chua, CEC, cation trao đổi, kiềm trao đổi và độ no bazơ thấp.

- *Đặc tính nông học*: Đất FR giàu đạm, lân và nghèo kali.

Nhìn chung chất lượng của đất đỏ có độ phì tương đối cao, thích hợp cho nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như cao su, cà phê, cây ăn quả,... Tuy nhiên, khả năng sử dụng phụ thuộc rất nhiều vào độ dày tầng đất mặt. Nếu đất có tầng đất mặt dày thì nên trồng cây dài ngày, ngược lại thì nên dành cho cây ngắn ngày như bắp, đậu đỗ,...

(3). Đất nâu thẫm (Luvisols - LV): Đất nâu thẫm có vai trò quan trọng trong phát triển sản xuất nông nghiệp của huyện Cẩm Mỹ. Nhóm đất này có diện tích lớn, chiếm 47% tổng diện tích toàn Huyện. Phân bố tập trung ở các xã vùng Sông Ray. Hiện là địa bàn sản xuất cây lương thực trọng điểm của Huyện, với các loại cây ngắn ngày cho năng suất cao như: bắp, đậu đỗ, mía, lúa nước. Yếu tố hạn chế chính của nhóm đất này là kết von và một số diện tích có tầng đá nông.

- *Đặc điểm phát sinh*: Đất hình thành trên đá mẹ giàu kiềm.

- *Thành phần cơ giới*: Đất có thành phần cơ giới trung bình, thịt pha cát mịn đến thịt pha sét.

- *Tính chất lý hóa học*: Đất không chua, cation trao đổi cao, giàu cation kiềm trao đổi.

- *Đặc tính nông học*: Đất đen giàu đạm, kali tổng số nghèo.

Khả năng sử dụng đất phụ thuộc rất nhiều vào địa hình và khả năng thoát nước, trên chân đất cao có thể sử dụng để trồng nhiều loại cây trồng cạn: đậu đỗ, bắp,... Trên chân đất thấp có khả năng trồng lúa nước trong mùa mưa, cây trồng cạn vào đầu mùa khô.

(4). Đất tầng mỏng (LP): Nhóm đất tầng mỏng chiếm tỉ lệ nhỏ trong tổng diện tích toàn huyện (45 ha), phân bố ở xã Xuân Mỹ. Nhóm đất tầng mỏng chủ yếu được hình thành trên địa hình núi với mẫu chất là đá granit, số ít trên đá bazan.

Chất lượng đất kém, bị thoái hóa nghiêm trọng, chỉ dành cho trồng rừng hoặc cây có độ che phủ thay thế cây rừng.

b) Độ dốc, tầng dày

Độ dốc được phân thành 5 cấp : Cấp I : 0-3°, Cấp II : 3-8°, Cấp III : 8-15°, Cấp IV: 15-20°, Cấp V: > 20°.

Tầng dày được phân thành 5 loại: loại 1: >100 cm, loại 2: 70-100 cm, loại 3: 50-70 cm, loại 4: 30-50 cm, loại 5: < 30 cm.

Bảng 01: Diện tích đất phân theo độ dốc - tầng dày

Độ dốc	Diện tích		Tầng dày (cm)				
	(ha)	%	<30	30-50	50-70	70-100	>100
0-3°	18.136	38,71		2.678	744	97	14.617
3-8°	23.271	49,67	2.324	4.820	5.664	2.677	7.786
8-15°	2.683	5,73	50	623			2.010
15-20°	36	0,08	36				
> 20°	724	1,55	724				
Hồ	1.106	2,36					
Sông suối	489	1,04					
Tổng cộng (ha)	46.445	100,0	3.134	8.121	6.408	2.774	24.413
Tỷ lệ (%)	100,0		6,7	17,4	13,6	5,9	52,6

Đất đai ở Huyện khá bằng phẳng: có tới 88,7% diện tích có độ dốc dưới 8°, khá thuận lợi cho sử dụng vào mục đích nông-công nghiệp cũng như xây dựng các điểm dân cư và cơ sở hạ tầng. Yếu tố hạn chế là tầng dày: có tới 24,1% diện tích thuộc tầng mỏng(<50cm), 13,6% thuộc tầng trung bình (50-70cm), chỉ có 58,3% thuộc tầng dày và rất dày(>70cm).

Nhìn chung trong 04 nhóm đất, nhóm đất đỏ (Ferrasols) có nhiều ưu điểm nhất, khá thích hợp với các loại cây lâu năm. Kế đến là đất đen và đất đá bột núi lửa, nhưng do bị hạn chế bởi yếu tố tầng dày nên chỉ thích hợp với cây hàng năm và rất nhạy cảm với điều kiện khô hạn.

2.2. Tài nguyên nước

+ **Nước mặt:** Trên địa bàn huyện có: sông Ray và các hệ thống suối thuộc lưu vực sông Thị Vải.

- Sông Ray có đoạn chảy qua huyện Cẩm Mỹ dài 25 km, lưu lượng trung bình 10,6 m³/s, dòng sông chính có nước quanh năm, song đại bộ phận các nhánh suối đều cạn kiệt vào cuối mùa khô dẫn đến khó khăn trong việc cung cấp nước tưới cho nông nghiệp vào mùa khô. Trên dòng chính sông Ray đã xây dựng các hồ chứa nước nhỏ như: Hồ Suối Vọng, Hồ Suối Rang, Hồ Suối Thè, đã có tác dụng tốt trong việc cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất, nhưng do lượng nước tích được trong

hồ không lớn, địa hình vùng tưới lại bị chia cắt, nên phạm vi tưới thường hẹp và chi phí cho tưới tiêu khá cao. Các đập đã được xây dựng là: đập Suối Sáu (Sông Nhạn), đập Suối Trong (Xuân Bảo), đập Giao Thông (Lâm Sơn), đập Cù Nhí (Sông Ray) và đập suối Nhất.

- Các nhánh suối thuộc lưu vực sông Thị Vải: các nhánh suối này đều bị kiệt vào mùa khô, nên ý nghĩa cấp nước cho tưới tiêu và sinh hoạt rất hạn chế.

Nhìn chung, nguồn nước mặt trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ còn thiếu rất nhiều so với nhu cầu sản xuất và sinh hoạt trong cả giai đoạn trước mắt và lâu dài. Phần lớn các sông suối trên địa phận huyện Cẩm Mỹ thường ngắn và dốc lại không có nguồn sinh thủy, nên khả năng giữ nước rất kém, nghèo kiệt vào mùa khô. Việc xây dựng các hồ chứa kết hợp với chuyển tải nước từ ngoài vùng vào là rất cần thiết cho phát triển sản xuất nông nghiệp nói riêng và kinh tế - xã hội nói chung.

+ Nước ngầm:

Theo bản đồ địa chất - thủy văn tỉnh Đồng Nai tỷ lệ 1/100.000 thì huyện Cẩm Mỹ nằm trong khu vực nghèo nước ngầm. Trên nền địa chất đất đỏ đã phong hóa từ đá bazan nước ngầm thường xuất hiện ở độ sâu từ 25 - 30 m. Các khu vực khác nước ngầm thường xuất hiện ở độ sâu 80 - 120 m, lưu lượng trung bình từ 0,5 đến 12 l/s, chất lượng tốt, nhưng trữ nước rất hạn chế. Hiện nay, nguồn nước ngầm này đang được khai thác cho sinh hoạt và tưới tiêu cho cây trồng. Nguồn nước ngầm có xu hướng giảm nên cần có biện pháp quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý.

Tóm lại, đối với tài nguyên nước, huyện Cẩm Mỹ có thuận lợi chính là có các nhánh suối thuộc hệ thống sông Ray chảy qua với lưu lượng khá và nhiều công trình hồ chứa đã được xây dựng; song có khá nhiều khó khăn phải đối mặt là sông rạch phân bố không đều, không có nguồn sinh thủy và cao trình thấp nên khó tạo nguồn và dẫn đến tình trạng khan hiếm nước vào mùa khô, nước ngầm nghèo và độ sâu xuất hiện nước ngầm lớn. Đây là yếu tố quan trọng để xác định việc phân bố cây trồng vật nuôi và hệ thống thủy lợi để phục vụ sinh hoạt cũng như phát triển nông nghiệp huyện.

2.3. Tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ không nhiều, chủ yếu là đất và đá được sử dụng làm nguyên vật liệu xây dựng. Nguồn nguyên liệu này lấy từ núi Cẩm Tiên (xã Nhân Nghĩa),... Tổng diện tích các khu vực có thể khai thác đá xây dựng là 8,87 ha. Hàng năm có thể khai thác 25.000 - 30.000 m³ đá cho nhu cầu xây dựng, sản xuất trên 2.000 bộ bàn, ghế đá các loại. Ngoài ra đất sét có trữ lượng khá lớn, hàng năm có thể khai thác, sản xuất trên 5 triệu viên gạch.

3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

3.1. Về kinh tế

Tổng giá trị sản xuất năm 2024 (Giá so sánh 2010) đạt 32.489,59 tỷ đồng, đạt 100,27% KH, tăng 14,49% so với cùng kỳ, trong đó: Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,14%; công nghiệp và xây dựng tăng 15,17%; dịch vụ tăng 18,12%. Cụ thể:

- GTSX lĩnh vực Nông, lâm, thủy sản: 6.382,90 tỷ đồng;
- GTSX lĩnh vực công nghiệp - TTCN: 6.520,57 tỷ đồng;
- GTSX lĩnh vực thương mại - dịch vụ: 15.861,84 tỷ đồng;
- GTSX lĩnh vực Giao thông-vận tải, Bưu chính-Viễn thông, điện lực: 668,33 tỷ đồng.

(Báo cáo số: 589/BC-UBND ngày 05/12/2024 của UBND huyện Cẩm Mỹ về Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp năm 2025 của huyện Cẩm Mỹ)

3.2. Về dân số

Theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2023, dân số trung bình huyện Cẩm Mỹ là 147.068 người, chiếm 4,44% tổng dân số của toàn tỉnh, dân số nông thôn là 138.723 người. Mật độ dân số trung bình là 318 người/km².

3.3. Về đất đai

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2023, tổng diện tích tự nhiên của huyện là 46.258 ha, trong đó đất nông nghiệp 41.219 ha, đất phi nông nghiệp 5.037 ha, đất chưa sử dụng 2 ha.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất luôn được tỉnh nói chung và huyện nói riêng quan tâm thực hiện nhằm đáp ứng kịp thời cho yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của huyện, trong đó:

- Đối với công tác quy hoạch sử dụng đất: Hiện nay, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Cẩm Mỹ đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 5374/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

- Đối với công tác lập kế hoạch sử dụng đất: Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, từ năm 2015 đến nay, UBND huyện đã thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội

4.1. Những thuận lợi và thành tựu đạt được

- Huyện có vị trí địa lý nằm trong vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam nên có nhiều cơ hội thừa hưởng các thành tựu chung của vùng. Tốc độ tăng trưởng kinh

tế ở mức cao và có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực là điều kiện thuận lợi tạo động lực thúc đẩy các lĩnh vực kinh tế phát triển.

- Huyện nằm gần các công trình lớn của vùng, quốc gia đang được triển khai thực hiện như: Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Cao tốc Phan Thiết – Dầu Giây, Tỉnh lộ 773,... Khi các công trình này đi vào hoạt động sẽ tạo điều kiện để Huyện chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển đô thị dịch vụ, thu hút đầu tư và giải quyết việc làm.

- Địa hình đất đai thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển các khu công nghiệp, mở rộng đường giao thông đến các vùng giáp ranh, phát triển thương mại, dịch vụ.

- Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong những năm qua là tích cực. Thu nhập bình quân đầu người ngày càng được nâng cao là nguồn lực quan trọng và là cơ sở để Huyện tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế trong thời kỳ cả nước tiến tới công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

- Hiện tại với nền kinh tế sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, có diện tích cây công nghiệp dài ngày với quy mô lớn cũng là một trong những lợi thế để phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản – thực phẩm...

4.2. Những hạn chế và thách thức

- Tình hình kinh tế trong nước và trên địa bàn tỉnh còn nhiều khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển của địa phương. Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ chưa được tháo gỡ những khó khăn. Chưa thu hút được các nhà đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp, tình hình hoạt động của một số chợ chưa phát huy được công năng sử dụng.

- Tình hình chăn nuôi phát triển khá nhưng chưa bền vững, các Hợp tác xã, THT hoạt động chưa hiệu quả, kế hoạch tổ chức sản xuất nông nghiệp tập trung còn chậm. Một số nơi gây ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi chưa được giải quyết dứt điểm, vẫn còn tồn tại tình trạng chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư.

- Một số đường giao thông bị xuống cấp, thiếu vốn đầu tư nên chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, kinh doanh, liên kết phát triển kinh tế.

- Vị trí địa lý nằm trong vùng KTTĐPN sức hút các nguồn lực vào khu vực công nghiệp và dịch vụ ngày càng lớn với tốc độ nhanh làm cho các nguồn lực phục vụ sản xuất nông nghiệp giảm mạnh (đất đai, lao động, nguồn nước) từ đó làm gia tăng chi phí các yếu tố đầu vào (giá thuê đất, nhân công...), nguy cơ ô nhiễm môi trường tăng cao nếu không có biện pháp quản lý chặt chẽ và tính cạnh tranh các nông sản hàng hóa rất lớn; khí hậu nóng ẩm là điều kiện thuận lợi cho các loại dịch bệnh phát triển đồng thời hạn hán chằng thường xảy ra vào thời gian cây ra hoa kết trái; phần lớn diện tích đất có nguồn gốc bazan với tầng dày lớn và địa hình bằng phẳng thuộc về các nông trường quốc doanh trồng cao su nên việc

bố trí các loại cây trồng khác gặp không ít khó khăn; nguồn nước mặt phân bố không đều và nghèo nước ngầm đặt ra bài toán giải quyết nước tưới vào mùa khô.

4.3. Áp lực đối với đất đai

- Từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của huyện cho thấy áp lực đối với đất đai ngày càng gia tăng: Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhu cầu đất đai cho nâng cấp mở rộng các tuyến giao thông đường bộ, phát triển các khu dân cư, thành lập khu thương mại - dịch vụ và cơ sở hạ tầng văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục - thể thao...

- Áp lực đối với đất đai của huyện trong giai đoạn tới rất lớn và phần nhiều sẽ lấy từ đất sản xuất nông nghiệp. Cần phải sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, có hiệu quả và gắn liền với việc bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Bảng 02: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo chỉ tiêu sử dụng đất

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	So Sánh	
					Tăng (+); Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		46.257,71	46.257,71	-	100
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	39.994,08	41.215,12	1.221,04	103,05
1.1	Đất trồng lúa	LUA	745,13	752,40	7,27	100,98
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	471,75	472,15	0,40	100,08
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	273,38	280,25	6,87	102,51
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	4.716,13	4.841,83	125,70	102,67
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	33.786,46	34.869,64	1.083,18	103,21
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	*
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	*
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	37,66	37,66	-	100
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>*</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	331,78	336,72	4,94	101,49
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	*	-	*	*
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	*
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	376,92	376,87	-0,05	99,99
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	6.261,75	5.040,71	-1.221,04	80,50
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.585,32	1.204,33	-380,99	75,97

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	So Sánh	
					Tăng (+); Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	210,89	60,39	-150,50	28,64
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	19,04	17,08	-1,96	89,71
2.4	Đất quốc phòng	CQP	495,68	370,13	-125,55	74,67
2.5	Đất an ninh	CAN	45,07	39,18	-5,89	86,93
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	*	318,88	*	*
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	10,67	10,79	0,12	101,12
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,98	2,98	-	100
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,84	13,93	0,09	100,65
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	71,61	66,87	-4,74	93,38
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	12,70	14,00	1,30	110,24
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	209,27	209,27	-	100
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	*	-	*	*
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	*	-	*	*
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	*
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	*	1,04	*	*
-	<i>Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp</i>	<i>DTS</i>	<i>1,24</i>	<i>1,04</i>		
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	*	81,76	*	*
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	300,00	-	-300,00	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	57,35	-	-57,35	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	*	-	*	*
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	62,28	30,71	-31,57	49,31
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	52,61	47,78	-4,83	90,82
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	3,27	3,27	*
-	<i>Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản</i>	<i>SKS</i>	<i>-</i>	<i>-</i>		
-	<i>Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm</i>	<i>SKX</i>	<i>17,87</i>	<i>3,27</i>		
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	*	1.639,34	*	*
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.350,41	1.212,21	-138,20	89,77
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	430,45	426,95	-3,50	99,19
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	*	-	*	*
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	*	-	*	*
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	*	0,18	*	*
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,18</i>	<i>0,18</i>		
-	<i>Đất danh lam thắng cảnh</i>	<i>DDL</i>	<i>-</i>	<i>-</i>		
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	21,25	21,25	-	100
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,94	1,94	-	100
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,10	2,11	0,01	100,48

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	So Sánh	
					Tăng (+); Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,72	6,72	-	100
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	*	11,97	*	*
-	<i>Đất khu vui chơi, giải trí công cộng</i>	<i>DKV</i>	<i>3,19</i>	<i>2,10</i>		
-	<i>Đất sinh hoạt cộng đồng</i>	<i>DSH</i>	<i>9,87</i>	<i>9,87</i>		
2.9	Đất tôn giáo	TON	34,45	33,84	-0,61	98,23
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	3,89	3,89	-	100
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	73,47	73,47	-	100
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	*	1.154,43	*	*
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	666,23	666,23	-	100
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	488,20	488,20	-	100
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	*
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1,88	1,88	-	100

(Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu số 02/CH)

a) Nhóm đất nông nghiệp:

Chỉ tiêu nhóm đất nông nghiệp được duyệt theo kế hoạch sử dụng đất là 39.994,08 ha. Đến nay, diện tích đất nông nghiệp sau khi thực hiện các dự án còn lại 41.215,12 ha, cao hơn 1.221,04 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 103,05% chỉ tiêu kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do tình hình kinh tế trong những năm qua phát triển chậm so với mục tiêu ban đầu, ảnh hưởng đến khả năng huy động và thu hút vốn đầu tư vào các công trình theo kế hoạch đã đề ra, việc chuyển mục sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng và các công trình phục vụ phát triển kinh tế, dân sinh triển khai thực hiện còn chậm. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu đất nông nghiệp như sau:

- Đất trồng lúa: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 745,13 ha, thực hiện đến nay diện tích là 752,40 ha, cao hơn 7,27 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 100,98% chỉ tiêu kế hoạch. Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước được duyệt là 471,75 ha, thực hiện đến nay có diện tích là 472,15 ha, cao hơn 0,40 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 100,08% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất trồng cây hằng năm khác: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 4.716,13 ha, thực hiện đến nay diện tích là 4.841,83 ha, cao hơn 125,70 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 102,67% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất trồng cây lâu năm: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 33.786,46 ha, thực hiện đến nay diện tích là 34.869,64 ha, cao hơn 1.083,18 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 103,21% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất rừng sản xuất: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 37,66 ha, thực hiện đến nay diện tích là 37,66 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 331,78 ha, thực hiện đến nay diện tích là 336,72 ha, cao hơn 4,94 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 101,49% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất nông nghiệp khác: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 376,92 ha, thực hiện đến nay diện tích là 376,87 ha, thấp hơn 0,05 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 99,99% chỉ tiêu kế hoạch.

b) Nhóm đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp được duyệt theo kế hoạch sử dụng đất là 6.261,75 ha, đến nay thực hiện được 5.040,71 ha, thấp hơn 1.221,04 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 80,5% chỉ tiêu kế hoạch. Các công trình, dự án chưa triển khai hoặc chưa được triển khai theo đúng tiến độ do thiếu vốn thực hiện và công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai chậm do tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới. Trong đó, các dự án thuộc các lĩnh vực: phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông, thủy lợi, khu dân cư tập trung, phát triển đô thị, khu công nghiệp, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, các công trình phúc lợi dân sinh,... chưa thực hiện đúng tiến độ. Một phần do dự báo về nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực chưa sát với thực tế. Vì vậy, các dự án chưa có khả năng thực hiện trong năm 2024 phải chuyển tiếp sang các năm sau hoặc hủy bỏ. Chi tiết tình hình thực hiện các chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp cụ thể như sau:

- Đất ở tại nông thôn: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1.585,32 ha thực hiện đến nay diện tích là 1.204,33 ha, thấp hơn 380,99 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 75,97% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất ở tại đô thị: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 210,89 ha thực hiện đến nay diện tích là 60,39 ha, thấp hơn 150,50 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 28,64% chỉ tiêu kế hoạch.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất ở thấp so với chỉ tiêu kế hoạch do các dự án khu dân cư đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất hoặc giao đất; Các khu đất vùng phụ cận các tuyến đường đưa vào kế hoạch sử dụng đất theo Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, nhưng chưa được triển khai thực hiện, phải chuyển tiếp sang năm 2025 để thực hiện. Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đăng ký nhưng chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 19,04 ha, thực hiện đến nay diện tích là 17,08 ha, thấp hơn 1,96 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 89,71% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất quốc phòng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 495,68 ha, thực hiện đến nay diện tích là 370,13 ha, thấp hơn 125,55 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 74,67% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất an ninh: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 45,07 ha, thực hiện đến nay diện tích là 39,18 ha, thấp hơn 5,89 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 86,93% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp, thực hiện đến nay diện tích là 318,88 ha. Trong đó:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 10,67 ha, thực hiện đến nay diện tích là 10,79 ha, cao hơn 0,12 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 101,12% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất xây dựng cơ sở xã hội: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 2,98 ha, thực hiện đến nay diện tích là 2,98 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 13,84 ha, thực hiện đến nay diện tích là 13,93 ha, cao hơn 0,09 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 100,65% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 71,61 ha, thực hiện đến nay diện tích là 66,87 ha, thấp hơn 4,74 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 93,38% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 12,70 ha, thực hiện đến nay diện tích là 14,00 ha, cao hơn 1,30 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 110,24% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 209,27 ha, thực hiện đến nay diện tích là 209,27 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: (bao gồm *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp* chỉ tiêu được duyệt là 1,24 ha), thực hiện đến nay diện tích là 1,04 ha.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thực hiện đến nay diện tích là 81,76 ha. Trong đó:

+ Đất khu công nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 495,68 ha. Hiện nay Khu công nghiệp Cẩm Mỹ đã được UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành các quyết định công bố dự án, quyết định hồi đất, tiến hành công tác đền bù giải tỏa. Tuy nhiên, đến nay công tác giải phóng mặt bằng vẫn chưa thực hiện xong.

+ Đất cụm công nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 45,07 ha. Hiện nay Cụm công nghiệp Long Giao đã được UBND huyện Cẩm Mỹ hoàn thành công tác thu hồi đất, đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

+ Đất thương mại, dịch vụ: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là * ha, thực hiện đến nay diện tích là 318,88 ha, .

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 10,67 ha, thực hiện đến nay diện tích là 10,79 ha, cao hơn 0,12 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 101,12% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: (bao gồm *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm* chỉ tiêu được duyệt là 17,87 ha), thực hiện đến nay diện tích là 3,27 ha.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng, thực hiện đến nay diện tích là 1.683,33 ha. Trong đó:

+ Đất công trình giao thông: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1.350,41 ha, thực hiện đến nay diện tích là 1.212,21 ha, thấp hơn 138,20 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 89,77% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất công trình thủy lợi: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 430,45 ha, thực hiện đến nay diện tích là 426,95 ha, thấp hơn 3,50 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 99,19% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: (bao gồm *Đất có di tích lịch sử - văn hóa* chỉ tiêu được duyệt là 0,18 ha), thực hiện đến nay diện tích là 0,18 ha.

+ Đất công trình xử lý chất thải: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 21,25 ha, thực hiện đến nay diện tích là 21,25 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1,94 ha, thực hiện đến nay diện tích là 1,94 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 2,10 ha, thực hiện đến nay diện tích là 2,11 ha, cao hơn 0,01 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 100,48% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất chợ: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 6,72 ha, thực hiện đến nay diện tích là 6,72 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: (bao gồm: *Đất khu vui chơi giải trí công cộng* chỉ tiêu được duyệt là 3,19 ha; *Đất sinh hoạt cộng đồng* chỉ tiêu được duyệt là 9,87 ha), thực hiện đến nay diện tích là 11,97 ha.

- Đất tôn giáo: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 34,45 ha, thực hiện đến nay diện tích là 33,84 ha, thấp hơn 0,61 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 98,23% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất tín ngưỡng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 3,89 ha, thực hiện đến nay diện tích là 3,89 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 73,47 ha, thực hiện đến nay diện tích là 73,47 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất có mặt nước chuyên dùng, thực hiện đến nay diện tích là 1.154,43 ha. Trong đó:

+ Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 666,23 ha, thực hiện đến nay diện tích là 666,23 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 488,20 ha, thực hiện đến nay diện tích là 488,20 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

c) Đất chưa sử dụng: Diện tích 1,88 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

1.2. Kết quả thực hiện các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Cẩm Mỹ đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 với tổng số 00 dự án với diện tích 0,16 ha.

Thực tế, để hoàn thành tất cả các công đoạn liên quan đến thủ tục về đất đai khi thực hiện dự án như: chấp thuận chủ trương đầu tư để lập dự án; trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất,... cần phải có thời gian khá dài, nhất là đối với những dự án có diện tích lớn.

Vì vậy, việc tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sẽ căn cứ vào tổng số lượng, diện tích các dự án đã thực hiện hoàn thành và đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai là phù hợp với thực tiễn.

**Bảng 03: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024
theo số lượng dự án**

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Kế hoạch được duyệt		Đã và đang thực hiện		Tỷ lệ đạt được (%)	
			Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Về số dự án	Về diện tích
	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	01	1,06	01	1,06	100	100
1	Đất nông nghiệp khác	NKH	01	1,06	01	1,06	100	100
	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	105	1.413,40	75	737,20	71,43	52,16
1	Đất ở tại nông thôn	ONT	09	415,57	03	19,37	33,33	4,66
2	Đất ở tại đô thị	ODT	03	137,65	00	-	-	-
3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	06	4,00	06	4,00	100	100
4	Đất quốc phòng	CQP	01	125,55	01	125,55	100	100
5	Đất an ninh	CAN	06	5,89	06	5,89	100	100
6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	18	8,88	18	8,88	100	100
6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	01	0,86	01	0,86	100	100
6.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	03	0,97	03	0,97	100	100
6.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	13	7,05	13	7,05	100	100
6.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	01	-	01	-	100	-
-	<i>Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp</i>	<i>DTS</i>	<i>01</i>	<i>-</i>	<i>01</i>	<i>-</i>	<i>100</i>	<i>-</i>
7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	22	384,14	06	361,66	27,27	94,15
7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	01	300,00	01	300,00	100	100
7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	01	57,35	01	57,35	100	100
7.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	14	4,07	03	1,30	21,43	31,94
7.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	04	7,65	01	3,01	25,00	39,35
7.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	02	15,07	00	-	-	-
-	<i>Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm</i>	<i>SKX</i>	<i>02</i>	<i>15,07</i>	<i>00</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	22	318,45	18	202,50	81,82	63,59
8.1	Đất công trình giao thông	DGT	15	314,79	11	198,84	73,33	63,17
8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	02	3,50	02	3,50	100	100
8.3	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	05	0,16	05	0,16	100	100
-	<i>Đất sinh hoạt cộng đồng</i>	<i>DSH</i>	<i>05</i>	<i>0,16</i>	<i>05</i>	<i>0,16</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
9	Đất tôn giáo	TON	17	9,35	17	9,35	100	100

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Kế hoạch được duyệt		Đã và đang thực hiện		Tỷ lệ đạt được (%)	
			Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Về số dự án	Về diện tích
10	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	01	3,92	00	-	-	-
Tổng cộng			106	1.414,46	76	738,26	71,70	52,19

(Kết quả thực hiện các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu số 02B/CH)

Tổng số dự án phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Cẩm Mỹ là 106 dự án/1.414,46 ha. Kết quả thực hiện các dự án, cụ thể:

Đã và đang thực hiện 76/106 dự án diện tích 738,26 ha, đạt 71,7% về số lượng và 52,19% về diện tích kế hoạch được duyệt, trong đó:

+ Dự án đã hoàn thành thủ tục đất đai (đã được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất) là 04 dự án/11,57 ha, đạt 3,77% về số lượng dự án và 0,82% về diện tích kế hoạch.

+ Dự án đã có quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư: 31 dự án/693,88 ha, đạt 29,25% về số lượng dự án và 49,06% về diện tích kế hoạch.

+ Dự án đã có thông báo thu hồi đất: 04 dự án/13,06 ha;

+ Dự án đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương: 14 dự án/12,50 ha;

+ Dự án đã xây dựng nhưng chưa hoàn thành thủ tục về đất đai: 23 dự án/7,25 ha.

*** Trong đó, đề xuất xem xét, hủy bỏ đối với 06 dự án/2,00 ha do các dự án này được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm của huyện từ năm 2023 trở về trước nhưng chưa có quyết định thu hồi đất, chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc không còn nhu cầu.**

- Dự án chưa triển khai thực hiện đề xuất chuyển tiếp sang 2025 (do chưa quá 02 năm) là 30 dự án/676,20 ha, chiếm 28,30% về số lượng dự án và 47,81% về diện tích kế hoạch.

Cụ thể như sau:

a) Đất ở tại nông thôn:

- Đang thực hiện 03/09 dự án diện tích 19,37 ha, đạt 33,33% về số lượng và 4,66% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất. Khu đất đấu giá (thửa đất số 101 tờ bản đồ số 42 xã Sông Ray); Khu đất

đấu giá (thửa đất số 41, 59, 60 tờ bản đồ số 56 xã Sông Nhạn) đã được chấp thuận chủ trương, đang triển khai thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất.

- Chưa thực hiện 06/09 dự án diện tích 396,20 ha, gồm: Khu đất đấu giá (thửa đất số 121 tờ bản đồ số 20 xã Sông Ray) do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ đề xuất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất. Khu đất vùng phụ cận tuyến Tỉnh lộ 773; Khu đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Cẩm Mỹ; Khu đất vùng phụ cận Dự án đường N1; Khu đất vùng phụ cận Dự án đường vành đai Long Giao; Khu đất vùng phụ cận tuyến Tỉnh lộ 770B đưa vào kế hoạch sử dụng đất theo Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

b) Đất ở tại đô thị:

Chưa thực hiện 03/03 dự án diện tích 137,65 ha, gồm: Khu đất đấu giá (thửa đất số 356 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao); Khu đất đấu giá (thửa đất số 357 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao) do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ đăng ký đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất; Khu đất vùng phụ cận Dự án đường vành đai Long Giao tại thị trấn Long Giao đưa vào kế hoạch sử dụng đất theo Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

c) Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Đang thực hiện 06/06 dự án diện tích 4,00 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt gồm:

+ Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn; Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Thừa Đức; Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế đã có Quyết định thu hồi đất, đang xây dựng;

+ Trụ sở UBND xã Xuân Đông; Trụ sở UBND xã Xuân Tây hiện nay, đang rà soát hồ sơ, thực hiện thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phương án quản lý đất công đã được phê duyệt;

+ Điều chuyển Trung tâm Y tế dự phòng sang UBND huyện Cẩm Mỹ quản lý đã được chấp thuận chủ trương về việc điều chuyển tài sản nhà, đất của Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ sang UBND huyện Cẩm Mỹ quản lý, sử dụng.

d) Đất quốc phòng:

Đang thực hiện 01/01 dự án diện tích 125,55 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, là Cụm công nghiệp quốc phòng phía Nam, đã có Quyết định thu hồi đất đối với đất của Công ty Cao su Đồng Nai đang tiến làm thủ tục thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

đ) Đất an ninh:

Đang thực hiện 06/06 dự án diện tích 5,89 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Nhà tạm giữ Công an huyện; Xây dựng Trụ sở làm việc công an xã Xuân Đường đã chấp thuận chủ trương đầu tư; Xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã Xuân Mỹ; Xây dựng nhà lực lượng công an Xuân Bảo; Trụ sở công an xã Lâm Sơn xã Xuân Đông, đã xây dựng đưa vào sử dụng nhưng chưa hoàn tất thủ tục đất đai.

e) Đất xây dựng công trình sự nghiệp:

Đã thực hiện 01/18 dự án diện tích 0,64 ha, đạt 5,56% về số lượng và 7,21% về diện tích kế hoạch được duyệt. Đang thực hiện 17/18 dự án diện tích 8,24 ha, đạt 94,44% về số lượng và 92,79% về diện tích kế hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Đang thực hiện 01/01 dự án diện tích 0,86 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, là Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng xã Xuân Tây. Hiện nay, đang rà soát hồ sơ, thực hiện thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phương án quản lý đất công đã được phê duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở y tế:

+ Đã thực hiện 01/03 dự án diện tích 0,64 ha, đạt 33,33% về số lượng và 65,98% về diện tích kế hoạch được duyệt, là Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ (Hệ dự phòng);

+ Đang thực hiện 02/03 dự án diện tích 0,33 ha, đạt 66,67% về số lượng và 34,02% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Trạm y tế xã Xuân Tây; Trạm y tế xã Thừa Đức.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Đang thực hiện 13/13 dự án diện tích 7,05 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm:

+ Trường THCS Nguyễn Trãi; Xây dựng trường mầm non Sông Ray (phân hiệu áp 1); Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu); Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu áp Bể Bạc); Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng); Xây dựng Trường Mầm non Lâm Sơn; Trường MN Sông Nhạn; Trường MN Sông Ray (áp 9), đã có quyết định thu hồi đất, có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai;

+ Xây mới Trường Mầm non Tuổi Thơ; Xây mới Trường Mầm non Xuân Tây đã được chấp thuận chủ trương đầu tư đang thực hiện các bước tiếp theo;

+ Các dự án, gồm: Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình; Trường Tiểu học Xuân Mỹ (mở rộng); Xây dựng Trường Mầm

non Bảo Bình (phân hiệu Tân Xuân) đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch đã quá 02 năm nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác (bao gồm *đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*): Hiện nay, công trình Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai.

g) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp:

Đã thực hiện 01/22 dự án diện tích 3,01 ha, đạt 4,55% về số lượng và 0,78% về diện tích kế hoạch được duyệt. Đang thực hiện 05/22 dự án diện tích 358,65 ha, đạt 22,73% về số lượng và 93,36% về diện tích kế hoạch được duyệt. Chưa thực hiện 16/22 dự án diện tích 22,48 ha. Trong đó:

- Đất khu công nghiệp: Hiện nay Khu công nghiệp Cẩm Mỹ đã được UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành các quyết định công bố dự án, quyết định giải tỏa thu hồi đất, tiến hành công tác đền bù giải tỏa. Tuy nhiên, đến nay công tác giải phóng mặt bằng vẫn chưa thực hiện xong do đó chưa đủ cơ sở để thông kê, kiểm kê vào mục đích đất khu công nghiệp.

- Đất cụm công nghiệp: Hiện nay Cụm công nghiệp Long Giao đã được UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành các quyết định thu hồi đất, tiến hành công tác đền bù giải tỏa. Đến nay công tác giải phóng mặt bằng đã thực hiện xong, đang triển khai thực hiện đấu giá.

- Đất thương mại dịch vụ:

Đang thực hiện 03/14 dự án diện tích 1,30 ha, đạt 21,43% về số lượng và 31,94% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Khu đất đấu giá (thửa đất số 61 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao); Khu đất đấu giá (thửa đất số 373 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao); Khu thương mại dịch vụ Hương lộ 10 (Khu dịch vụ ngành viễn thông) là các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất đã có quyết định thu hồi đất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá.

Chưa thực hiện 11/14 dự án diện tích 2,77 ha, gồm:

+ Khu đất đấu giá (thửa đất số 44 tờ bản đồ số 48 thị trấn Long Giao); Khu đất đấu giá (thửa đất số 69 tờ bản đồ số 3 thị trấn Long Giao); Khu đất đấu giá (thửa đất số 355 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao) là các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ đề xuất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá nhưng chưa triển khai thực hiện.

+ Trạm xăng dầu Châu Loan số 17; Trạm xăng dầu Phúc An Phát; Trạm xăng dầu Tín Nghĩa; Trạm xăng dầu Định Hương; Trạm xăng dầu Sông Ray - Công ty TNHH TMDV NEOM; Trạm xăng dầu Xuân Tây - Công ty TNHH TMDV NEOM; Trạm xăng dầu Xuân Tây - Công ty TNHH Gia Mỹ Nhiên; Trạm xăng

dầu Xuân Tây - Công ty TNHH Tổng hợp Long Hùng Phát chủ đầu tư đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

+ Đã thực hiện 01/04 dự án diện tích 3,01 ha, đạt 25% về số lượng và 39,35% về diện tích kế hoạch được duyệt, là Nhà máy sản xuất các loại phân bón hữu cơ;

+ Chưa thực hiện 03/04 dự án diện tích 4,64 ha, gồm: Kho chứa hồ tiêu - Hợp tác xã nông nghiệp Lâm Sơn; Xưởng chế biến tiêu sọ - Hợp tác xã nông nghiệp Lâm Sơn; Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại Toàn Thắng chủ đầu tư đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (bao gồm *đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*): Chưa thực hiện 02/02 dự án diện tích 15,07 ha, gồm: Dự án khai thác vật liệu san lấp - Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp hạ tầng Trường Thịnh; Dự án khai thác vật liệu san lấp - Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cường Hưng Phát chủ đầu tư đăng ký nhu cầu sử dụng đất thuộc trường hợp sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh theo pháp luật đất đai nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai.

h) Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Đã thực hiện 02/22 dự án diện tích 7,92 ha, đạt 9,09% về số lượng và 2,49% về diện tích kế hoạch được duyệt. Đang thực hiện 16/22 dự án diện tích 194,58 ha, đạt 72,73% về số lượng và 61,1% về diện tích kế hoạch được duyệt. Chưa thực hiện 04/22 dự án diện tích 115,95 ha. Trong đó:

- Đất công trình giao thông:

+ Đã thực hiện 01/15 dự án diện tích 7,20 ha, đạt 6,67% về số lượng và 2,29% về diện tích kế hoạch được duyệt, là Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình.

+ Đang thực hiện 10/15 dự án diện tích 191,64 ha, đạt 66,67% về số lượng và 60,88% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại; Đường Xuân Quế đi Tp. Long Khánh, Đường vào Cụm công nghiệp quốc phòng miền Nam; Đường số 26 (Đường Khu 2 khu phố Suối Cỏ); Đường D3-1 (Đoạn N6-N20); Đường N20; Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25; Đường dọc Sông Ray; Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây. Riêng dự án Hành lang đường Xuân Định - Lâm Sơn (Hành lang đường ĐT-765B phía trước chợ Bảo Bình) đưa vào kế hoạch từ năm 2018 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất.

+ Chưa thực hiện 04/15 dự án diện tích 115,95 ha, gồm: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc); Đường Xuân Bảo - Xuân Tây; Đường Ấp 5 - Quảng Thành; Đường La Hoa - Rừng Tre.

- Đất công trình thủy lợi:

+ Đã thực hiện 01/02 dự án diện tích 0,72 ha, đạt 50% về số lượng và 20,57% về diện tích kế hoạch được duyệt, là Mương tiêu áp 10, xã Sông Ray;

+ Đang thực hiện 01/02 dự án diện tích 2,78 ha, đạt 50% về số lượng và 79,43% về diện tích kế hoạch được duyệt, là Trạm bơm tăng áp - Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực 05 xã Kiệm Tân khu đô thị Dầu Giây, huyện Thống Nhất và vùng lân cận đã được chấp thuận chủ trương đầu tư đang thực hiện các bước tiếp theo.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng (bao gồm đất sinh hoạt cộng đồng): Đang thực hiện 05/05 dự án diện tích 0,16 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt. Đây là các công trình nhà văn hóa các ấp trên địa bàn huyện phục vụ xây dựng nông thôn mới đã đưa vào sử dụng vào vị trí đất do UBND xã, thị trấn quản lý, sử dụng không sử dụng đất của dân, không bồi thường tài sản, kịp thời đáp ứng nông thôn mới; các dự án đã được xây dựng và đưa vào hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, đang rà soát hồ sơ, thực hiện thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phương án quản lý đất công đã được phê duyệt.

i) Đất tôn giáo: Đang thực hiện 17/17 dự án diện tích 9,35 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm:

- Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt); Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quê (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp); Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng); Giáo xứ Xuân Bảo; Tịnh xá Ngọc Bình; Giáo xứ Gia Vinh; Chùa Hoàng Mai (mở rộng); Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ; Giáo xứ Thiên Đức; Giáo xứ Thừa Ân; Chùa Viên An; Chi hội Tin lành Xuân Đông; Cộng đoàn Đaminh Thánh Thể Xuân Lộc - Xuân Đường; Giáo xứ Suối Cả; Giáo xứ Xuân Tây là các cơ sở tôn giáo hợp pháp đã được công nhận, đã có hiện trạng đang thực hiện các bước tiếp theo để hoàn thành thủ tục đất đai.

- Thiên thất Chơn Như; Cộng đoàn Mẹ Vô Nhiễm (thuộc Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Linh Mục) là các cơ sở tôn giáo hợp pháp đã được công nhận, đã có hiện trạng có nhu cầu giao đất cơ sở tôn giáo đưa vào kế hoạch đã quá 02 năm nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất.

k) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Chưa thực hiện 01/01 dự án diện tích 3,92 ha, là Xây dựng nâng cấp Nghĩa trang ấp Cọ Dầu 1.

l) Đất nông nghiệp khác: Đang thực hiện 01/01 dự án diện tích 1,06 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt là Dự án mở rộng chăn nuôi bò thịt - Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Đồng Phát, đã được chấp

thuận chủ trương đầu tư, đang triển khai thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất.

Như vậy, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt của huyện dự kiến thực hiện 106 dự án/1.414,46 ha. Đã và đang thực hiện 76/106 dự án diện tích 738,26 ha, đạt 71,7% về số lượng và 52,19% về diện tích kế hoạch được duyệt.

Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai năm 2024 “*Diện tích đất được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 02 năm liên tục được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện phải xem xét, đánh giá điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố công khai việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất hoặc hủy bỏ việc chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện*”. Theo đó, đề xuất xem xét, hủy bỏ đối với 06 dự án/2,00 ha do các dự án này được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm của huyện từ năm 2023 trở về trước nhưng chưa có quyết định thu hồi đất, chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc không còn nhu cầu.

1.3. Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2024

- Tiếp nhận giải quyết đến hết ngày 31/07/2024 (theo Luật Đất đai năm 2013)

UBND huyện Cẩm Mỹ đã ban hành Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất 224 hồ sơ/19,33 ha, cụ thể:

- + Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở: 128 hồ sơ/3,75 ha;
- + Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm: 96 hồ sơ/15,58 ha.

- Hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/08/2024 (theo Luật Đất đai năm 2024): 99 hồ sơ/6,10 ha, trong đó:

- + Chuyển từ đất lúa sang các loại đất khác: 29 hồ sơ/4,20 ha;
- + Chuyển từ đất nông nghiệp (trừ đất lúa, đất rừng) sang đất ở: 70 hồ sơ/1,90 ha.

Luật Đất đai năm 2024 chính thức có hiệu lực từ 01/08/2024, tuy nhiên các văn bản hướng dẫn chưa đầy đủ. Đến ngày 23/09/2024, UBND tỉnh Đồng Nai mới ban hành Quyết định số 2781/QĐ-UBND, về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đất đai và lĩnh vực Tổng hợp thuộc thẩm quyền giải quyết ngành Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Sau khi UBND tỉnh ban hành quy trình nội bộ, đến nay UBND huyện Cẩm Mỹ đã quyết định cho phép chuyển mục đích đối với 66 hồ sơ/1,22 ha (chuyển sang đất ở).

1.4. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất từ năm 2023 trở về trước (quá 02 năm)

Tổng số lượng dự án phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Cẩm Mỹ là 106 dự án/1.414,46 ha. Trong đó, có 52 dự án/595,41 ha đã quá 02 năm (đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2023 trở về trước). Kết quả thực hiện các dự án, cụ thể như sau:

+ Dự án đã hoàn thành thủ tục đất đai (đã được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất) là 03 dự án/10,93 ha, đạt 5,77% về số lượng dự án và 1,84% về diện tích kế hoạch.

+ Dự án đã có quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư: 26 dự án/564,74 ha, đạt 50,00% về số lượng dự án và 94,85% về diện tích kế hoạch.

+ Dự án đã có thông báo thu hồi đất: 02 dự án/11,41 ha;

+ Dự án đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương: 08 dự án/4,10 ha;

+ Dự án đã xây dựng nhưng chưa hoàn thành thủ tục về đất đai: 13 dự án/4,23 ha.

** Trong đó, đề xuất xem xét, hủy bỏ đối với 06 dự án/2,00 ha do các dự án này được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm của huyện từ năm 2023 trở về trước nhưng chưa có quyết định thu hồi đất, chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc không còn nhu cầu. Lý do đề xuất hủy bỏ: Theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai năm 2024.*

Cụ thể:

a) Đất ở tại nông thôn: Đang thực hiện 03/03 dự án diện tích 19,37 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất; Khu đất đấu giá (thửa đất số 101 tờ bản đồ số 42 xã Sông Ray); Khu đất đấu giá (thửa đất số 41, 59, 60 tờ bản đồ số 56 xã Sông Nhạn) đã được chấp thuận chủ trương, đang triển khai thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất;

b) Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Đang thực hiện 05/05 dự án diện tích 3,66 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm:

- Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn; Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Thừa Đức; Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế đã có Quyết định thu hồi đất, đang xây dựng;

- Trụ sở UBND xã Xuân Đông; Trụ sở UBND xã Xuân Tây hiện nay, đang rà soát hồ sơ, thực hiện thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phương án quản lý đất công đã được phê duyệt.

c) Đất an ninh: Đang thực hiện 01/01 dự án diện tích 0,20 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt là Xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã Xuân Mỹ đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai.

d) Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Đang thực hiện 14/14 dự án diện tích 6,26 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất xây dựng cơ sở văn hoá: Đang thực hiện 01/01 dự án diện tích 0,86 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, là Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng xã Xuân Tây.

- Đất xây dựng cơ sở y tế: Đang thực hiện 01/01 dự án diện tích 0,20 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, là Trạm y tế xã Xuân Tây;

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Đang thực hiện 11/11 dự án diện tích 5,20 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm:

+ Trường THCS Nguyễn Trãi; Xây dựng trường mầm non Sông Ray (phân hiệu áp 1); Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu); Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu áp Bể Bạc); Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng); Xây dựng Trường Mầm non Lâm San; Trường MN Sông Nhạn; Trường MN Sông Ray (áp 9) đã có quyết định thu hồi đất, có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai;

+ Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình; Trường Tiểu học Xuân Mỹ (mở rộng); Xây dựng Trường Mầm non Bảo Bình (phân hiệu Tân Xuân) đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch đã quá 02 năm nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác (bao gồm *đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*): Hiện nay, công trình Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai.

đ) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Đã thực hiện 01/06 dự án diện tích 3,01 ha, đạt 16,67% về số lượng và 0,83% về diện tích kế hoạch được duyệt. Đang thực hiện 05/06 dự án diện tích 358,65 ha, đạt 83,33% về số lượng và 99,17% về diện tích kế hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất khu công nghiệp: Hiện nay Khu công nghiệp Cẩm Mỹ đã được UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành các quyết định công bố dự án, quyết định giải tỏa thu hồi đất, tiến hành công tác đền bù giải tỏa. Tuy nhiên, đến nay công tác giải phóng mặt bằng vẫn chưa thực hiện xong do đó chưa đủ cơ sở để thống kê, kiểm kê vào mục đích đất khu công nghiệp.

- Đất cụm công nghiệp: Hiện nay Cụm công nghiệp Long Giao đã được UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành các quyết định thu hồi đất, tiến hành công tác đền bù giải tỏa. Đến nay công tác giải phóng mặt bằng đã thực hiện xong, đang triển khai thực hiện đấu giá.

- Đất thương mại, dịch vụ: Đang thực hiện 03/03 dự án diện tích 1,30 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Khu đất đấu giá (thửa đất số 61 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao); Khu đất đấu giá (thửa đất số 373 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao); Khu thương mại dịch vụ Hương lộ 10 (Khu dịch vụ ngành viễn thông).

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Đã thực hiện 01/01 dự án diện tích 3,01 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, là Nhà máy sản xuất các loại phân bón hữu cơ.

e) Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Đã thực hiện 02/18 dự án diện tích 7,92 ha, đạt 11,11% về số lượng và 3,91% về diện tích kế hoạch được duyệt. Đang thực hiện 16/18 dự án diện tích 194,58 ha, đạt 88,89% về số lượng và 96,09% về diện tích kế hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất công trình giao thông:

+ Đã thực hiện 01/11 dự án diện tích 7,20 ha, đạt 9,09% về số lượng và 3,62% về diện tích kế hoạch được duyệt là Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình;

+ Đang thực hiện 10/11 dự án diện tích 191,64 ha, đạt 90,91% về số lượng và 96,38% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại; Đường Xuân Quế đi Tp. Long Khánh; Đường vào Cụm công nghiệp quốc phòng miền Nam; Đường số 26 (Đường Khu 2 khu phố Suối Cỏ); Đường D3-1 (Đoạn N6-N20); Đường N20; Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25; Đường dọc Sông Ray; Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây đã có Quyết định thu hồi đất, hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và thi công đưa vào sử dụng, hiện đang hoàn thiện các hạng mục phụ vụ dân sinh. Hành lang đường Xuân Định - Lâm San (Hành lang đường ĐT-765B phía trước chợ Bảo

Bình) đưa vào kế hoạch từ năm 2018 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất.

- Đất công trình thủy lợi:

+ Đã thực hiện 01/02 dự án diện tích 0,72 ha, đạt 50% về số lượng và 20,57% về diện tích kế hoạch được duyệt là Mương tiêu áp 10, xã Sông Ray;

+ Đang thực hiện 01/02 dự án diện tích 2,78 ha, đạt 50% về số lượng và 79,43% về diện tích kế hoạch được duyệt là Trạm bơm tăng áp - Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực 05 xã Kiềm Tân khu đô thị Dầu Giây, huyện Thống Nhất và vùng lân cận.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng (bao gồm *đất sinh hoạt cộng đồng*): Đang thực hiện 05/05 dự án diện tích 0,16 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, là các công trình nhà văn hóa các ấp trên địa bàn huyện phục vụ xây dựng nông thôn mới đã đưa vào sử dụng vào vị trí đất do UBND xã, thị trấn quản lý, sử dụng. Hiện nay, đang rà soát hồ sơ, thực hiện thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phương án quản lý đất công đã được phê duyệt.

g) Đất tôn giáo: Đang thực hiện 05/05 dự án diện tích 1,76 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm:

- Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt); Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quế (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp); Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng) là các cơ sở tôn giáo hợp pháp đã được công nhận, đã có hiện trạng đang thực hiện các bước tiếp theo để hoàn thành thủ tục đất đai;

- Thiên thất Chơn Như; Cộng đoàn Mẹ Vô Nhiễm (thuộc Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Linh Mục) là các cơ sở tôn giáo hợp pháp đã được công nhận, đã có hiện trạng có nhu cầu giao đất cơ sở tôn giáo đưa vào kế hoạch đã quá 02 năm nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất.

Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai năm 2024. Theo đó, đề xuất xem xét, hủy bỏ đối với 06 dự án/2,00 ha do các dự án này được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm của huyện từ năm 2023 trở về trước nhưng chưa có quyết định thu hồi đất, chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc không còn nhu cầu.

(Kết quả thực hiện các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2023 trở về trước của huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu số 02C/CH)

2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.1. Đối với kế hoạch sử dụng đất năm 2024:

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện trong năm 2024 đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện. Trong tổng số 106 dự án/1.414,46 ha đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhưng hiện nay Đã và đang thực hiện 76/106 dự án diện tích 738,26 ha, đạt 71,7% về số lượng và 52,19% về diện tích kế hoạch được duyệt.

Tuy nhiên, trong tổng số 76 dự án/738,26 ha đã và đang thực hiện thì có đến 66 dự án/724,69 ha chưa hoàn thành các thủ tục đất đai (chiếm 86,84% về số lượng và 98,16% về diện tích) và 06 dự án/2,00 ha đề xuất hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất (chiếm 7,89% về số lượng và 0,27% về diện tích), chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

- Các dự án chưa triển khai phần lớn là các dự án liên quan đến đất an ninh, đất quốc phòng, dự án đầu tư từ nguồn ngân sách, đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận các tuyến đường giao thông có diện tích lớn.

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải của địa phương nên không chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ không thuộc đối tượng được nhà nước thu hồi đất mà chủ đầu tư phải tự thỏa thuận, góp vốn bằng quyền sử dụng đất nên tiến độ thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực này cũng phụ thuộc vào năng lực của chủ đầu tư.

- Một số tổ chức, cá nhân đăng ký nhu cầu kế hoạch sử dụng đất để lập hồ sơ giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chậm thực hiện thủ tục do không đủ năng lực thực hiện theo kế hoạch đã đăng ký, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

2.2. Đối với kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất từ năm 2023 trở về trước (quá 02 năm)

- Do nhu cầu xây dựng nông thôn mới nên khi bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp khó khăn phải điều chỉnh sang vị trí khác thuận lợi hơn để triển khai xây dựng; đến nay phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác liên quan (quy hoạch nông thôn mới), dẫn đến chậm lập các thủ tục về đất đai.

- Năm 2015, 2016 là năm đầu tiên lập kế hoạch, năm 2017 thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong thực hiện, dẫn

đến đưa vào kế hoạch nhiều dự án chưa đầy đủ điều kiện để thực hiện đặc biệt là chưa bố trí được vốn đầu tư.

3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Các dự án nằm trong kế hoạch mà phải thu hồi đất thực hiện còn chậm do một số nguyên nhân sau:

- Việc thực hiện dự án phải trải qua nhiều công đoạn như: thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất... mất nhiều thời gian, nhất là đối với những dự án có diện tích lớn. Do vậy, có nhiều dự án được đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhằm thực hiện trước một số công đoạn và sẽ chuyển tiếp kế hoạch sử dụng đất năm tiếp theo để tiếp tục thực hiện.

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải của địa phương nên không chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Một số dự án do địa phương cân đối lại nguồn vốn, tập trung một số xã điểm và chưa huy động hết nguồn lực xã hội hóa trong nhân dân.

- Một số dự án do nhu cầu xây dựng các công trình cải tạo, chỉnh trang nông thôn; các công trình hạ tầng như giao thông, thủy lợi nên khi bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp khó khăn phải điều chỉnh sang vị trí khác thuận lợi hơn để triển khai xây dựng; đến nay phải chờ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác liên quan (quy hoạch chung xây dựng), dẫn đến vướng mắc trong lập các thủ tục về đất đai.

- Trong những năm gần đây, quy trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được quan tâm, cải thiện nhiều nhưng vẫn là công việc rất phức tạp, vẫn mất nhiều thời gian để thực hiện nhất là công tác định giá đất nên ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện của toàn dự án.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

1. Chỉ tiêu sử dụng đất

1.1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Tập trung hoàn chỉnh, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí huyện NTM nâng cao. Triển khai đồng bộ các loại quy hoạch. Phối hợp thực hiện tốt kêu gọi đầu tư các Khu - Cụm công nghiệp, du lịch, các loại hình dịch vụ. Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp hữu cơ, mở rộng chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng phát triển toàn diện, đồng bộ văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, đảm bảo

an sinh xã hội. Làm tốt công tác sắp xếp bộ máy, cải cách hành chính, tư pháp. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở.

1.2. Các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh:

a) Về kinh tế (4 chỉ tiêu)

- Tổng giá trị sản xuất năm 2025 (giá so sánh năm 2010) tăng 13-14% so với năm 2024. Trong đó:

+ Ngành nông - lâm nghiệp tăng 5 - 6%.

+ Ngành công nghiệp - xây dựng tăng 16 - 17%.

+ Ngành thương mại - dịch vụ tăng 18 - 19%.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 98 triệu đồng/năm.

- Tổng vốn đầu tư phát triển huy động toàn xã hội đạt 3.858,39 tỷ đồng.

- Thu ngân sách đạt dự toán được giao.

b) Về môi trường (3 chỉ tiêu)

- Phân loại xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn ở các hộ gia đình đạt >70%; ở cơ quan đơn vị đạt 100%.

- Thu gom và xử lý 100% chất thải y tế, 100% chất thải nguy hại, 100% chất thải công nghiệp không nguy hại, 100% chất thải rắn sinh hoạt.

- Tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 75%.

c) Về an sinh xã hội (12 chỉ tiêu)

- Duy trì và nâng chất các tiêu chí huyện NTM nâng cao; phấn đấu 12/12 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 04/12 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025.

- Giảm 50% hộ nghèo A trên tổng số hộ nghèo A.

- Tỷ lệ lao động không có việc làm khu vực đô thị dưới 2%.

- Tỷ lệ trạm y tế xã, thị trấn đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế đạt 100%. Tỷ lệ trạm y tế xã, thị trấn có bác sĩ làm việc đạt 100%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi dưới 5,3%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi dưới 11,18%.

- Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi quy định được tiêm chủng đạt 100%.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%.

- Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đạt chuẩn: Dân số đô thị đạt trên 90%; dân số nông thôn đạt 87%.

- Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội 56%.

- Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp 51%.

- Phân đầu tỷ lệ cai nghiện ma túy tập trung/ tổng số người nghiện ma túy có hồ sơ đạt 30%.

d) Về văn hóa, giáo dục - đào tạo (6 chỉ tiêu)

- Tỷ lệ ấp, khu phố đạt chuẩn văn hóa trên 95%. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa đạt trên 98%. Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa đạt trên 98%. Tỷ lệ thiết chế văn hóa cấp huyện và xã hoạt động hiệu quả đạt 100%. Tỷ lệ nhà văn hóa ấp, khu phố hoạt động hiệu quả đạt trên 90%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 88%.

- Tỷ lệ lao động có văn bằng, chứng chỉ đạt 37%.

- Duy trì 100% trẻ em 6 tuổi vào lớp 1.

- Duy trì 100% xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non 05 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, THCS và xóa mù chữ.

- Xây dựng 05 trường đạt chuẩn quốc gia.

đ) Về quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội (8 chỉ tiêu)

- Hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân ở cả 02 cấp (Tỷ lệ đảng viên chính thức đạt 1% trở lên). Hoàn thành bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch.

- Cán bộ Ban CHQS xã, thị trấn có trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở đạt trên 90%.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ chiếm 1,36% so với tổng số dân.

- Không để xảy ra điểm nóng về an ninh, trật tự, khủng bố, phá hoại.

- Phân đầu kéo giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội; kiềm chế, làm giảm số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng; giảm vụ cháy, nổ lớn; phân đầu kéo giảm số vụ ma túy (theo chỉ tiêu Nghị quyết của Đảng ủy Công an tỉnh).

- 100% tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, thụ lý, xử lý; tỷ lệ giải quyết đạt trên 90%.

- Tỷ lệ điều tra, khám phá án hình sự đạt trên 75%, trong đó án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 90% tổng số án khởi tố.

- Hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự được Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh giao.

e) Về xây dựng chính quyền (1 chỉ tiêu)

Tỷ lệ thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đạt chỉ tiêu tỉnh giao.

(Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của Hội đồng Nhân dân huyện Cẩm Mỹ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2025 huyện Cẩm Mỹ)

2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

2.1. Số lượng các dự án thực hiện trong năm 2025

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Cẩm Mỹ được tổng hợp trên cơ sở đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các Sở, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn có rà soát đối chiếu với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Cẩm Mỹ đã được phê duyệt. Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ sẽ thực hiện 109 dự án với tổng diện tích 1.641,95 ha. Trong đó:

- Điều chỉnh diện tích, thời gian thực hiện chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sang có 96 dự án/1.536,23 ha, gồm:

+ Đã có Quyết định thu hồi đất: 31 dự án/693,88 ha;

+ Đã có Thông báo thu hồi đất: 03 dự án/12,98 ha;

+ Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư: 11 dự án/12,18 ha;

+ Đã xây dựng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai: 21 dự án/5,85 ha;

+ Chưa triển khai thực hiện: 30 dự án/811,34 ha.

* Trong đó, đối với Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành (đã được HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021) bổ sung địa điểm thực hiện của dự án từ “các xã, thị trấn” thành “Thừa Đức, Xuân Đường, Nhân Nghĩa, Bảo Bình, Xuân Tây, Xuân Đông, thị trấn Long Giao” và điều chỉnh diện tích cần thu hồi đất từ “99,06 ha” đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 thành “237,95 ha”, đúng với diện tích đăng ký của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Đồng Nai.

- Bổ sung mới: 13 dự án/105,72 ha. Cụ thể:

Bảng 04: Số lượng công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm 2025

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			
					Chuyển tiếp từ KH 2024		Bổ sung mới	
					Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	01	1,06	01	1,06	-	-
1	Đất nông nghiệp khác	NKH	01	1,06	01	1,06	-	-
	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	74	720,73	95	1.535,17	13	105,72
1	Đất ở tại nông thôn	ONT	10	421,37	09	415,57	01	5,80
2	Đất ở tại đô thị	ODT	03	137,65	03	137,65	-	-

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			
					Chuyển tiếp từ KH 2024		Bổ sung mới	
					Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	07	4,78	06	4,00	01	0,78
4	Đất quốc phòng	CQP	01	125,55	01	125,55	-	-
5	Đất an ninh	CAN	06	5,89	06	5,89	-	-
6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	19	10,98	14	7,92	05	3,06
6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	02	1,20	01	0,86	01	0,34
6.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	03	0,55	02	0,33	01	0,22
6.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	12	6,71	10	6,53	02	0,18
6.4	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	01	2,32	-	-	01	2,32
6.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	01	0,20	01	0,20	-	-
7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	22	381,30	21	381,13	01	0,17
7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	01	300,00	01	300,00	-	-
7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	01	57,35	01	57,35	-	-
7.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	15	4,24	14	4,07	01	0,17
7.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	03	4,64	03	4,64	-	-
7.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	02	15,07	02	15,07	-	-
8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	23	541,39	19	445,59	04	95,80
8.1	Đất công trình giao thông	DGT	15	537,69	13	442,65	02	95,04
8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	02	2,92	01	2,78	01	0,14
8.3	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	01	0,62	-	-	01	0,62
8.4	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	05	0,16	05	0,16	-	-
9	Đất tôn giáo	TON	16	8,06	15	7,95	01	0,11
10	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	01	3,92	01	3,92	-	-
Tổng			109	1.641,95	96	1.536,23	13	105,72

a) Nhu cầu sử dụng đất ở tại nông thôn

Trong năm 2025 có 10 dự án/421,37 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024: 09 dự án/415,57 ha, gồm: Khu đất đấu giá (thửa đất số 101 tờ bản đồ số 42 xã Sông Ray); Khu đất đấu giá (thửa đất số 101 tờ bản đồ số 42 xã Sông Ray); Khu đất đấu giá (thửa đất số 41, 59, 60 tờ bản đồ số 56 xã Sông Nhạn); Khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa; Khu đất đấu giá (thửa đất số 121 tờ bản đồ số 20 xã Sông Ray); Khu đất vùng phụ cận tuyến Tỉnh lộ 773; Khu đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Cẩm Mỹ; Khu đất vùng phụ cận Dự án đường N1; Khu đất vùng

phụ cận Dự án đường vành đai Long Giao; Khu đất vùng phụ cận tuyến Tỉnh lộ 770B.

- Bổ sung mới: 01 dự án/5,80 ha, là Khu dân cư Lan Anh tại xã Thừa Đức.

b) Nhu cầu sử dụng đất ở tại đô thị

Năm 2025 có 03 dự án/137,65 ha, được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024, gồm: Khu đất đấu giá (thửa đất số 356 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao); Khu đất đấu giá (thửa đất số 357 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao); Khu đất vùng phụ cận Dự án đường vành đai Long Giao tại thị trấn Long Giao.

c) Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan

Năm 2025 có 07 dự án/4,78 ha, , trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024: 06 dự án/4,00 ha, gồm: Trụ sở UBND xã Xuân Đông; Trụ sở UBND xã Xuân Tây; Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn; Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Thừa Đức; Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế; Điều chuyển Trung tâm Y tế dự phòng sang UBND huyện Cẩm Mỹ quản lý.

- Bổ sung mới: 01 dự án/0,78 ha, là Xây dựng Trung tâm chính trị huyện Cẩm Mỹ.

d) Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng

Năm 2025 có 01 dự án/125,55 ha, được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là công trình quốc phòng Cụm công nghiệp quốc phòng phía Nam tại xã Xuân Mỹ, thị trấn Long Giao.

đ) Nhu cầu sử dụng đất an ninh

Năm 2025 có 06 dự án/5,89 ha, được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024, gồm: Xây dựng nhà lực lượng công an Xuân Bảo; Nhà tạm giữ Công an huyện; Trụ sở công an xã Lâm San; Trụ sở công an xã Xuân Đông; Xây dựng Trụ sở làm việc công an xã Xuân Đường.

e) Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hoá

Trong năm 2025 có 02 dự án/1,20 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024: 01 dự án/0,86 ha, là Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng xã Xuân Tây.

- Bổ sung mới: 01 dự án/0,34 ha, là Xây dựng tượng đài Thanh niên xung phong.

g) Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế

Trong năm 2025 có 03 dự án/0,55 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024: 02 dự án/0,33 ha, là Trạm y tế xã Xuân Tây; Trạm y tế xã Thừa Đức.

- Bổ sung mới: 01 dự án/0,22 ha, gồm: Trạm y tế xã Xuân Quế.

h) Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Trong năm 2025 có 12 dự án/6,71 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024: 10 dự án/6,53 ha, gồm: Trường THCS Nguyễn Trãi; Xây dựng trường mầm non Sông Ray (phân hiệu áp 1); Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu); Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu áp Bể Bạc); Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng); Xây dựng Trường Mầm non Lâm Sơn; Trường MN Sông Nhạn; Trường MN Sông Ray (áp 9); Xây mới Trường Mầm non Tuổi Thơ; Xây mới Trường Mầm non Xuân Tây.

- Bổ sung mới: 02 dự án/0,18 ha, gồm: Xây mới trường Mầm non Hương Dương; Xây mới bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Tiểu học Thừa Đức 2.

i) Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao

Năm 2025 có 01 dự án/2,32 ha, được bổ sung mới là dự án Nhà thi đấu đa năng huyện Cẩm Mỹ.

k) Nhu cầu sử dụng đất xây dựng công trình sự nghiệp khác

Năm 2025 có 01 dự án/0,20 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sang là Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ.

l) Nhu cầu sử dụng đất khu công nghiệp

Năm 2025 dự án Khu công nghiệp huyện Cẩm Mỹ 300 ha tại xã Thừa Đức đã có các Quyết định về việc thu hồi đất của của hộ gia đình, cá nhân. Chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo.

m) Nhu cầu sử dụng đất cụm công nghiệp

Năm 2025 dự án Cụm Công nghiệp Long Giao 57,35 ha đã có các quyết định thu hồi đất. Chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất.

n) Nhu cầu sử dụng đất thương mại, dịch vụ

Trong năm 2025 có 15 dự án/4,24 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024: 14 dự án/4,07 ha, gồm: Khu đất đấu giá (thửa đất số 61 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao); Khu đất đấu giá (thửa đất số 373 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao); Khu thương mại dịch vụ Hương lộ 10 (Khu dịch vụ ngành viễn thông); Trạm xăng dầu Châu Loan số 17, Trạm xăng dầu Phúc An Phát, Trạm xăng dầu Tín Nghĩa, Trạm xăng dầu Định Hường Trạm xăng dầu Sông Ray - Công ty TNHH TMDV NEOM; Trạm xăng dầu Xuân Tây - Công ty TNHH TMDV NEOM; Trạm xăng dầu Xuân Tây - Công ty TNHH Gia Mỹ Nhiên; Trạm xăng dầu Xuân Tây - Công ty TNHH Tổng hợp Long Hùng Phát; Khu đất đấu giá (thửa đất số 44 tờ bản đồ số 48 thị trấn Long

Giao); Khu đất đấu giá (thửa đất số 69 tờ bản đồ số 3 thị trấn Long Giao), Khu đất đấu giá (thửa đất số 355 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao).

- Bổ sung mới: 01 dự án/0,17 ha, là Trạm xăng dầu - Công ty Cổ phần xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu.

o) Nhu cầu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Năm 2025 có 03 dự án/4,64 ha, được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024, gồm: Kho chứa hồ tiêu - Hợp tác xã nông nghiệp Lâm Sơn; Xưởng chế biến tiêu sọ - Hợp tác xã nông nghiệp Lâm Sơn; Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại Toàn Thắng.

p) Nhu cầu sử dụng đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Năm 2025 có 02 dự án/15,07 ha, được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024, gồm: Dự án khai thác vật liệu san lấp - Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp hạ tầng Trường Thịnh; Dự án khai thác vật liệu san lấp - Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cường Hưng Phát.

q) Nhu cầu sử dụng đất công trình giao thông

Trong năm 2025 có 15 dự án/537,69 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024: 13 dự án/442,65 ha, trong đó có một số dự án quan trọng như: Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại; Đường Xuân Quế đi Tp. Long Khánh; Đường vào Cụm công nghiệp quốc phòng miền Nam; Đường số 26 (Đường Khu 2 khu phố Suối Cà); Đường D3-1 (Đoạn N6-N20); Đường N20; Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25; Đường dọc Sông Ray; Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây; Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc); Đường Xuân Bảo - Xuân Tây; Đường Ấp 5 - Quảng Thành; Đường La Hoa - Rừng Tre.

- Bổ sung mới: 02 dự án/95,04 ha, gồm: Xây dựng Đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh; Đường Xuân Đường - Thừa Đức.

r) Nhu cầu sử dụng đất công trình thủy lợi

Trong năm 2025 có 02 dự án/2,92 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024: 01 dự án/2,78 ha, là Trạm bơm tăng áp - Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực 05 xã Kiêm Tân khu đô thị Dầu Giây, huyện Thống Nhất và vùng lân cận.

- Bổ sung mới: 01 dự án/0,14 ha, là Hệ thống thoát nước Trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ ra Suối Cà.

p) Nhu cầu sử dụng đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng

Năm 2025 có 01 dự án/0,62 ha, được bổ sung mới là Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối.

s) Nhu cầu sử dụng đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng Năm 2025 có 05 dự án/0,16 ha, được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024, gồm: Nhà văn hóa ấp 2; Nhà văn hóa ấp 6; Nhà văn hóa ấp 8; Nhà văn hóa ấp 11; Nhà văn hóa ấp 12 xã Xuân Tây đã có hiện trạng, đang thực hiện các bước tiếp theo để hoàn thành thủ tục đất đai.

t) Nhu cầu sử dụng đất tôn giáo

Trong năm 2025 có 16 cơ sở tôn giáo/8,06 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024: 15 cơ sở tôn giáo/7,95 ha, gồm: Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt); Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quế (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp); Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng); Giáo xứ Xuân Bảo; Tịnh xá Ngọc Bình; Giáo xứ Gia Vinh; Chùa Hoàng Mai (mở rộng); Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ; Giáo xứ Thiên Đức; Giáo xứ Thừa Ân; Chùa Viên An; Chi hội Tin lành Xuân Đông; Cộng đoàn Đaminh Thánh Thể Xuân Lộc - Xuân Đường; Giáo xứ Suối Cả; Giáo xứ Xuân Tây.

- Bổ sung mới: 01 cơ sở tôn giáo/0,11 ha, là Tịnh thất Liên Hoa.

u) Nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt

Năm 2025 có 01 dự án/3,92 ha, được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là dự án Xây dựng nâng cấp Nghĩa trang ấp Cọ Dầu 1.

v) Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp khác

Năm 2025 có 01 dự án/1,06 ha, được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là Dự án mở rộng chăn nuôi, bò thịt - Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Đồng Phát.

2.2. Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân

Đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai năm 2024; điểm b khoản 3 Điều 21 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 31/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Để kiểm soát chặt việc chuyển mục đích sử dụng đất, nhất là các vị trí đề xuất chuyển mục đích sang đất ở có diện tích lớn hoặc nhiều thửa đất cận kề nhau để phân lô, bán nền, hình thành các khu dân cư, xây dựng tự phát gây tình trạng mất đồng bộ, quá tải hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của địa phương,... theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai tại Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 29/12/2023. UBND huyện Cẩm Mỹ đề xuất nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân toàn địa bàn các xã, thị trấn cụ thể như sau:

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm là 2,00 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm là 40,00 ha.

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác là 15,00 ha. Trong đó: Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác là 10,00 ha.

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở là 20,00 ha. Trong đó: Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở là 5,00 ha.

- Chuyển từ đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở là 1,00 ha.

Ngoài ra, chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở sang đất ở hoặc chuyển mục đích sử dụng các loại đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2025 theo quy định tại Khoản 5, Điều 116, Luật đất đai năm 2024 là 20,00 ha phân bổ đều cho 13 đơn vị hành chính cấp xã.

Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2025 sẽ được thẩm định và giải quyết theo đúng quy định của Luật Đất đai, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn có liên quan.

Đồng thời, rà soát đối chiếu các vị trí xin chuyển mục đích sang đất ở với các vị trí khu đất thuộc điểm dân cư nông thôn (đất ở nông thôn hiện hữu chính trang) phù hợp bản đồ quy hoạch chung xây dựng xã đã được phê duyệt, công bố, công khai; phù hợp với quy hoạch xây dựng là đất nhóm nhà ở tại thị trấn Long Giao. Các vị trí xin chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở phải phù hợp chức năng sử dụng đất theo định hướng quy hoạch chung xã, quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

3. Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất năm 2024 (được xây dựng trên cơ sở số liệu thống kê đất đai đến ngày 31/12/2023 cùng với kết quả ước chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân và kết quả thực hiện các công trình, dự án đã thực hiện trong năm 2024); mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong năm 2025 của huyện và nhu cầu sử dụng đất của các Ngành, địa phương. Đồng thời, rà soát đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 48 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Theo đó, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Cẩm Mỹ như sau:

Bảng 05: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Cẩm Mỹ

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		
				Tổng diện tích (ha)	Tăng (+) giảm (-) so với hiện trạng (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		46.257,71	46.257,71	-	100
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	41.205,40	40.321,92	-883,48	87,17
1.1	Đất trồng lúa	LUA	751,90	733,22	-18,68	1,82
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	472,03	470,58	-1,45	1,17
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	279,87	262,64	-17,23	0,65
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	4.828,64	4.748,32	-80,32	11,78
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34.874,05	34.080,82	-793,23	84,52
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	37,66	34,45	-3,21	0,09
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	336,33	332,94	-3,39	0,83
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	376,82	392,17	15,35	0,97
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.050,43	5.933,91	883,48	12,83
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.212,98	1.261,37	48,39	21,26
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	61,46	77,40	15,94	1,30
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,08	19,04	1,96	0,32
2.4	Đất quốc phòng	CQP	370,13	495,68	125,55	8,35
2.5	Đất an ninh	CAN	39,18	45,07	5,89	0,76
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	318,88	323,30	4,42	5,45
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	10,79	10,77	-0,02	0,18
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,98	2,98	-	0,05
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,93	11,74	-2,19	0,20
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	66,87	71,10	4,23	1,20
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	14,00	15,22	1,22	0,26
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	209,27	209,27	-	3,53
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,04	2,22	1,18	0,04
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	81,76	481,36	399,60	8,11
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	300,00	300,00	5,06
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	57,35	57,35	0,97

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		
				Tổng diện tích (ha)	Tăng (+) giảm (-) so với hiện trạng (ha)	Cơ cấu (%)
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	30,71	53,24	22,53	0,90
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	47,78	52,90	5,12	0,89
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,27	17,87	14,60	0,30
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.683,33	1.965,69	282,36	33,13
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.212,21	1.491,01	278,80	25,13
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	426,95	428,91	1,96	7,23
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,18	0,18	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	21,25	21,25	-	0,36
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,94	2,54	0,60	0,04
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,11	2,04	-0,07	0,03
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,72	6,72	-	0,11
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	11,97	13,04	1,07	0,22
2.9	Đất tôn giáo	TON	33,84	34,30	0,46	0,58
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	3,89	3,89	-	0,07
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	73,47	73,39	-0,08	1,24
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.154,43	1.153,42	-1,01	19,44
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	666,23	666,23	-	11,23
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	488,20	487,19	-1,01	8,21
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1,88	1,88	-	0,004
	<i>Trong đó:</i>					
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-	-	-
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	1,88	1,88	-	0,004
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-	-	-
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-	-	-
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*		-	-	-	-

Ghi chú: Đất khu công nghệ cao không cộng vào tổng diện tích tự nhiên.

(Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu số 03/CH)

3.1. Nhóm đất nông nghiệp:

Hiện trạng năm 2024, diện tích nhóm đất nông nghiệp là 41.205,40 ha, năm 2025 chỉ tiêu nhóm đất nông nghiệp là 40.321,92 ha, giảm 883,48 ha so với năm 2024, chiếm 87,17% diện tích tự nhiên giảm 883,48 ha so với năm 2024, chiếm 87,17% diện tích tự nhiên. Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, các loại đất nông nghiệp giảm 883,48 ha chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp với các loại đất chủ yếu gồm: Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 401,98 ha, Đất sử dụng vào mục đích công cộng 282,91 ha, Đất quốc phòng 121,55 ha... Bên cạnh đó, trong nội bộ nhóm đất nông nghiệp cũng có sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Cụ thể:

a) Đất trồng lúa: Hiện trạng năm 2024 là 751,90 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 733,22 ha giảm 18,68 ha so với năm 2024, chiếm 1,82% diện tích đất nông nghiệp. Trong đó, *Đất chuyên trồng lúa nước*: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 470,58 ha giảm 1,45 ha so với năm 2024, chiếm 1,17% diện tích đất nông nghiệp.

b) Đất trồng cây hằng năm khác: Hiện trạng năm 2024 là 4.828,64 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 4.748,32 ha, giảm 80,32 ha so với năm 2024, chiếm 11,78% diện tích đất nông nghiệp.

c) Đất trồng cây lâu năm: Hiện trạng năm 2024 là 34.874,05 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 34.080,82 ha giảm 793,23 ha so với năm 2024, chiếm 84,52% diện tích đất nông nghiệp.

d) Đất rừng sản xuất: Hiện trạng năm 2024 là 37,66 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 34,45 ha, chiếm 0,09% diện tích đất nông nghiệp, giảm 3,21 ha so với năm 2024, chiếm 0,09% diện tích đất nông nghiệp.

đ) Đất nuôi trồng thủy sản: Hiện trạng năm 2024 là 336,33 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 332,94 ha, giảm 3,39 ha so với năm 2024, chiếm 0,83% diện tích đất nông nghiệp.

e) Đất nông nghiệp khác: Hiện trạng năm 2024 là 376,82 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 392,17 ha, tăng 15,35 ha so với năm 2024, chiếm 0,97% diện tích đất nông nghiệp.

3.2. Nhóm đất phi nông nghiệp:

Hiện trạng năm 2024, diện tích nhóm đất phi nông nghiệp là 5.050,43 ha, năm 2025 chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp là 5.933,91 ha, tăng 883,48 ha so với năm 2024, chiếm 12,83% diện tích tự nhiên. Trong năm 2025, huyện Cẩm Mỹ thực hiện nhiều dự án phát triển giao thông gắn liền vùng phụ cận các tuyến đường; trường học; cơ sở y tế, an ninh - quốc phòng, thương mại dịch vụ, cơ sở

sản xuất phi nông nghiệp,... từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; các cơ sở sản xuất, kinh doanh và thương mại, dịch vụ,... Do đó, chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp năm 2025 tăng là phù hợp với xu hướng và mục tiêu phát triển của Huyện. Cụ thể:

a) Đất ở tại nông thôn: Hiện trạng năm 2024 là 1.212,98 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 1.261,37 ha, tăng 48,39 ha so với năm 2024, chiếm 21,26% diện tích đất phi nông nghiệp.

b) Đất ở tại đô thị: Hiện trạng năm 2024 là 61,46 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 77,40 ha, tăng 15,94 ha so với năm 2024, chiếm 1,30% diện tích đất phi nông nghiệp thuộc địa giới hành chính thị trấn Long Giao.

c) Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Hiện trạng năm 2024 là 17,08 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 19,04 ha, tăng 1,96 ha so với năm 2024, chiếm 0,32% diện tích đất phi nông nghiệp.

d) Đất quốc phòng: Hiện trạng năm 2024 là 370,13 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 495,68 ha, tăng 125,55 ha so với năm 2024, chiếm 8,35% diện tích đất phi nông nghiệp.

đ) Đất an ninh: Hiện trạng năm 2024 là 39,18 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 45,07 ha, tăng 5,89 ha so với năm 2024, chiếm 0,76% diện tích đất phi nông nghiệp.

e) Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Hiện trạng năm 2024 là 376,82 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 392,17 ha, tăng 15,35 ha so với năm 2024, chiếm 0,97% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 10,77 ha, giảm 0,02 ha so với năm 2024, chiếm 0,18% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất xây dựng cơ sở xã hội: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 2,98 ha, không đổi so với năm 2024;

- Đất xây dựng cơ sở y tế: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 11,74 ha, giảm 2,19 ha so với năm 2024, chiếm 0,20% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 71,10 ha, tăng 4,23 ha so với năm 2024, chiếm 1,20% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 15,22 ha, tăng 1,22 ha so với năm 2024, chiếm 0,26% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 209,27 ha, không đổi so với năm 2024;

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 2,22 ha, tăng 1,18 ha so với năm 2024, chiếm 0,04% diện tích đất phi nông nghiệp;

g) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Hiện trạng năm 2024 là 81,76 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 481,36 ha, tăng 399,60 ha so với năm 2024, chiếm 8,11% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

- Đất khu công nghiệp: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 300,00 ha, tăng 300,00 ha so với năm 2024, chiếm 5,06% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất cụm công nghiệp: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 57,35 ha, tăng 57,35 ha so với năm 2024, chiếm 0,97% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất thương mại dịch vụ: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 53,24 ha, tăng 22,53 ha so với năm 2024, chiếm 0,90% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 52,90 ha, tăng 5,12 ha so với năm 2024, chiếm 0,89% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 17,87 ha, tăng 14,60 ha so với năm 2024, chiếm 0,30% diện tích đất phi nông nghiệp;

h) Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Hiện trạng năm 2024 là 1.683,33 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 1.965,69 ha, tăng 282,36 ha so với năm 2024, chiếm 33,13% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích tăng để thực hiện xây dựng, mở rộng các cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo,... phát triển hạ tầng kỹ thuật và các tuyến đường trọng điểm giúp kết nối hệ thống giao thông. Trong đó:

- Đất công trình giao thông: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 1.491,01 ha, tăng 278,80 ha so với năm 2024, chiếm 25,13% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất công trình thủy lợi: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 diện tích là 428,91 ha, tăng 1,96 ha so với năm 2024, chiếm 7,23% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 diện tích là 0,18 ha, không đổi so với năm 2024;

- Đất công trình xử lý chất thải: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 diện tích là 21,25 ha, không đổi so với năm 2024;

- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 diện tích là 2,54 ha, tăng 0,60 ha so với năm 2024, chiếm 0,04% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 diện tích là 2,04 ha, giảm 0,07 ha so với năm 2024, chiếm 0,03% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 6,72 ha, không đổi so với năm 2024;

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 13,04 ha, tăng 1,07 ha so với năm 2024, chiếm 0,22% diện tích đất phi nông nghiệp.

i) Đất tôn giáo: Hiện trạng năm 2024 là 33,84 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 34,30 ha, tăng 0,46 ha so với năm 2024, chiếm 0,58% diện tích đất phi nông nghiệp.

k) Đất tín ngưỡng: Hiện trạng năm 2024 là 3,89 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 diện tích là 3,89 ha, không đổi so với năm 2024.

l) Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Hiện trạng năm 2024 là 73,47 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 73,39 ha, giảm 0,08 ha so với năm 2024, chiếm 1,24% diện tích đất phi nông nghiệp.

m) Đất có mặt nước chuyên dùng: Hiện trạng năm 2024 là 1.154,43 ha, chỉ tiêu kế hoạch là 1.153,42 ha, giảm 1,01 ha so với năm 2024, chiếm 19,44% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: chỉ tiêu kế hoạch là 666,23 ha, không đổi so với năm 2024;

- Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 diện tích là 487,19 ha, giảm 1,01 ha so với năm 2024, chiếm 8,21% diện tích đất phi nông nghiệp.

3.3. Nhóm đất chưa sử dụng

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn Huyện là 1,88 ha không đổi so với năm 2024.

4. Sự phù hợp và đồng bộ của kế hoạch sử dụng đất năm 2025 với phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai trong Quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được duyệt

4.1 Đối với phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai trong Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (tại Quyết định 586/QĐ-TTg ngày 03/07/2024)

Trong năm 2025, huyện Cẩm Mỹ sẽ thực hiện 109 dự án/1.641,95 ha. Trong đó, chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sang có 96 dự án/1.536,23 ha; Bổ sung mới có 13 dự án/105,72 ha. Qua rà soát nội dung về sự phù hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện so với Phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai

trong Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 586/QĐ-TTg ngày 03/07/2024. Kết quả như sau:

- Theo quy định tại Điều 18, Thông tư 08/2024/TT-BTNMT, ngày 31/07/2024 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, thì diện tích khoanh đất trên bản đồ tỷ lệ từ 1:25.000 đến 1:100.000 là $\geq 9\text{mm}^2$ tương ứng 9,0 ha ngoài thực địa. Sơ đồ Phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai trong Quy hoạch tỉnh được lập ở tỷ lệ 1:100.000; Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện được lập trên nền Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện ở tỷ lệ 1:25.000 do đó việc tổng quát hóa khoanh đất ở 2 tỷ lệ Bản đồ là khác nhau; một số dự án trong kế hoạch sử dụng đất của huyện có diện tích nhỏ, được thể hiện theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch chi tiết,...khi tiến hành chồng ghép các dự án này lên Sơ đồ Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong Quy hoạch tỉnh thì khoanh đất tại các vị trí trên đã được “khái quát hóa, làm trơn” không còn chi tiết. Ngoài ra, đối với các dự án hình tuyến, đường giao thông, kênh, mương,... trong Sơ đồ Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong Quy hoạch tỉnh thể hiện ở dạng hướng tuyến, không thể hiện bề rộng mặt đường, lộ giới nên khó khăn trong việc xác định sự phù hợp.

- Đối với các dự án còn lại có diện tích lớn như: Khu công nghiệp huyện Cẩm Mỹ; Cụm công nghiệp quốc phòng phía Nam; Khu đất vùng phụ cận tuyến Tỉnh lộ 773; Khu đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Cẩm Mỹ; Khu đất vùng phụ cận Dự án đường N1; Khu đất vùng phụ cận Dự án đường vành đai Long Giao; Khu đất vùng phụ cận Dự án đường vành đai Long Giao tại thị trấn Long Giao; Khu đất vùng phụ cận tuyến Tỉnh lộ 770B, Cụm Công nghiệp Long Giao; Khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa. Qua rà soát các dự án trên là phù hợp với khoanh đất trong Sơ đồ Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong Quy hoạch tỉnh.

4.2. Đối với phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 (Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 29/08/2024)

Trên cơ sở tổng hợp số liệu chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện so sánh với phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của UBND tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 29/08/2024.

Bảng 06: So sánh phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	Diện tích phân bổ đến năm 2030	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		46.257,71	46.257,71	46.257,71	-
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	41.205,40	37.639,73	40.321,92	2.682,19
1.1	Đất trồng lúa	LUA	751,90	549,05	733,22	184,17
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	472,03	427,09	470,58	43,49
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	279,87	121,96	262,64	140,68
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34.874,05	32.633,70	34.080,82	1.447,12
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	37,66	34,18	34,45	0,27
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.050,43	8.616,10	5.933,91	-2.682,19
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.212,98	1.446,94	1.261,37	-185,57
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	61,46	98,07	77,40	-20,67
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,08	21,26	19,04	-2,22
2.4	Đất quốc phòng	CQP	370,13	640,71	495,68	-145,03
2.5	Đất an ninh	CAN	39,18	48,11	45,07	-3,04
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	318,88	307,27	323,30	16,03
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	10,79	34,46	10,77	-23,69
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,98	3,59	2,98	-0,61
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,93	15,34	11,74	-3,60
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	66,87	74,71	71,10	-3,61
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	14,00	111,73	15,22	-96,51
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	209,27	65,85	209,27	143,42
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,04	1,59	2,22	0,63
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	81,76	2.559,74	481,36	-2.078,38
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	2.126,68	300,00	-1.826,68
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	130,73	57,35	-73,38
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	30,71	173,98	53,24	-120,74

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	Diện tích phân bổ đến năm 2030	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	47,78	60,60	52,90	-7,70
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,27	67,75	17,87	-49,88
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.683,33	2.184,70	1.965,69	-219,01
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.212,21	1.645,41	1.491,01	-154,40
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	426,95	474,26	428,91	-45,35
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,18	5,50	0,18	-5,32
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	21,25	21,23	21,25	0,02
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,94	6,00	2,54	-3,46
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,11	2,85	2,04	-0,81
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,72	5,70	6,72	1,02
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	11,97	23,75	13,04	-10,71
2.9	Đất tôn giáo	TON	33,84	47,65	34,30	-13,35
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	3,89	3,12	3,89	0,77
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	73,47	105,76	73,39	-32,37
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.154,43	1.152,77	1.153,42	0,65
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	666,23	665,94	666,23	0,29
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	488,20	486,83	487,19	0,36
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1,88	1,88	1,88	-
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*		-	208,00	-	-208,00

Ghi chú: Đất khu công nghệ cao không cộng vào tổng diện tích tự nhiên.

Qua kết quả so sánh cho thấy, hầu hết các chỉ tiêu đề xuất phù hợp với phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai.

4.3. Đối với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Cẩm Mỹ (Quyết định số 5374/QĐ-UBND ngày 31/12/2021)

Trên cơ sở tổng hợp số liệu chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Cẩm Mỹ. UBND huyện Cẩm Mỹ so sánh với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Cẩm Mỹ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5374/QĐ-UBND ngày 31/12/2021. Cụ thể như sau:

Bảng 07: So sánh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Cẩm Mỹ

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	Quy hoạch sử dụng đất đến 2030 được duyệt	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		46.257,71	46.257,71	46.257,71	-
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	41.205,40	30.897,86	40.321,92	9.424,06
1.1	Đất trồng lúa	LUA	751,90	536,05	733,22	197,17
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	472,03	404,09	470,58	66,49
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	279,87	131,96	262,64	130,68
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	4.828,64	2.287,79	4.748,32	2.460,53
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34.874,05	25.248,77	34.080,82	8.832,05
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	37,66	88,68	34,45	-54,23
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	336,33	84,01	332,94	248,93
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	376,82	2.652,56	392,17	-2.260,39
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.050,43	15.359,85	5.933,91	-9.425,94
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.212,98	2.555,62	1.261,37	-1.294,25
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	61,46	176,00	77,40	-98,60
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,08	21,24	19,04	-2,20
2.4	Đất quốc phòng	CQP	370,13	665,15	495,68	-169,47
2.5	Đất an ninh	CAN	39,18	46,11	45,07	-1,04
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	318,88	744,44	323,30	-421,14
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	10,79	34,46	10,77	-23,69
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,98	2,59	2,98	0,39
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,93	19,44	11,74	-7,70
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	66,87	79,97	71,10	-8,87
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	14,00	515,58	15,22	-500,36
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	209,27	65,85	209,27	143,42
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,04	26,55	2,22	-24,33
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	81,76	5.182,43	481,36	-4.701,07

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	Quy hoạch sử dụng đất đến 2030 được duyệt	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	4.344,00	300,00	-4.044,00
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	132,35	57,35	-75,00
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	30,71	445,98	53,24	-392,74
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	47,78	82,28	52,90	-29,38
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,27	177,82	17,87	-159,95
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.683,33	4.402,41	1.965,69	-2.436,72
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.212,21	3.703,62	1.491,01	-2.212,61
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	426,95	503,75	428,91	-74,84
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,18	5,50	0,18	-5,32
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	21,25	19,14	21,25	2,11
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,94	12,61	2,54	-10,07
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,11	1,35	2,04	0,69
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,72	5,70	6,72	1,02
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	11,97	150,74	13,04	-137,70
2.9	Đất tôn giáo	TON	33,84	44,65	34,30	-10,35
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	3,89	3,12	3,89	0,77
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	73,47	176,06	73,39	-102,67
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.154,43	1.342,62	1.153,42	-189,20
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	666,23	864,79	666,23	-198,56
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	488,20	477,83	487,19	9,36
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1,88	-	1,88	1,88
	<i>Trong đó:</i>					
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-	-	-
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	1,88	-	1,88	1,88
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-	-	-
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-	-	-
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*		-	-	-	-

Ghi chú: Đất khu công nghệ cao không cộng vào tổng diện tích tự nhiên.

Qua kết quả so sánh cho thấy, một số chỉ tiêu đề xuất chưa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030. UBND huyện Cẩm Mỹ giải trình nguyên nhân một số chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 còn vượt so với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, như sau:

- **Đất rừng sản xuất:** Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được duyệt là 88,68 ha, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 34,45 ha, thấp hơn 54,23 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 khu vực đồi Bể Bạc tại xã Xuân Đông được quy hoạch là đất rừng sản xuất diện tích 50 ha. Tuy nhiên, do nguyên tắc kiểm kê và rà soát, đối chiếu với Quyết định 3660/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành về việc phê duyệt kết quả rà soát chuyển đổi đất rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất và kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2025, định hướng đến năm 2030 thì trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ diện tích rừng sản xuất khoảng 37 ha tại xã Thừa Đức. Do đó, toàn bộ diện tích quy hoạch đất rừng sản xuất khu vực đồi Bể Bạc được thống kê là đất cây lâu năm.

- **Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ:** Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được duyệt là 65,85 ha, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 209,27 ha, cao hơn 143,42 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do chưa thực hiện chuyển đổi Khu công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai thành Khu công nghệ cao Đồng Nai theo quy hoạch.

- **Đất công trình xử lý chất thải:** Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được duyệt là 19,14 ha, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 21,25 ha, cao hơn 2,11 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do các trạm trung chuyển rác và Khu xử lý chất thải - Công ty Thiên Phước có một phần diện tích nằm trong lộ giới giao thông quy hoạch mở rộng nhưng chưa thực hiện.

- **Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin:** Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được duyệt là 1,35 ha, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 2,04 ha, cao hơn 0,69 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do các công trình bưu chính viễn thông hiện trạng, được chuyển đổi cho các mục đích phi nông nghiệp khác, nhưng chưa thực hiện, bao gồm: Diện tích nằm trong lộ giới mở rộng các tuyến đường giao thông, Xây dựng Trụ sở công an xã Xuân Bảo; Bưu điện huyện Cẩm Mỹ chuyển sang đất thương mại, dịch vụ theo Quy hoạch chung đô thị Long Giao.

- **Đất xây dựng cơ sở xã hội:** Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được duyệt là 2,59 ha, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 2,98 ha, cao hơn 0,39 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do Khu đất Trung tâm nhân đạo Làng Tre có một phần diện tích nằm trong lộ giới giao thông quy hoạch mở rộng nhưng chưa thực hiện, gồm: đường 57- Suối Râu và đường Cầu Đỏ - Suối Râu.

- **Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối:** Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được duyệt là 5,70 ha, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 6,72 ha, cao hơn 1,02 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do các công trình chợ dân sinh hiện trạng được chuyển đổi cho các mục đích phi nông nghiệp khác nhưng chưa thực hiện, bao gồm: Diện tích nằm trong lộ giới quy hoạch mở rộng các tuyến đường giao thông; Đất thương mại dịch vụ Hoàn Quân; Đất thương mại dịch vụ Nam Hà; Điểm kinh doanh dân sinh Suối Nhát; Điều chỉnh Chợ áp 4 - xã Thừa Đức sang đất ở; Khu cây xanh - Công viên theo Quy hoạch đô thị Long Giao - xã Xuân Đường.

- **Đất tín ngưỡng:** Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được duyệt là 3,12 ha, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 3,89 ha, cao hơn 0,77 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do các công trình đất tín ngưỡng hiện trạng được chuyển đổi cho các mục đích phi nông nghiệp khác nhưng chưa thực hiện, bao gồm: Diện tích nằm trong lộ giới quy hoạch mở rộng các tuyến đường giao thông; Đài tưởng niệm áp 5; Đền thờ Trần Hưng Đạo; Đài Thánh Martino (Giáo xứ Nam Hà); Đài tưởng niệm liệt sĩ xã Xuân Bảo.

- **Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được duyệt là 477,83 ha, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 487,19 ha, cao hơn 9,36 ha so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do các tuyến sông suối thuộc quy hoạch các công trình hồ chứa nước chưa thực hiện, gồm: Hồ chứa nước Suối Cả; Hồ chứa nước Xuân Quế; Hồ Cầu Bung A; Hồ Sông Ray (mở rộng).

5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

5.1. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa

Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất năm 2025, rà soát với bản đồ địa chính xác định trên địa bàn huyện có 07 dự án tổng diện tích 417,85 ha có sử dụng đất trồng lúa. Tổng diện tích sử dụng đất trồng lúa là 35,59 ha và đất rừng sản xuất là 3,21 ha, Cụ thể:

- Đường áp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25 sử dụng đất trồng lúa là 0,04 ha;

- Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc) sử dụng đất trồng lúa là 7,12 ha;

- Đường La Hoa - Rừng Tre sử dụng đất trồng lúa là 0,88 ha;

- Khu đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Cẩm Mỹ sử dụng đất trồng lúa là 25,63 ha;

- Xây dựng Đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh sử dụng đất trồng lúa là 1,00 và đất rừng sản xuất là 0,56 ha;

- Đường Xuân Đường - Thừa Đức sử dụng đất trồng lúa là 0,17 ha và đất rừng sản xuất là 2,65 ha.

(Danh mục các dự án sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trong năm 2025 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu số 05C/CH)

4.2. Các trường hợp cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2025

Căn cứ nhu cầu chuyển mục đích thực tế của địa phương và kết quả chuyển mục đích năm 2024. UBND huyện Cẩm Mỹ xác định chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2025, như sau:

- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất ở tại nông thôn là 2,00 ha;

- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm là 40,00 ha;

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác là 10,00 ha;

- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở là 5,00 ha.

4.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Bảng 08: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất hiện trạng trong năm 2025

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	883,48
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	11,12
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	51,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	816,78
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	3,21
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,46
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	-
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,71
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		7,56
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	7,56
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP	-
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	-
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	-
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	-
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		2,32
	<i>Trong đó:</i>		
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC	0,46
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	1,86
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	-

(Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 theo loại đất hiện trạng của huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu số 05/CH)

Bảng 09: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất trong hồ sơ địa chính trong năm 2025

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	1.378,15
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	42,59
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	69,26
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	1.254,89
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	3,21
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,49
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	-
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	7,71
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		50,00
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	50,00
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP	-
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	-
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	-
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	-
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		2,34
	<i>Trong đó:</i>		
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC	0,46

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	1,88
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	-

(Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu số 05B/CH)

6. Diện tích đất cần thu hồi đất

6.1. Số lượng công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2025

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất qua các năm tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 tỉnh Đồng Nai và nhu cầu sử dụng đất của các Sở, ban, ngành. Trong tổng số 109 dự án/1.641,95 ha dự kiến đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 có 55 dự án/1.066,52 ha cần thu hồi đất theo Điều 78, Điều 79, Điều 82 Luật Đất đai năm 2024 trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.047,87 ha, cụ thể:

- Các dự án Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh theo Điều 78 Luật Đất đai năm 2024: 07 dự án/131,44 ha với diện tích cần thu hồi là 131,44 ha;

- Các dự án Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo Điều 79 Luật Đất đai năm 2024: 39 dự án/933,17 ha với diện tích cần thu hồi là 914,52 ha;

- Dự án Thu hồi đất theo Khoản 2 Điều 82 Luật Đất đai năm 2024: 09 dự án/1,91 ha với diện tích cần thu hồi là 1,91 ha.

(Danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2025 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu số 04B/CH)

6.2. Chỉ tiêu thu hồi đất trong năm 2025

Bảng 10: Diện tích cần thu hồi đất theo từng loại đất năm 2025

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	942,13
1.1	Đất trồng lúa	LUA	35,59
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	1,91
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	33,68
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	59,71
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	835,54
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3,21
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,37
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	7,71
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	105,74
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,58
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,77
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,93
2.4	Đất quốc phòng	CQP	-
2.5	Đất an ninh	CAN	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	2,57
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,36
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,34
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,77
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	1,10
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	-

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1,60
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,09
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,51
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	93,17
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	93,06
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	-
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,02
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,07
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,02
2.9	Đất tôn giáo	TON	0,15
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	4,00
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1,97
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	0,96
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,01
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-
	Tổng		1.047,87

(Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu số 04/CH)

7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Trên cơ sở nhu cầu các công trình, dự án cần triển khai thực hiện trong năm 2025 của các Sở, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn trong đó nhằm phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương, các dự án đưa vào

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Cẩm Mỹ là 109 dự án/1.641,95 ha, cụ thể như sau:

Bảng 11: Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm 2025

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			
					Chuyển tiếp từ KH 2024		Bổ sung mới	
					Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	01	1,06	01	1,06	-	-
1	Đất nông nghiệp khác	NKH	01	1,06	01	1,06	-	-
	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	74	720,73	95	1.535,17	13	105,72
1	Đất ở tại nông thôn	ONT	10	421,37	09	415,57	01	5,80
2	Đất ở tại đô thị	ODT	03	137,65	03	137,65	-	-
3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	07	4,78	06	4,00	01	0,78
4	Đất quốc phòng	CQP	01	125,55	01	125,55	-	-
5	Đất an ninh	CAN	06	5,89	06	5,89	-	-
6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	19	10,98	14	7,92	05	3,06
6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	02	1,20	01	0,86	01	0,34
6.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	03	0,55	02	0,33	01	0,22
6.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	12	6,71	10	6,53	02	0,18
6.4	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	01	2,32	-	-	01	2,32
6.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	01	0,20	01	0,20	-	-
7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	22	381,30	21	381,13	01	0,17
7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	01	300,00	01	300,00	-	-
7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	01	57,35	01	57,35	-	-
7.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	15	4,24	14	4,07	01	0,17
7.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	03	4,64	03	4,64	-	-
7.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	02	15,07	02	15,07	-	-
8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	23	541,39	19	445,59	04	95,80
8.1	Đất công trình giao thông	DGT	15	537,69	13	442,65	02	95,04
8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	02	2,92	01	2,78	01	0,14
8.3	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	01	0,62	-	-	01	0,62
8.4	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	05	0,16	05	0,16	-	-
9	Đất tôn giáo	TON	16	8,06	15	7,95	01	0,11
10	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	01	3,92	01	3,92	-	-
	Tổng		109	1.641,95	96	1.536,23	13	105,72

(Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 của huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu số 07/CH)

8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, huyện bố trí nhiều công trình, dự án trọng điểm, tập trung mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội không chỉ cho huyện Cẩm Mỹ mà còn phục vụ cho sự phát triển của tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch của huyện khá lớn. Việc tính toán các khoản thu, chi từ đất trong kế hoạch được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý và cơ sở như sau:

- Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định 56/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2025 tại Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Cẩm Mỹ, dự kiến các khoản thu, chi từ đất của huyện như sau:

- Các khoản thu từ đất bao gồm: thu từ việc giao đất ở đô thị, đất ở nông thôn, cho thuê đất, thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, tổng các khoản thu từ đất khoảng 5.809 tỷ đồng.

- Tổng chi từ đất khoảng 4.439 tỷ đồng, gồm các khoản chi: chi đền bù giải tỏa đất, chi bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi, chi hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, chi suất tái định cư tối thiểu,...

- Cân đối thu chi các khoản có liên quan đến đất là 1.369 tỷ đồng.

Dự kiến nguồn thu, chi liên quan đến đất đai trong năm 2025 được tính dựa trên nhu cầu sử dụng đất của địa phương. Với việc tập trung đầu tư cùng với các khoản chi cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất để thực hiện tất cả các dự án trong năm 2025 tương đối cao. Do đó, cân đối nguồn thu chi liên quan đến đất đai của huyện trong năm 2025 đạt mức tương đối thấp.

Nhìn chung, việc thực hiện dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là bước góp phần phát triển cho huyện, cải tạo mỹ quan nông thôn, giao thông được cải thiện thuận lợi trong việc kết nối giao thương với vùng lân cận, hạ tầng đồng bộ, tiết kiệm quỹ đất đáp ứng đủ nhu cầu cần thiết của người dân.

IV. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp cải tạo, bảo vệ đất đai và môi trường

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng hợp lý tài nguyên đất như đầu tư cải tạo đất, nâng cao độ phì của đất; trồng cây để bảo vệ tầng đất canh tác; ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất; thực hiện các biện pháp để làm giảm tối đa tác hại xói mòn đất do mưa và dòng chảy gây ra trên đất.

- Khuyến khích nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai và theo quy hoạch sử dụng đất; trồng các loại cây lâu năm có giá trị kinh tế, thương mại cao kết hợp với trồng các loại cây khác phù hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục thực hiện quản lý các khu vực đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt đã được cấm biến; có kế hoạch vốn và sử dụng vốn ngân sách để hỗ trợ cho người sản xuất, đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi để ổn định diện tích đất lúa; thực hiện nghiêm Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/09/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; coi ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm những hành vi làm tổn hại đến môi trường như khai thác khoáng sản tùy tiện, chặt phá rừng, đặc biệt là các hành vi xả thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường của các nhà máy, cơ sở sản xuất và các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai.

2. Giải pháp về nguồn lực thực kế hoạch sử dụng đất

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành mũi nhọn của huyện.

- Củng cố tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai của địa phương; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân. Có chính sách khuyến khích thu hút, trọng dụng nhân tài.

- Chủ động thu hồi đất theo kế hoạch có sử dụng đất, đẩy mạnh việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án.

3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

3.1. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn trong năm 2025 để giải ngân kinh phí đúng thời hạn để thực hiện các dự án, công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách.

3.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu UBND huyện trong việc công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

- Triển khai thực hiện phương án điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất của huyện, đảm bảo sự thống nhất chặt chẽ giữa các cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của huyện.

- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các thủ tục về đất đai; phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục về đất đai cho các dự án có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện, trong đó lưu ý đôn đốc thực hiện các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 02 năm trở lên để sớm triển khai thực hiện.

3.3. Các Ban, ngành của huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

- Bám sát chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới cần báo cáo UBND huyện và phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường đề xuất điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

- UBND các xã, thị trấn thực hiện công bố công khai các nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 theo quy định tại trụ sở UBND xã, thị trấn để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã được biết và thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

4. Các giải pháp khác

4.1. Nhóm giải pháp về chính sách

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thường xuyên và tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Áp dụng các chính sách trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư vào địa bàn huyện Cẩm Mỹ như: vốn trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, hình thức tín dụng, đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng, sử dụng quỹ đất để tạo vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thông qua cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch về vốn đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là phát triển kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục,...

- Ưu tiên thực hiện các dự án tái định cư, để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Có kế hoạch hỗ trợ về kinh phí, tư vấn và đào tạo nghề cho các đối tượng có đất bị thu hồi, để giúp người dân chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu lao động trong các khu công nghiệp và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề đối với người sử dụng đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất bị thu hồi, đặc biệt đối với các cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp thu hồi với diện tích lớn, phải chuyển đổi ngành nghề.

4.2. Giải pháp về nguồn lực, vốn đầu tư

- Áp dụng các chính sách thu hút lao động có tay nghề đã qua đào tạo, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ; có kế hoạch đào tạo tay nghề cho lực lượng lao động tại địa phương thông qua thành lập các trường đào tạo nghề và các trung tâm dạy nghề chất lượng cao để đào tạo nguồn lao động; ưu tiên đào tạo nghề cho lao động tại nông thôn để dễ dàng chuyển đổi ngành nghề khi bị thu hồi đất.

- Tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư bên ngoài vào địa phương, việc thu hút đầu tư bên ngoài là rất quan trọng không chỉ là tạo vốn mà còn là cơ hội để đổi mới công nghệ, đào tạo cán bộ kỹ thuật và mở rộng thị trường sản xuất.

4.3. Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Tăng cường đầu tư ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý và sử dụng đất như kỹ thuật công nghệ số trong thống kê, kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; những tiến bộ sử dụng đất bảo đảm môi trường sinh thái, chống sạt lở, xói mòn đất, tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng, trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp,... để sử dụng đất có hiệu quả.

- Áp dụng các chính sách ưu tiên ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong đầu tư xây dựng cơ bản: kết cấu hạ tầng, công nghiệp, đô thị và xây dựng nông thôn hiện đại theo kiểu đô thị để tiến tới đô thị hóa.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Cẩm Mỹ có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ. Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/06/2024; Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được rà soát kỹ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo tính khả thi cao. Kết quả lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã xác định:

1. Trong tổng số 109 dự án sử dụng đất với tổng diện tích 1.641,95 ha đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thì chiếm phần lớn là những dự án đã triển khai dang dở từ những năm trước, cụ thể: có 96 dự án/1.536,23 ha được chuyển từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và 13 dự án/105,72 ha bổ sung mới.

2. Tổng số lượng dự án cần thu hồi đất theo Điều 78, Điều 79; khoản 2 Điều 82 Luật Đất đai năm 2024 trong năm 2025 là 55 dự án/1.066,52 ha với diện tích cần thu hồi là 1.047,87 ha.

Như vậy, nhìn chung số lượng các dự án đưa vào thực hiện trong năm 2025 là tương đối lớn, do đó khối lượng công việc phải thực hiện rất nhiều. Vì vậy, để hoàn thành khối lượng các dự án này cần phải phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực về vốn và nhân lực; đồng thời, phải có những giải pháp mang tính đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với thực tế.

2. Kiến nghị

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện được phê duyệt là cơ sở quan trọng để huyện Cẩm Mỹ kịp thời triển khai thực hiện các công trình, dự án nhằm đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện. Vì vậy, UBND huyện có một số kiến nghị như sau:

1. UBND tỉnh sớm phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để UBND huyện có căn cứ thực hiện hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. UBND tỉnh sớm chỉ đạo xử lý vướng mắc để hoàn thành thủ tục đất đai (giao đất, công nhận quyền sử dụng đất) đối với các dự án công đã đầu tư xây dựng nhưng còn vướng thủ tục đất đai trong quá trình xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là các dự án được xây dựng sau năm 2014.

3. Chỉ đạo các Sở ngành tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách của tỉnh, các chủ đầu tư được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất để kịp thời thực hiện và xử lý nghiêm đối với những trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng đất sai mục đích hoặc sử dụng đất không hiệu quả./.

PHỤ LỤC

**KÈM THEO BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN CẨM MỸ**

**HỆ THỐNG BIỂU TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN CẨM MỸ**

Ký hiệu Biểu	Tên biểu
Biểu số 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện Cẩm Mỹ
Biểu số 02/CH	Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Cẩm Mỹ
Biểu số 02B/CH	Kết quả thực hiện các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Cẩm Mỹ
Biểu số 02C/CH	Kết quả thực hiện các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2023 trở về trước của huyện Cẩm Mỹ
Biểu số 03/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Cẩm Mỹ
Biểu số 04/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 của huyện Cẩm Mỹ
Biểu số 04B/CH	Danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2025 của huyện Cẩm Mỹ
Biểu số 05/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 của huyện Cẩm Mỹ
Biểu số 05B/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của huyện Cẩm Mỹ
Biểu số 05C/CH	Danh mục các dự án sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trong năm 2025 huyện Cẩm Mỹ
Biểu số 06/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Cẩm Mỹ
Biểu số 07/CH	Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 của huyện Cẩm Mỹ
Biểu số 08/CH	Danh mục các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024, nay đề xuất hủy bỏ của huyện Cẩm Mỹ
Biểu số 09/CH	Danh mục dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2023 trở về trước nay chuyển tiếp đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Cẩm Mỹ
Biểu số 09B/CH	Danh mục dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2023 trở về trước nay đề xuất hủy bỏ của huyện Cẩm Mỹ

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN CẨM MỸ

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)												
					Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray	Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+...+(18)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	41.205,40	89,08	3.303,58	2.534,33	2.866,01	1.489,85	4.357,72	2.898,59	2.476,23	1.857,94	4.462,85	3.356,37	2.504,08	4.280,13	4.817,72
1.1	Đất trồng lúa	LUA	751,90	1,82	-	35,39	-	-	170,71	449,56	12,85	9,00	55,15	-	-	-	19,24
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	472,03	1,15	-	-	-	-	34,80	421,33	12,85	-	3,05	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	279,87	0,68	-	35,39	-	-	135,91	28,23	-	9,00	52,10	-	-	-	19,24
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	4.828,64	11,72	166,99	151,87	25,78	24,44	327,53	453,48	65,94	213,79	2.503,62	9,60	4,38	3,58	877,64
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34.874,05	84,63	3.124,31	2.306,78	2.836,45	1.442,73	3.825,42	1.876,85	2.342,87	1.619,09	1.614,11	3.344,20	2.490,69	4.272,60	3.777,95
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	37,66	0,09	-	-	-	-	-	-	37,66	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	336,33	0,82	0,58	31,13	0,06	0,06	26,58	82,93	14,44	11,70	76,62	0,16	-	-	92,07
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	376,82	0,91	11,70	9,16	3,72	22,62	7,48	35,77	2,47	4,36	213,35	2,41	9,01	3,95	50,82
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.050,43	10,92	261,80	712,66	511,60	140,18	430,03	414,65	513,70	285,93	483,04	356,49	236,47	222,86	481,02
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.212,98	24,02	118,83	83,84	-	55,61	64,99	157,50	51,63	90,90	207,99	35,64	86,34	61,13	198,58
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	61,46	1,22	-	-	61,46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,08	0,34	0,76	0,24	10,64	0,60	0,26	0,72	0,33	0,22	0,89	0,50	0,35	0,56	1,01
2.4	Đất quốc phòng	CQP	370,13	7,33	-	-	265,03	-	88,74	-	-	-	-	-	-	-	16,36
2.5	Đất an ninh	CAN	39,18	0,78	-	-	5,11	-	-	34,07	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	318,88	6,31	6,75	4,43	26,33	5,24	5,69	7,44	4,25	4,01	10,07	214,70	8,69	8,54	12,74
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	10,79	0,21	0,32	-	5,07	0,90	0,64	0,73	0,36	0,76	-	0,03	0,51	0,50	0,97
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,98	0,06	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,98	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,93	0,28	0,11	0,11	11,75	0,44	0,11	0,43	0,08	0,11	0,18	0,08	0,26	0,08	0,19
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	66,87	1,32	5,02	3,34	6,94	3,90	3,35	6,23	2,31	3,14	9,88	3,33	4,24	3,61	11,58
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	14,00	0,28	1,30	0,98	1,59	-	1,59	-	1,50	-	-	1,99	3,68	1,37	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	209,27	4,14	-	-	-	-	-	-	-	-	-	209,27	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,04	0,02	-	-	0,98	-	-	0,05	-	-	0,01	-	-	-	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	81,76	1,62	0,85	0,58	15,78	2,32	1,54	5,39	1,18	1,14	8,49	4,79	20,53	10,66	8,51
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	30,71	0,61	0,13	0,58	11,70	0,25	0,26	1,49	0,53	-	2,10	2,86	3,95	6,16	0,70
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	47,78	0,95	0,72	-	4,08	2,07	0,38	3,90	0,65	1,14	6,22	1,93	16,58	2,30	7,81
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,27	0,06	-	-	-	-	0,90	-	-	-	0,17	-	-	2,20	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.683,33	33,33	92,09	72,55	97,81	63,08	211,85	106,16	417,63	104,91	126,10	65,29	84,31	98,72	142,83
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.212,21	24,00	88,22	69,78	94,09	61,54	207,40	86,11	44,45	99,42	105,52	61,71	62,81	95,79	135,37
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	426,95	8,45	1,05	1,27	0,26	0,85	3,96	17,13	371,26	4,99	19,61	1,72	0,40	1,01	3,44

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)												
					Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray	Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+...+(18)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,18	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,18	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	21,25	0,42	1,31	-	-	0,05	-	-	-	-	-	-	19,89	-	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,94	0,04	-	-	0,10	0,06	0,08	-	0,31	-	-	0,94	-	0,42	0,03
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,11	0,04	0,05	0,03	0,83	0,14	0,15	0,06	0,11	0,01	0,22	0,06	0,05	0,15	0,25
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,72	0,13	0,46	0,19	1,38	0,19	-	1,72	0,05	0,43	0,38	0,03	0,74	0,30	0,85
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	11,97	0,24	1,00	1,28	1,15	0,25	0,26	1,14	1,45	0,06	0,37	0,83	0,24	1,05	2,89
2.9	Đất tôn giáo	TON	33,84	0,67	1,90	3,21	0,52	2,28	3,60	2,95	6,16	2,39	1,69	1,08	2,21	1,74	4,11
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	3,89	0,08	1,29	0,45	0,02	0,09	0,03	0,12	-	1,08	-	-	0,52	0,02	0,27
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	73,47	1,45	1,33	4,73	2,02	1,14	8,75	5,76	7,10	2,88	12,92	13,48	8,22	1,55	3,59
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.154,43	22,86	38,00	542,63	26,88	9,82	44,58	94,54	25,42	78,40	114,89	21,01	25,30	39,94	93,02
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	666,23	13,19	-	523,71	-	-	-	47,59	-	65,05	-	-	-	-	29,88
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	488,20	9,67	38,00	18,92	26,88	9,82	44,58	46,95	25,42	13,35	114,89	21,01	25,30	39,94	63,14
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1,88	0,004	-	-	-	-	-	-	-	-	1,88	-	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>																
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	1,88	100	-	-	-	-	-	-	-	-	1,88	-	-	-	-
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: Đất khu công nghệ cao không cộng vào tổng diện tích tự nhiên.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN CẨM MỸ

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	41.228,53	39.994,08	41.215,12	-13,41	1,09	1.221,04	-1.225,08	4,04
1.1	Đất trồng lúa	LUA	755,23	745,13	752,40	-2,83	28,02	7,27	-9,70	2,43
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	472,15	471,75	472,15	-	-	0,40	-	-0,40
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	283,08	273,38	280,25	-2,83	29,18	6,87	-9,70	2,83
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	4.843,42	4.716,13	4.841,83	-1,59	1,25	125,70	-126,79	1,09
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34.878,63	33.786,46	34.869,64	-8,99	0,82	1.083,18	-1.083,70	0,52
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	37,66	37,66	37,66	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	336,72	331,78	336,72	-	-	4,94	-4,94	-
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	376,87	376,92	376,87	-	-	-0,05	0,05	-
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.027,30	6.261,75	5.040,71	13,41	1,09	-1.221,04	1.225,08	4,04
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.199,52	1.585,32	1.204,33	4,81	1,25	-380,99	385,94	4,95
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	60,30	210,89	60,39	0,09	0,06	-150,50	150,59	0,09
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,08	19,04	17,08	-	-	-1,96	1,96	-
2.4	Đất quốc phòng	CQP	370,13	495,68	370,13	-	-	-125,55	125,55	-
2.5	Đất an ninh	CAN	39,18	45,07	39,18	-	-	-5,89	5,69	-0,20
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	318,88	323,29	318,88	-	-	-4,41	4,41	-
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	10,79	10,67	10,79	-	-	0,12	-	-0,12
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,98	2,98	2,98	-	-	-	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,29	13,84	13,93	0,64	116,36	0,09	-0,09	-
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	67,51	71,61	66,87	-0,64	-15,61	-4,74	4,42	-0,32
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	14,00	12,70	14,00	-	-	1,30	-1,10	-0,20
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	209,27	209,27	209,27	-	-	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,04	2,22	1,04	-	-	-1,18	1,18	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	78,75	490,11	81,76	3,01	0,73	-408,35	408,35	-
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	300,00	-	-	-	-300,00	300,00	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	57,35	-	-	-	-57,35	57,35	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	30,71	62,28	30,71	-	-	-31,57	31,57	-
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	44,77	52,61	47,78	3,01	38,39	-4,83	4,83	-
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,27	17,87	3,27	-	-	-14,60	14,60	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.677,83	1.826,11	1.683,33	5,50	3,71	-142,78	141,98	-0,80
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.206,71	1.350,41	1.212,21	5,50	3,83	-138,20	138,12	-0,08
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	426,95	430,45	426,95	-	-	-3,50	2,78	-0,72
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,18	0,18	0,18	-	-	-	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	21,25	21,25	21,25	-	-	-	-	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,94	1,94	1,94	-	-	-	-	-
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,11	2,10	2,11	-	-	0,01	-0,01	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,72	6,72	6,72	-	-	-	-	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	11,97	13,06	11,97	-	-	-1,09	1,09	-
2.9	Đất tôn giáo	TON	33,84	34,45	33,84	-	-	-0,61	0,61	-
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	3,89	3,89	3,89	-	-	-	-	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	73,47	73,47	73,47	-	-	-	-	-
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.154,43	1.154,43	1.154,43	-	-	-	-	-
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	666,23	666,23	666,23	-	-	-	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	488,20	488,20	488,20	-	-	-	-	-
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1,88	1,88	1,88	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>									
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-	-	-	-	-	-	-
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	1,88	1,88	1,88	-	-	-	-	-
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-	-	-	-	-	-	-
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: Diện tích tại cột (5) tính cả diện tích theo kế hoạch được duyệt và diện tích các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai 2024

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
NĂM 2024 CỦA HUYỆN CẨM MỸ**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH					
1	Nhà máy sản xuất các loại phân bón hữu cơ	Xuân Đông	3,01	2022	Đã được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất
2	Mương tiêu áp 10, xã Sông Ray	Sông Ray	0,72	2022	Dự án đã hoàn thành
3	Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình	Bảo Bình, Xuân Mỹ	7,20	2020 BS2023	Dự án đã hoàn thành
4	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ (Hệ dự phòng)	Long Giao	0,64	2024	Đã hoàn thành thủ tục đất đai
B. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN					
1. Các công trình, dự án đã có Quyết định thu hồi đất					
5	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại	Sông Nhạn	0,40	2022	Đã có Thông báo thu hồi đất, sau khi có Quyết định điều chỉnh Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện các bước tiếp theo
6	Trường THCS Nguyễn Trãi	Xuân Đông	1,16	2021	Đã có Quyết định thu hồi đất, có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
7	Xây dựng trường mầm non Sông Ray (phân hiệu áp 1)	Sông Ray	0,69	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất
8	Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu)	Xuân Bảo	0,30	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất
9	Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu áp Bể Bạc)	Xuân Đông	0,26	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất
10	Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng)	Xuân Đông	0,05	2022	Đã có Quyết định thu hồi đưa vào kế hoạch để điều chỉnh Quyết định số 556/QĐ.UBH ngày 11/8/1995 của UBND huyện Xuân Lộc để xem xét giải quyết hồ sơ bồi thường hỗ trợ theo đơn của ông Mạc Văn Tương
11	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,68	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang xây dựng
12	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Thừa Đức	Thừa Đức	0,67	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang xây dựng
13	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế	Xuân Quế	1,00	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang xây dựng
14	Khu đất đấu giá (thửa đất số 61 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,35	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất
15	Khu đất đấu giá (thửa đất số 373 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,54	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
16	Đường Xuân Quế đi Tp. Long Khánh	Xuân Quế, Xuân Đường	15,35	2023	Đã có Quyết định thu hồi đất đối với đất của Công ty Cao su Đồng Nai và Thông báo thu hồi đất đối với hộ gia đình cá nhân, còn vướng thu hồi đất của 7 hộ dân liên quan đến đất cao su dự kiến bàn giao, đang thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng
17	Đường vào Cụm công nghiệp quốc phòng miền Nam	Long Giao, Xuân Mỹ	4,49	2023	Đã có Quyết định thu hồi đất đối với đất của Công ty Cao su Đồng Nai và Thông báo và Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng
18	Đường số 26 (Đường Khu 2 khu phố Suối Cà)	Long Giao	2,16	2023	Đã ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt 01 phần và Thông báo thu hồi đất, đang thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng
19	Đường D3-1 (Đoạn N6-N20)	Long Giao	0,65	2023	Đã có Quyết định phê duyệt kế hoạch và Thông báo thu hồi đất, đã kiểm kê hiện trạng sử dụng đất
20	Đường N20	Long Giao	0,77	2023	Đã có Quyết định phê duyệt kế hoạch và Thông báo thu hồi đất, đã kiểm kê hiện trạng sử dụng đất
21	Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25	Sông Nhạn	3,53	2023	Đã ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt 01 phần và Thông báo thu hồi đất, đang thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Hiện còn 09 hộ gia đình, cá nhân và 02 tổ chức chưa trình thẩm định (nhà máy A42 và Trụ sở ấp 4 xã Sông Nhạn). 05 hộ dân liên quan đến đất cao su dự kiến bàn giao
22	Trạm y tế xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,20	2023	Đã có Quyết định phê duyệt kế hoạch và Thông báo thu hồi đất
23	Xây dựng Trường Mầm non Lâm San	Lâm San	0,96	2023	Đã có Quyết định phê duyệt kế hoạch và Thông báo thu hồi đất
24	Khu công nghiệp huyện Cẩm Mỹ	Thừa Đức	300,00	2015 BS2023	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện các bước tiếp theo
25	Cụm Công nghiệp Long Giao	Long Giao, Xuân Đường	57,35	2016 BS2023	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
26	Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	Các xã	152,88	2015 BS2023	Đã có Quyết định thu hồi đất, hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và thi công đưa vào sử dụng, hiện đang hoàn thiện các hạng mục đường dân sinh dọc cao tốc
27	Trường MN Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,62	2015 BS2023	Đã xây dựng đang thực hiện thủ tục đất đai
28	Trường MN Sông Ray (áp 9)	Sông Ray	0,64	2019 BS2023	Đã có Quyết định thu hồi, đã xây dựng đang thực hiện thủ tục đất đai
29	Khu thương mại dịch vụ Hương lộ 10 (Khu dịch vụ ngành viễn thông)	Long Giao	0,41	2018 BS2023	Đã được UBND tỉnh ban hành phương án đấu giá quyền sử dụng đất
30	Khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	18,63	2023	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất
31	Cụm công nghiệp quốc phòng phía Nam	Long Giao, Xuân Mỹ	125,55	2023BS	Đã có Quyết định thu hồi đất đối với đất của Công ty Cao su Đồng Nai và Thông báo và Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng
32	Tịnh xá Ngọc Bình	Bảo Bình	0,75	2024	Đã có Quyết định thu hồi đất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
33	Giáo xứ Gia Vinh	Lâm Sơn	1,87	2024	Đã có Quyết định thu hồi đất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
34	Giáo xứ Suối Cả	Xuân Đường	0,30	2024	Đã có Quyết định thu hồi đất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
35	Giáo xứ Xuân Tây	Xuân Tây	0,67	2024	Đã có Quyết định thu hồi đất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
2. Các công trình, dự án đã có Thông báo thu hồi đất					
36	Hành lang đường Xuân Định - Lâm Sơn (Hành lang đường ĐT-765B phía trước chợ Bảo Bình)	Bảo Bình	0,08	2018 BS2023	Đã có Thông báo thu hồi đất, đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhiều năm, nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
37	Đường dọc Sông Ray	Xuân Đông	11,33	2023	Đã có thông báo thu hồi đất và quyết định phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, đang thực hiện các bước tiếp theo
38	Trạm y tế xã Thừa Đức	Thừa Đức	0,13	2024	Đã có Thông báo thu hồi đất
39	Giáo xứ Thiên Đức	Thừa Đức	1,52	2024	Đã có Thông báo thu hồi đất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3. Các công trình, dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư					
40	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình	Bảo Bình	0,20	2022	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng, đưa vào kế hoạch nhiều năm, nhưng chưa hoàn tất thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
41	Trường Tiểu học Xuân Mỹ (mở rộng)	Xuân Mỹ	0,12	2022	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng, đưa vào kế hoạch nhiều năm, nhưng chưa hoàn tất thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
42	Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng)	Long Giao	0,06	2022	Đã được chấp thuận chủ trương giao đất, đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai
43	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	-	2022	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai
44	Khu đất đấu giá (thửa đất số 101 tờ bản đồ số 42 xã Sông Ray)	Sông Ray	0,07	2022	Đã được chấp thuận chủ trương, đang triển khai thực hiện các thủ tục đấu giá
45	Khu đất đấu giá (thửa đất số 41, 59, 60 tờ bản đồ số 56 xã Sông Nhạn)	Sông Nhạn	0,67	2022	Đã được chấp thuận chủ trương, đang triển khai thực hiện các thủ tục đấu giá
46	Xây dựng Trường Mầm non Bảo Bình (phân hiệu Tân Xuân)	Bảo Bình	0,20	2023	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng, đưa vào kế hoạch nhiều năm, nhưng chưa hoàn tất thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
47	Trạm bơm tăng áp - Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực 05 xã Kiệm Tân khu đô thị Dầu Giây, huyện Thống Nhất và vùng lân cận	Xuân Đường, Xuân Quê	2,78	2023	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư
48	Dự án mở rộng chăn nuôi bò thịt - Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Đồng Phát	Xuân Đông	1,06	2023BS	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, đang triển khai thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất
49	Nhà tạm giữ Công an huyện	Long Giao	5,00	2024	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư
50	Xây dựng Trụ sở làm việc công an xã Xuân Đường	Xuân Đường	0,15	2024	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư
51	Xây mới Trường Mầm non Tuổi Thơ	Thừa Đức	1,12	2024	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư
52	Xây mới Trường Mầm non Xuân Tây	Xuân Tây	0,73	2024	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư
53	Điều chuyển Trung tâm Y tế dự phòng sang UBND huyện Cẩm Mỹ quản lý	Long Giao	0,34	2024	Đã được chấp thuận chủ trương về việc điều chuyển tài sản nhà, đất của Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ sang UBND huyện Cẩm Mỹ quản lý, sử dụng

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
4. Các công trình, dự án đã có hiện trạng nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai					
54	Xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,20	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
55	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,86	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
56	Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt)	Xuân Bảo	0,24	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
57	Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quế (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp)	Xuân Quế	0,06	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
58	Nhà văn hóa ấp 2 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,01	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
59	Nhà văn hóa ấp 6 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,04	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
60	Nhà văn hóa ấp 8 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,02	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
61	Nhà văn hóa ấp 11 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,05	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
62	Nhà văn hóa ấp 12 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,04	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
63	Trụ sở UBND xã Xuân Đông	Xuân Đông	0,62	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
64	Trụ sở UBND xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,69	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
65	Xây dựng nhà lực lượng công an Xuân Bảo	Xuân Bảo	0,16	2023BS	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng, nhưng chưa hoàn tất thủ tục đất đai
66	Trụ sở công an xã Lâm Sơn	Lâm Sơn	0,23	2024	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
67	Trụ sở công an xã Xuân Đông	Xuân Đông	0,15	2024	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
68	Thiền thất Chơn Như	Sông Ray	0,44	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhiều năm, nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
69	Cộng đoàn Mẹ Vô Nhiễm (thuộc Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Linh Mục)	Nhân Nghĩa	0,96	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhiều năm, nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
70	Giáo xứ Xuân Bảo	Bảo Bình	0,79	2024	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
71	Chùa Hoàng Mai (mở rộng)	Long Giao	0,04	2024	Đã được chấp thuận chủ trương giao đất cơ sở tôn giáo, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
72	Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,25	2024	Đã được chấp thuận chủ trương giao đất cơ sở tôn giáo, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
73	Giáo xứ Thừa Ân	Thừa Đức	0,63	2024	Đã được chấp thuận chủ trương giao đất cơ sở tôn giáo, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
74	Chùa Viên An	Xuân Bảo	0,57	2024	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
75	Chi hội Tin lành Xuân Đông	Xuân Đông	0,15	2024	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
76	Cộng đoàn Đaminh Thánh Thể Xuân Lộc - Xuân Đường	Xuân Đường	0,05	2024	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
C. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHƯA THỰC HIỆN					
77	Trạm xăng dầu Châu Loan số 17	Bảo Bình	0,27	2024	Chủ đầu tư đăng ký nhưng chưa triển khai thực hiện
78	Trạm xăng dầu Phúc An Phát	Bảo Bình	0,12	2024	Chủ đầu tư đăng ký nhưng chưa triển khai thực hiện
79	Trạm xăng dầu Tin Nghĩa	Lâm Sơn	0,12	2024	Chủ đầu tư đăng ký nhưng chưa triển khai thực hiện
80	Trạm xăng dầu Định Hường	Sông Ray	0,09	2024	Chủ đầu tư đăng ký nhưng chưa triển khai thực hiện
81	Trạm xăng dầu Sông Ray - Công ty TNHH TMDV NEOM	Sông Ray	0,08	2024	Chủ đầu tư đăng ký nhưng chưa triển khai thực hiện
82	Trạm xăng dầu Xuân Tây - Công ty TNHH TMDV NEOM	Xuân Tây	0,13	2024	Chủ đầu tư đăng ký nhưng chưa triển khai thực hiện
83	Trạm xăng dầu Xuân Tây - Công ty TNHH Gia Mỹ Nhiên	Xuân Tây	0,16	2024	Chủ đầu tư đăng ký nhưng chưa triển khai thực hiện
84	Trạm xăng dầu Xuân Tây - Công ty TNHH Tổng hợp Long Hùng Phát	Xuân Tây	0,13	2024	Chủ đầu tư đăng ký nhưng chưa triển khai thực hiện
85	Kho chứa hồ tiêu - Hợp tác xã nông nghiệp Lâm Sơn	Lâm Sơn	1,00	2024	Chủ đầu tư đăng ký nhưng chưa triển khai thực hiện
86	Xưởng chế biến tiêu sọ - Hợp tác xã nông nghiệp Lâm Sơn	Lâm Sơn	2,26	2024	Chủ đầu tư đăng ký nhưng chưa triển khai thực hiện
87	Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại Toàn Thắng	Xuân Tây	1,38	2024	Chủ đầu tư đăng ký nhưng chưa triển khai thực hiện
88	Dự án khai thác vật liệu san lấp - Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp hạ tầng Trường Thịnh	Xuân Tây	5,01	2024	Chủ đầu tư đăng ký nhưng chưa triển khai thực hiện
89	Dự án khai thác vật liệu san lấp - Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cường Hưng Phát	Nhân Nghĩa, Xuân Bảo	10,06	2024	Chủ đầu tư đăng ký nhưng chưa triển khai thực hiện

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
90	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc)	Các xã, thị trấn	102,81	2024	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa triển khai thực hiện, điều chỉnh diện tích thành 237,95 ha
91	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Xuân Bảo, Xuân Tây	6,32	2024	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa triển khai thực hiện
92	Đường Ấp 5 - Quảng Thành	Lâm Sơn	1,50	2024	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa triển khai thực hiện
93	Đường La Hoa - Rừng Tre	Xuân Đông	5,32	2024	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa triển khai thực hiện
94	Xây dựng nâng cấp Nghĩa trang ấp Cọ Dầu 1	Xuân Đông	3,92	2024	Chưa thực hiện
95	Khu đất đấu giá (thửa đất số 44 tờ bản đồ số 48 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,57	2024	Chưa thực hiện
96	Khu đất đấu giá (thửa đất số 69 tờ bản đồ số 3 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,30	2024	Chưa thực hiện
97	Khu đất đấu giá (thửa đất số 355 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,80	2024	Chưa thực hiện
98	Khu đất đấu giá (thửa đất số 356 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,85	2024	Chưa thực hiện
99	Khu đất đấu giá (thửa đất số 357 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	Long Giao	1,17	2024	Chưa thực hiện
100	Khu đất đấu giá (thửa đất số 121 tờ bản đồ số 20 xã Sông Ray)	Sông Ray	0,02	2024	Chưa thực hiện
101	Khu đất vùng phụ cận tuyến Tỉnh lộ 773	Xuân Đường	122,00	2024	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa triển khai thực hiện
102	Khu đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Cẩm Mỹ	Xuân Tây	64,68	2024	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa triển khai thực hiện
103	Khu đất vùng phụ cận Dự án đường N1	Xuân Đường	23,69	2024	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa triển khai thực hiện
104	Khu đất vùng phụ cận Dự án đường vành đai Long Giao	Long Giao, Xuân Đường	48,81	2024	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa triển khai thực hiện
105	Khu đất vùng phụ cận Dự án đường vành đai Long Giao tại thị trấn Long Giao	Long Giao	135,63	2024	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa triển khai thực hiện
106	Khu đất vùng phụ cận tuyến Tỉnh lộ 770B	Thừa Đức, Xuân Đường	137,00	2024	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa triển khai thực hiện

Biểu số 02C/CH**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
TỪ NĂM 2023 TRỞ VỀ TRƯỚC CỦA HUYỆN CẨM MỸ**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH					
1	Nhà máy sản xuất các loại phân bón hữu cơ	Xuân Đông	3,01	2022	Đã được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất
2	Mương tiêu áp 10, xã Sông Ray	Sông Ray	0,72	2022	Dự án đã hoàn thành
3	Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình	Bảo Bình, Xuân Mỹ	7,20	2020 BS2023	Dự án đã hoàn thành
B. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN					
1. Các công trình, dự án đã có Quyết định thu hồi đất					
4	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại	Sông Nhạn	0,40	2022	Đã có Thông báo thu hồi đất, sau khi có Quyết định điều chỉnh Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện các bước tiếp theo
5	Trường THCS Nguyễn Trãi	Xuân Đông	1,16	2021	Đã có Quyết định thu hồi đất, có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
6	Xây dựng trường mầm non Sông Ray (phân hiệu áp 1)	Sông Ray	0,69	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất
7	Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu)	Xuân Bảo	0,30	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất
8	Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu áp Bể Bạc)	Xuân Đông	0,26	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất
9	Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng)	Xuân Đông	0,05	2022	Đã có Quyết định thu hồi đưa vào kế hoạch để điều chỉnh Quyết định số 556/QĐ.UBH ngày 11/8/1995 của UBND huyện Xuân Lộc để xem xét giải quyết hồ sơ bồi thường hỗ trợ theo đơn của ông Mạc Văn Tương
10	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,68	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang xây dựng
11	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Thừa Đức	Thừa Đức	0,67	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang xây dựng
12	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế	Xuân Quế	1,00	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang xây dựng
13	Khu đất đấu giá (thửa đất số 61 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,35	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất
14	Khu đất đấu giá (thửa đất số 373 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,54	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
15	Đường Xuân Quế đi Tp. Long Khánh	Xuân Quế, Xuân Đường	15,35	2023	Đã có Quyết định thu hồi đất đối với đất của Công ty Cao su Đồng Nai và Thông báo thu hồi đất đối với hộ gia đình cá nhân, còn vướng thu hồi đất của 7 hộ dân liên quan đến đất cao su dự kiến bàn giao, đang thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng
16	Đường vào Cụm công nghiệp quốc phòng miền Nam	Long Giao, Xuân Mỹ	4,49	2023	Đã có Quyết định thu hồi đất đối với đất của Công ty Cao su Đồng Nai và Thông báo và Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng
17	Đường số 26 (Đường Khu 2 khu phố Suối Cả)	Long Giao	2,16	2023	Đã ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt 01 phần và Thông báo thu hồi đất, đang thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng
18	Đường D3-1 (Đoạn N6-N20)	Long Giao	0,65	2023	Đã có Quyết định phê duyệt kế hoạch và Thông báo thu hồi đất, đã kiểm kê hiện trạng sử dụng đất
19	Đường N20	Long Giao	0,77	2023	Đã có Quyết định phê duyệt kế hoạch và Thông báo thu hồi đất, đã kiểm kê hiện trạng sử dụng đất
20	Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25	Sông Nhạn	3,53	2023	Đã ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt 01 phần và Thông báo thu hồi đất, đang thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Hiện còn 09 hộ gia đình, cá nhân và 02 tổ chức chưa trình thẩm định (nhà máy A42 và Trụ sở ấp 4 xã Sông Nhạn). 05 hộ dân liên quan đến đất cao su dự kiến bàn giao
21	Trạm y tế xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,20	2023	Đã có Quyết định phê duyệt kế hoạch và Thông báo thu hồi đất
22	Xây dựng Trường Mầm non Lâm San	Lâm San	0,96	2023	Đã có Quyết định phê duyệt kế hoạch và Thông báo thu hồi đất
23	Khu công nghiệp huyện Cẩm Mỹ	Thừa Đức	300,00	2015 BS2023	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện các bước tiếp theo
24	Cụm Công nghiệp Long Giao	Long Giao, Xuân Đường	57,35	2016 BS2023	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
25	Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	Các xã	152,88	2015 BS2023	Đã có Quyết định thu hồi đất, hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và thi công đưa vào sử dụng, hiện đang hoàn thiện các hạng mục đường dân sinh dọc cao tốc
26	Trường MN Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,62	2015 BS2023	Đã xây dựng đang thực hiện thủ tục đất đai
27	Trường MN Sông Ray (áp 9)	Sông Ray	0,64	2019 BS2023	Đã có Quyết định thu hồi, đã xây dựng đang thực hiện thủ tục đất đai
28	Khu thương mại dịch vụ Hương lộ 10 (Khu dịch vụ ngành viễn thông)	Long Giao	0,41	2018 BS2023	Đã được UBND tỉnh ban hành phương án đấu giá quyền sử dụng đất
29	Khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	18,63	2023	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất
2. Các công trình, dự án đã có Thông báo thu hồi đất					
30	Hành lang đường Xuân Định - Lâm San (Hành lang đường ĐT-765B phía trước chợ Bảo Bình)	Bảo Bình	0,08	2018 BS2023	Đã có Thông báo thu hồi đất, đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhiều năm, nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
31	Đường dọc Sông Ray	Xuân Đông	11,33	2023	Đã có thông báo thu hồi đất và quyết định phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, đang thực hiện các bước tiếp theo
3. Các công trình, dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư					
32	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình	Bảo Bình	0,20	2022	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng, đưa vào kế hoạch nhiều năm, nhưng chưa hoàn tất thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
33	Trường Tiểu học Xuân Mỹ (mở rộng)	Xuân Mỹ	0,12	2022	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng, đưa vào kế hoạch nhiều năm, nhưng chưa hoàn tất thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
34	Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng)	Long Giao	0,06	2022	Đã được chấp thuận chủ trương giao đất, đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai
35	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	-	2022	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai
36	Khu đất đấu giá (thửa đất số 101 tờ bản đồ số 42 xã Sông Ray)	Sông Ray	0,07	2022	Đã được chấp thuận chủ trương, đang triển khai thực hiện các thủ tục đấu giá
37	Khu đất đấu giá (thửa đất số 41, 59, 60 tờ bản đồ số 56 xã Sông Nhạn)	Sông Nhạn	0,67	2022	Đã được chấp thuận chủ trương, đang triển khai thực hiện các thủ tục đấu giá

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
38	Xây dựng Trường Mầm non Bảo Bình (phân hiệu Tân Xuân)	Bảo Bình	0,20	2023	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng, đưa vào kế hoạch nhiều năm, nhưng chưa hoàn tất thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
39	Trạm bơm tăng áp - Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực 05 xã Kiệm Tân khu đô thị Dầu Giây, huyện Thống Nhất và vùng lân cận	Xuân Đường, Xuân Quế	2,78	2023	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư
4. Các công trình, dự án đã có hiện trạng nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai					
40	Xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,20	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
41	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,86	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
42	Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt)	Xuân Bảo	0,24	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
43	Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quế (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp)	Xuân Quế	0,06	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
44	Nhà văn hóa ấp 2 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,01	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
45	Nhà văn hóa ấp 6 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,04	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
46	Nhà văn hóa ấp 8 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,02	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
47	Nhà văn hóa ấp 11 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,05	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
48	Nhà văn hóa ấp 12 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,04	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
49	Trụ sở UBND xã Xuân Đông	Xuân Đông	0,62	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
50	Trụ sở UBND xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,69	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
51	Thiền thất Chơn Như	Sông Ray	0,44	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhiều năm, nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
52	Cộng đoàn Mẹ Vô Nhiễm (thuộc Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Linh Mục)	Nhân Nghĩa	0,96	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhiều năm, nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray	Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	40.321,92	3.268,32	2.530,80	2.771,80	1.461,50	4.348,66	2.897,69	2.073,95	1.853,39	4.438,04	3.260,63	2.385,28	4.265,77	4.766,09
1.1	Đất trồng lúa	LUA	733,22	-	35,34	-	-	165,85	449,06	12,40	8,70	50,47	-	-	-	11,40
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	470,58	-	-	-	-	33,80	421,33	12,40	-	3,05	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	262,64	-	35,34	-	-	132,05	27,73	-	8,70	47,42	-	-	-	11,40
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	4.748,32	163,35	148,92	25,37	24,25	322,73	450,98	52,69	212,03	2.483,12	9,60	4,38	1,98	848,92
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34.080,82	3.092,73	2.306,87	2.742,65	1.414,57	3.824,21	1.876,95	1.957,67	1.615,14	1.606,30	3.248,46	2.371,89	4.259,84	3.763,54
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	34,45	-	-	-	-	-	-	-	34,45	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	332,94	0,58	30,51	0,06	0,06	26,39	82,93	14,27	11,66	76,44	0,16	-	-	89,88
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	392,17	11,66	9,16	3,72	22,62	9,48	37,77	2,47	5,86	221,71	2,41	9,01	3,95	52,35
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.933,91	297,06	716,19	605,81	168,53	439,09	415,55	915,98	290,48	507,85	452,23	355,27	237,22	532,65
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.261,37	118,66	83,84	-	65,80	65,70	157,61	60,42	90,94	208,03	56,53	86,37	61,63	205,84
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	77,40	-	-	77,40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	19,04	0,76	0,24	10,52	0,60	0,94	0,72	0,85	0,22	0,77	0,50	0,35	1,56	1,01
2.4	Đất quốc phòng	CQP	495,68	-	-	268,26	-	88,74	-	-	-	-	-	122,32	-	16,36
2.5	Đất an ninh	CAN	45,07	-	0,23	10,11	-	-	34,07	-	0,16	0,15	0,15	0,20	-	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	323,30	6,61	4,20	25,99	7,13	5,76	8,13	5,36	4,16	10,36	214,68	8,49	8,76	13,67
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	10,77	0,32	-	5,07	0,90	0,64	0,73	0,36	0,76	-	0,01	0,51	0,50	0,97
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,98	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,98	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	11,74	0,11	0,11	9,09	0,44	0,11	0,43	0,13	0,11	0,18	0,08	0,26	0,30	0,39
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	71,10	5,02	4,07	6,94	4,61	3,42	6,92	3,37	3,29	10,17	3,33	4,04	3,61	12,31
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	15,22	1,16	0,02	3,91	-	1,59	-	1,50	-	-	1,99	3,68	1,37	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	209,27	-	-	-	-	-	-	-	-	-	209,27	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	2,22	-	-	0,98	1,18	-	0,05	-	-	0,01	-	-	-	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	481,36	1,40	3,96	53,32	8,47	7,11	5,49	300,92	5,12	16,95	28,92	20,62	10,25	18,83
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	300,00	-	-	-	-	-	-	300,00	-	-	-	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	57,35	-	-	35,35	-	-	-	-	-	-	22,00	-	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	53,24	0,69	0,70	13,88	0,25	5,37	1,57	0,46	-	10,16	5,34	4,09	6,20	4,53
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	52,90	0,71	3,26	4,09	2,13	0,84	3,92	0,46	1,15	6,62	1,58	16,53	2,32	9,29
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	17,87	-	-	-	6,09	0,90	-	-	3,97	0,17	-	-	1,73	5,01

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray	Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.965,69	127,28	72,70	130,79	72,95	213,88	106,16	510,47	105,13	142,09	115,66	80,67	111,77	176,14
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.491,01	123,41	69,93	127,07	70,32	209,43	86,11	138,27	99,65	120,89	110,24	59,17	107,84	168,68
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	428,91	1,05	1,27	0,26	0,85	3,96	17,13	370,30	4,99	19,61	3,64	0,40	2,01	3,44
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,18	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,18	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	21,25	1,31	-	-	0,05	-	-	-	-	-	-	19,89	-	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	2,54	-	-	0,10	0,06	0,08	-	0,31	-	0,62	0,92	-	0,42	0,03
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,04	0,05	0,03	0,83	0,14	0,15	0,06	0,11	-	0,22	-	0,05	0,15	0,25
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,72	0,46	0,19	1,38	0,19	-	1,72	0,05	0,43	0,38	0,03	0,74	0,30	0,85
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	13,04	1,00	1,28	1,15	1,34	0,26	1,14	1,43	0,06	0,37	0,83	0,24	1,05	2,89
2.9	Đất tôn giáo	TON	34,30	1,90	3,21	0,58	2,53	3,60	2,95	6,01	2,39	1,69	1,38	2,21	1,74	4,11
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	3,89	1,29	0,45	0,02	0,09	0,03	0,12	-	1,08	-	-	0,52	0,02	0,27
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	73,39	1,33	4,73	2,02	1,14	8,75	5,76	7,02	2,88	12,92	13,48	8,22	1,55	3,59
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.153,42	37,83	542,63	26,80	9,82	44,58	94,54	24,93	78,40	114,89	20,93	25,30	39,94	92,83
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	666,23	-	523,71	-	-	-	47,59	-	65,05	-	-	-	-	29,88
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	487,19	37,83	18,92	26,80	9,82	44,58	46,95	24,93	13,35	114,89	20,93	25,30	39,94	62,95
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1,88	-	-	-	-	-	-	-	-	1,88	-	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>															
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	1,88	-	-	-	-	-	-	-	-	1,88	-	-	-	-
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray	Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	942,13	34,67	0,15	188,80	3,28	2,11	-	177,17	1,04	16,17	288,45	118,68	12,91	98,70
1.1	Đất trồng lúa	LUA	35,59	-	-	-	-	0,04	-	1,17	-	2,27	-	-	-	32,11
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	1,91	-	-	-	-	-	-	0,45	-	-	-	-	-	1,46
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	33,68	-	-	-	-	0,04	-	0,72	-	2,27	-	-	-	30,65
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	59,71	2,14	-	0,42	0,19	0,16	-	10,85	0,59	6,31	0,05	-	-	39,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	835,54	32,49	0,15	188,38	3,09	1,91	-	161,77	0,45	7,30	288,40	118,68	12,91	20,01
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3,21	-	-	-	-	-	-	3,21	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,37	-	-	-	-	-	-	0,17	-	0,09	-	-	-	0,11
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	7,71	0,04	-	-	-	-	-	-	-	0,20	-	-	-	7,47
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	105,74	2,35	1,19	59,85	0,18	0,10	-	10,52	0,16	4,09	20,52	4,00	0,42	2,36
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,58	0,21	-	-	-	0,03	-	0,03	-	-	0,22	-	0,06	0,03
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,77	-	-	0,77	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,93	-	-	0,78	-	-	-	-	-	0,15	-	-	-	-
2.4	Đất quốc phòng	CQP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất an ninh	CAN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	2,57	0,14	1,19	0,34	-	-	-	0,17	0,15	0,02	0,02	0,20	-	0,34
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,02	-	-	0,34
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,34	-	-	0,34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,77	-	0,23	-	-	-	-	0,17	0,15	0,02	-	0,20	-	-
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	1,10	0,14	0,96	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray	Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1,60	-	-	0,25	-	0,07	-	0,27	-	-	0,65	-	0,36	-
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,09	-	-	0,25	-	0,07	-	0,07	-	-	0,34	-	0,36	-
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,51	-	-	-	-	-	-	0,20	-	-	0,31	-	-	-
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	93,17	1,83	-	57,63	0,18	-	-	8,37	0,01	-	19,55	3,80	-	1,80
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	93,06	1,83	-	57,63	0,18	-	-	8,35	-	-	19,47	3,80	-	1,80
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,02	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,02	-	-	-
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,07	-	-	-	-	-	-	-	0,01	-	0,06	-	-	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,02	-	-	-	-	-	-	0,02	-	-	-	-	-	-
2.9	Đất tôn giáo	TON	0,15	-	-	-	-	-	-	0,15	-	-	-	-	-	-
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	4,00	-	-	-	-	-	-	0,08	-	3,92	-	-	-	-
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1,97	0,17	-	0,08	-	-	-	1,45	-	-	0,08	-	-	0,19
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	0,96	-	-	-	-	-	-	0,96	-	-	-	-	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,01	0,17	-	0,08	-	-	-	0,49	-	-	0,08	-	-	0,19
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2025 CỦA HUYỆN CẨM MỸ

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Trong đó:		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	1) Thu hồi theo Điều 78 Luật Đất đai năm 2024	07	131,44	131,44	-	-		
1	Xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,20	0,20	-	-	2022	Quyết định số: 2936/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Xuân Mỹ Văn bản số 13382/UBND-KTNS ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Trụ sở Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
2	Cụm công nghiệp quốc phòng phía Nam	Long Giao, Xuân Mỹ	125,55	125,55	-	-	2023BS	Thông báo số 28/TB-UBND ngày 07/02/2024 UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Điều chỉnh tên dự án tại Thông báo và Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ khu đất quốc phòng (giai đoạn 1) và tuyến đường vào Cụm Công nghiệp Quốc phòng Phía Nam tại xã Xuân Mỹ và thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Thông báo số 609/TB-UBND ngày 13/12/2023 UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ khu đất quốc phòng (giai đoạn 1) và tuyến đường vào Cụm Công nghiệp Quốc phòng Phía Nam tại xã Xuân Mỹ và thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH Tổng Công Cao su Đồng Nai. Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Xây dựng nhà lực lượng công an Xuân Bảo	Xuân Bảo	0,16	0,16	-	-	2023BS	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Trong đó:		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Nhà tạm giữ Công an huyện	Long Giao	5,00	5,00	-	-	2024	Quyết định chủ trương đầu tư số: 10126/QĐ-BCA-H02 ngày 10/12/2021 của Bộ Công an về việc phê duyệt dự án tổng thể đầu tư xây dựng Nhà tạm giữ, Nhà tạm giam, Trại giam thuộc Bộ công an quản lý
5	Trụ sở công an xã Lâm San	Lâm San	0,23	0,23	-	-	2024	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai. Quyết định số: 3220/2022 UBND tỉnh thu hồi của Trường tiểu học Ngô Mây bàn giao UBND xã Lâm San quản lý
6	Trụ sở công an xã Xuân Đông	Xuân Đông	0,15	0,15	-	-	2024	Đã xây dựng trong khuôn viên trụ sở UBND xã
7	Xây dựng Trụ sở làm việc công an xã Xuân Đường	Xuân Đường	0,15	0,15	-	-	2024	Quyết định số: 1382/QĐ-UBND ngày 14/06/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành đề án "Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025" Kế hoạch số: 191/KH-UBND ngày 17/08/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc triển khai thực hiện đề án "Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ giai đoạn 2023-2025" Văn bản số: 1962-CV/HU ngày 21/09/2023 của Huyện ủy Cẩm Mỹ về việc ý kiến việc bổ sung dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Trong đó:		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	2) Thu hồi đất theo Điều 79 - Luật Đất đai 2024	39	933,17	914,52	35,59	3,21		
8	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại	Sông Nhạn	0,40	0,40	-	-	2022	Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 08/07/2024 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, phê duyệt bổ sung Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây, đoạn qua địa bàn xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Thông báo số: 191/TB-UBND ngày 13/07/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ - Về việc thu hồi đất thực hiện Dự án Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây, đoạn qua địa bàn xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (Lê Văn Toán - xã Sông Nhạn 35a/01) Nghị quyết số: 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
9	Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng)	Xuân Đông	0,05	0,05	-	-	2022	Quyết định số 556/QĐ.UBH ngày 11/8/1995 của UBND huyện Xuân Lộc (liên quan thu hồi đất của ông Mạc Văn Tương) Thông báo số: 6263/TB-UBND-TCD ngày 03/06/2020 về Kết quả tiếp công dân Mạc Văn Tương, Nguyễn Thị Gon của Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi tiếp công dân ngày 27/05/2020 Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
10	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,20	0,20	-	-	2022	Văn bản số: 8442/UBND-KTNS ngày 21/07/2021 của UBND tỉnh về chủ trương sửa chữa trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Xuân Lộc và xây dựng mới trụ sở làm việc các trạm CNTY huyện: Cẩm Mỹ, Long Thành, Thống Nhất Nghị quyết số: 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Trong đó:		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
11	Đường dọc Sông Ray	Xuân Đông	11,33	10,70	0,75	-	2023	Quyết định số: 2158/QĐ-UBND ngày 19/08/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai - Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 27/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
12	Đường Xuân Quế đi Tp. Long Khánh	Xuân Quế, Xuân Đường	15,35	13,75	-	-	2023	Quyết định số: 1127/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng để thực hiện dự án đường Xuân Quế đi Long Khánh đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Thông báo số: 468 - 509/TB-UBND ngày 29/08/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án đường Xuân Quế đi Long Khánh đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Trong đó:		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
13	Đường vào Cụm công nghiệp quốc phòng miền Nam	Long Giao, Xuân Mỹ	4,49	4,41	-	-	2023	Thông báo số 28/TB-UBND ngày 07/02/2024 UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Điều chỉnh tên dự án tại Thông báo và Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ khu đất quốc phòng (giai đoạn 1) và tuyến đường vào Cụm Công nghiệp Quốc phòng Phía Nam tại xã Xuân Mỹ và thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Thông báo số 609/TB-UBND ngày 13/12/2023 UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ khu đất quốc phòng (giai đoạn 1) và tuyến đường vào Cụm Công nghiệp Quốc phòng Phía Nam tại xã Xuân Mỹ và thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH Tổng Công Cao su Đồng Nai. Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
14	Đường số 26 (Đường Khu 2 khu phố Suối Cỏ)	Long Giao	2,16	2,16	-	-	2023	Kế hoạch số: 183/KH-UBND ngày 07/08/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Kế hoạch Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án Đường số: 26 (Đường khu 2, khu phố Suối Cỏ) tại thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
15	Đường D3-1 (Đoạn N6-N20)	Long Giao	0,65	0,11	-	-	2023	Quyết định số: 1918/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc đầu tư xây dựng Đường D3-1 (Đoạn N6-N20) Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
16	Đường N20	Long Giao	0,77	0,77	-	-	2023	Quyết định số: 3008/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc đầu tư xây dựng Đường N20 (Đoạn N16-QL56) Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Trong đó:		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
17	Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25	Sông Nhạn	3,53	1,63	0,04	-	2023	Thông báo số: 373 - 441/TB-UBND ngày 07/08/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ - Thu hồi đất để thực hiện Dự án Nâng cấp đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 27/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
18	Trạm bơm tăng áp - Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực 05 xã Kiệm Tân khu đô thị Dầu Giây, huyện Thống Nhất và vùng lân cận	Xuân Đường, Xuân Quế	2,78	2,78	-	-	2023	Quyết định số: 3328/QĐ-UBND ngày 16/09/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Nghị quyết số: 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
19	Trạm y tế xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,20	0,20	-	-	2023	Thông báo số 418/TB-UBND ngày 22/07/2024 của UBND Tỉnh Đồng Nai Thông báo Thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Dự án Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
20	Xây dựng Trường Mầm non Lâm San	Lâm San	0,96	0,96	-	-	2023	Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 13/06/2024 của UBND Tỉnh Đồng Nai Phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án Trường Mầm non Lâm San, tại xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ. Thông báo số: 335/TB-UBND ngày 13/06/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thu hồi đất để thực hiện dự án Trường Mầm non Lâm San, tại xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Trong đó:		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
21	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc)	Các xã, thị trấn	237,95	237,95	7,12	-	2024	Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đối với Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc) huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
22	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Xuân Bảo, Xuân Tây	6,32	0,32	-	-	2024	Quyết định số: 989/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Cẩm Mỹ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đường Xuân Bảo - Xuân Tây Quyết định số: 391/QĐ-UBND ngày 04/07/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ (đợt 2) Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
23	Đường Ấp 5 - Quảng Thành	Lâm San	1,50	0,15	-	-	2024	Quyết định số: 716/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Đường ấp 5 - Quảng Thành Quyết định số: 391/QĐ-UBND ngày 04/07/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ (đợt 2); Tờ trình số: 136/TTr-UBND ngày 06/11/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc đăng ký, cam kết bố trí vốn đối với các dự án cần thu hồi đất, đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Trong đó:		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
24	Đường La Hoa - Rừng Tre	Xuân Đông	5,32	3,82	0,88	-	2024	Quyết định số: 714/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Đường La Hoa - Rừng Tre Quyết định số: 391/QĐ-UBND ngày 04/07/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ (đợt 2) Tờ trình số: 136/TTr-UBND ngày 06/11/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc đăng ký, cam kết bố trí vốn đối với các dự án cần thu hồi đất, đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
25	Trạm y tế xã Thừa Đức	Thừa Đức	0,13	0,13	-	-	2024	Thông báo số: 190/TB-UBND ngày 10/04/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thông Báo Đề thực hiện dự án Xây dựng Trạm y tế xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
26	Xây mới Trường Mầm non Tuổi Thơ	Thừa Đức	1,12	1,12	-	-	2024	Quyết định số: 807/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Triển khai Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ đối với dự án Xây mới trường Mầm non Tuổi Thơ Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
27	Xây mới Trường Mầm non Xuân Tây	Xuân Tây	0,73	0,73	-	-	2024	Nghị quyết số: 19/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về chủ trương đầu tư 03 dự án nhóm B trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ Tờ trình số: 136/TTr-UBND ngày 06/11/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc đăng ký, cam kết bố trí vốn đối với các dự án cần thu hồi đất, đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Trong đó:		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
28	Giáo xứ Thiên Đức	Thừa Đức	1,52	1,52	-	-	2024	Quyết định số: 1085/QĐ-UBND ngày 12/04/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án xây dựng Nhà thờ giáo xứ Thiên Đức tại xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ Thông báo số: 6612/TB-UBND ngày 18/08/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Nhà thờ Giáo xứ Thiên Đức tại xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Đồng Nai
29	Xây dựng nâng cấp Nghĩa trang áp Cọ Dầu 1	Xuân Đông	3,92	3,92	-	-	2024	Quyết định số: 643/QĐ-UBND ngày 04/03/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc giao đất cho UBND xã Xuân Đông để quản lý tại xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Đưa vào kế hoạch sử dụng đất để kêu gọi nguồn vốn xã hội hóa, thu hồi, đấu giá thực hiện xây dựng nâng cấp chỉnh trang nghĩa trang phục vụ chôn cất, an táng trên địa bàn xã và vùng lân cận Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
30	Điều chuyển Trung tâm Y tế dự phòng sang UBND huyện Cẩm Mỹ quản lý	Long Giao	0,34	0,34	-	-	2024	Quyết định số: 2962/QĐ-UBND ngày 27/08/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chuyển tài sản là nhà, đất của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Cẩm Mỹ sang Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ và điều chuyển tài sản nhà, đất của Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ sang UBND huyện Cẩm Mỹ quản lý, sử dụng Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Trong đó:		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
31	Khu đất vùng phụ cận tuyến Tỉnh lộ 773	Xuân Đường	122,00	122,00	-	-	2024	Quyết định số: 3598/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
32	Khu đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Cẩm Mỹ	Xuân Tây	64,68	64,68	25,63	-	2024	Quyết định số: 3598/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
33	Khu đất vùng phụ cận Dự án đường N1	Xuân Đường	23,69	23,69	-	-	2024	Quyết định số: 3598/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Trong đó:		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
34	Khu đất vùng phụ cận Dự án đường vành đai Long Giao	Long Giao, Xuân Đường	48,81	48,81	-	-	2024	Quyết định số: 3598/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
35	Khu đất vùng phụ cận Dự án đường vành đai Long Giao tại thị trấn Long Giao	Long Giao	135,63	135,63	-	-	2024	Quyết định số: 3598/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
36	Khu đất vùng phụ cận tuyến Tỉnh lộ 770B	Thừa Đức, Xuân Đường	137,00	137,00	-	-	2024	Quyết định số: 3598/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Trong đó:		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
37	Xây dựng Trung tâm chính trị huyện Cẩm Mỹ	Long Giao	0,78	0,78	-	-	2025	Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 23/09/2024 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Triển khai Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trung tâm chính trị huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai
38	Xây dựng Đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh	Thừa Đức	33,95	33,95	1,00	0,56	2025	Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đối với Dự án Xây dựng Đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
39	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	Thừa Đức, Xuân Đường	61,09	56,04	0,17	2,65	2025	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 20/04/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đối với Dự án Đường Xuân Đường - Thừa Đức
40	Hệ thống thoát nước Trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ ra Suối Cả	Xuân Đường	0,14	0,14	-	-	2025	Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc phê duyệt dự án Hệ thống thoát nước Trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ ra Suối Cả, huyện Cẩm Mỹ
41	Xây dựng tượng đài Thanh niên xung phong	Xuân Tây	0,34	0,34	-	-	2025	Quyết định số: 1985/QĐ-UBND ngày 17/08/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng tượng đài Thanh niên xung phong tại Công viên văn hóa Sông Ray

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Trong đó:		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
42	Trạm y tế xã Xuân Quế	Xuân Quế	0,22	0,22	-	-	2025	Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc chủ trương đầu tư xây dựng mới trạm y tế Xuân Quế huyện Cẩm Mỹ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 15/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai
43	Xây mới trường Mầm non Hướng Dương	Sông Nhạn	0,07	0,07	-	-	2025	Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng mới trường Mầm non Hướng Dương Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2024 Nghị quyết số: 15/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai
44	Xây mới bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Tiểu học Thừa Đức 2	Thừa Đức	0,11	0,11	-	-	2025	Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Xây mới bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Tiểu học Thừa Đức 2 Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2024 Nghị quyết số: 15/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai
45	Nhà thi đấu đa năng huyện Cẩm Mỹ	Long Giao	2,32	2,32	-	-	2025	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 20/04/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đối với Dự án Nhà thi đấu đa năng huyện Cẩm Mỹ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Trong đó:		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
46	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Xuân Đông	0,62	0,62	-	-	2025	Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/09/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Đông và hướng tuyến đường dây đầu nối Văn bản số 4389/UBND-KTN ngày 08/05/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thống nhất điều chỉnh hướng tuyến đường dây 110kV đầu nối Trạm 110kV Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ
	4) Thu hồi đất theo khoản 2 Điều 82 - Luật Đất đai 2024	09	1,91	1,91	-	-		
47	Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt)	Xuân Bảo	0,24	0,24	-	-	2022	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
48	Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quế (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp)	Xuân Quế	0,06	0,06	-	-	2022	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
49	Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng)	Long Giao	0,06	0,06	-	-	2022	Nhu cầu giao đất cơ sở tôn giáo, mở rộng diện tích phục vụ sinh hoạt tôn giáo của quần chúng tín đồ Văn bản số: 33/GCN-BTG ngày 27/01/2010 của Ban Tôn giáo tỉnh Đồng Nai chứng nhận công nhận tổ chức tôn giáo cơ sở trực thuộc Giáo phận Xuân Lộc
50	Chùa Hoàng Mai (mở rộng)	Long Giao	0,04	0,04	-	-	2024	Văn bản số: 1753/UBND-CNN ngày 19/02/2019 của UBND tỉnh V/v Chùa Hoàng Mai xin chủ trương giao đất tôn giáo tại xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ
51	Giáo xứ Thừa Ân	Thừa Đức	0,63	0,63	-	-	2024	Văn bản số: 371/UBND-KGVX ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai Giấy chứng nhận số: 07/GCN-BTG ngày 20/8/2018 của Ban Tôn giáo tỉnh
52	Chùa Viên An	Xuân Bảo	0,57	0,57	-	-	2024	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Trong đó:		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
53	Chi hội Tin lành Xuân Đông	Xuân Đông	0,15	0,15	-	-	2024	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
54	Cộng đoàn Đaminh Thánh Thể Xuân Lộc - Xuân Đường	Xuân Đường	0,05	0,05	-	-	2024	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch sử dụng đất để làm thủ tục đất đai Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động tôn giáo số: 824/GCN-UBND ngày 23/08/2013 của UBND huyện Cẩm Mỹ
55	Tịnh thất Liên Hoa	Sông Nhạn	0,11	0,11	-	-	2025	Văn bản số 12724/UBND-KTN ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tham mưu xử lý đề nghị của Tịnh thất Liên Hoa về giao đất sử dụng vào mục đích tôn giáo

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray	Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	883,48	35,26	3,53	94,21	28,35	9,06	0,90	402,28	4,55	24,81	95,74	118,80	14,36	51,63
	<i>Trong đó:</i>															
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	11,12	-	-	-	-	-	-	0,45	-	3,58	-	-	-	7,09
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	51,20	2,14	0,12	0,41	0,19	0,20	-	10,85	0,80	11,94	-	-	-	24,55
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	816,78	33,08	3,41	93,80	28,16	8,86	0,90	387,60	3,75	8,91	95,74	118,80	14,36	19,41
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	3,21	-	-	-	-	-	-	3,21	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,46	-	-	-	-	-	-	0,17	-	0,18	-	-	-	0,11
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,71	0,04	-	-	-	-	-	-	-	0,20	-	-	-	0,47
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		56,06	1,50	3,50	-	-	18,50	4,00	2,40	2,00	15,56	-	-	1,60	7,00
	<i>Trong đó:</i>															
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	7,56	-	0,05	-	-	4,86	0,50	-	0,30	1,10	-	-	-	0,75
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		2,32	0,04	-	0,50	0,04	0,04	0,08	0,04	0,04	0,04	0,04	0,05	0,50	0,91
	<i>Trong đó:</i>															
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC	0,46	-	-	0,46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	1,86	0,04	-	0,04	0,04	0,04	0,08	0,04	0,04	0,04	0,04	0,05	0,50	0,91
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

NNP là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp;

PNN là mã loại đất theo quy hoạch;

MHT là mã đất theo hiện trạng sử dụng đất.

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 THEO LOẠI ĐẤT TRONG HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH CỦA HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhận	Sông Ray	Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	1.378,15	35,88	5,42	228,79	28,15	9,89	1,22	483,66	5,36	24,88	310,75	118,80	14,46	110,89
	<i>Trong đó:</i>															
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	42,59	-	0,02	-	-	0,79	0,23	1,37	-	5,95	-	-	0,10	34,13
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	69,26	2,14	1,99	0,42	0,19	0,16	-	10,85	0,59	9,58	0,05	-	-	43,29
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	1.254,89	33,70	3,41	228,37	27,96	8,94	0,99	468,06	4,77	8,97	310,70	118,80	14,36	25,86
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	3,21	-	-	-	-	-	-	3,21	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,49	-	-	-	-	-	-	0,17	-	0,18	-	-	-	0,14
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	7,71	0,04	-	-	-	-	-	-	-	0,20	-	-	-	7,47
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		56,06	1,50	3,50	-	-	18,50	4,00	2,40	2,00	15,56	-	-	1,60	7,00
	<i>Trong đó:</i>															
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	50,00	1,50	3,50	-	-	17,50	3,00	2,40	1,50	12,00	-	-	1,60	7,00
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		2,34	0,05	-	0,53	0,06	0,05	0,16	0,05	0,08	0,11	0,06	0,07	0,06	1,06
	<i>Trong đó:</i>															
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC	0,46	-	-	0,46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	1,88	0,05	-	0,07	0,06	0,05	0,16	0,05	0,08	0,11	0,06	0,07	0,06	1,06
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

NNP là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp;

PNN là mã loại đất theo quy hoạch;

MHT là mã đất theo hiện trạng sử dụng đất.

Biểu số 05C/CH

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT TRONG NĂM 2025 HUYỆN CẨM MỸ

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
				Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng đất trồng lúa (ha)	Sử dụng đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I. Chuyển mục đích sử dụng đất của công trình, dự án								
1	Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25	Sông Nhạn	3,53	1,63	0,04	-	2023	Thông báo số: 373 - 441/TB-UBND ngày 07/08/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ - Thu hồi đất để thực hiện Dự án Nâng cấp đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 27/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
2	Đường dọc Sông Ray	Xuân Đông	11,33	10,70	0,75	-	2023	Quyết định số: 2158/QĐ-UBND ngày 19/08/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai - Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 27/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc)	Các xã, thị trấn	237,95	237,95	7,12	-	2024	Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đối với Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc) huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
				Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng đất trồng lúa (ha)	Sử dụng đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Đường La Hoa - Rừng Tre	Xuân Đông	5,32	3,82	0,88	-	2024	Quyết định số: 714/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Đường La Hoa - Rừng Tre Quyết định số: 391/QĐ-UBND ngày 04/07/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ (đợt 2) Tờ trình số: 136/TTr-UBND ngày 06/11/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc đăng ký, cam kết bố trí vốn đối với các dự án cần thu hồi đất, đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
5	Khu đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Cẩm Mỹ	Xuân Tây	64,68	64,68	25,63	-	2024	Quyết định số: 3598/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
6	Xây dựng Đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh	Thừa Đức	33,95	33,95	1,00	0,56	2025	Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đối với Dự án Xây dựng Đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc giao chi tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
7	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	Thừa Đức, Xuân Đường	61,09	56,04	0,17	2,65	2025	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 20/04/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đối với Dự án Đường Xuân Đường - Thừa Đức

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
				Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng đất trồng lúa (ha)	Sử dụng đất rừng sản xuất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
II. Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân								
1	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm	Các xã, thị trấn	2,00		2,00		2025	Phục vụ nhu cầu của địa phương
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Các xã, thị trấn	40,00		40,00		2025	Phục vụ nhu cầu của địa phương
3	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Các xã, thị trấn	10,00		10,00		2025	Phục vụ nhu cầu của địa phương
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Các xã, thị trấn	5,00		5,00		2025	Phục vụ nhu cầu của địa phương

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 CỦA HUYỆN CẨM MỸ

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú	
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
I	Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch									
1	Cụm công nghiệp quốc phòng phía Nam	125,55	125,55	-	125,55	CLN, DGT	Long Giao, Xuân Mỹ	Xuân Mỹ: tờ số 1 - thửa số 1, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9; tờ số 7 - thửa số 13, 14, 34, 48, 49 Long Giao: tờ số 23 - thửa số 132, 134, 67	Thông báo số 28/TB-UBND ngày 07/02/2024 UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Điều chỉnh tên dự án tại Thông báo và Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ khu đất quốc phòng (giai đoạn 1) và tuyến đường vào Cụm Công nghiệp Quốc phòng Phía Nam tại xã Xuân Mỹ và thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Thông báo số 609/TB-UBND ngày 13/12/2023 UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ khu đất quốc phòng (giai đoạn 1) và tuyến đường vào Cụm Công nghiệp Quốc phòng Phía Nam tại xã Xuân Mỹ và thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH Tổng Công Cao su Đồng Nai. Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai	
2	Xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã Xuân Mỹ	0,20	0,20	-	0,20	DGD	Xuân Mỹ	tờ số 41 - thửa số 29	Quyết định số: 2936/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Xuân Mỹ Văn bản số 13382/UBND-KTNS ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Trụ sở Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai	
3	Xây dựng nhà lực lượng công an Xuân Bảo	0,16	0,16	-	0,16	DGD, DBV	Xuân Bảo	tờ số 14 - thửa số 57, 58	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	Nhà tạm giữ Công an huyện	5,00	5,00	-	5,00	CLN	Long Giao	tờ số 2 - thửa số 26; tờ số 45 - thửa số 19, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33	Quyết định chủ trương đầu tư số: 10126/QĐ-BCA-H02 ngày 10/12/2021 của Bộ Công an về việc phê duyệt dự án tổng thể đầu tư xây dựng Nhà tạm giữ, Nhà tạm giam, Trại giam thuộc Bộ công an quản lý
5	Trụ sở công an xã Lâm San	0,23	0,23	-	0,23	DGD	Lâm San	tờ số 22 - thửa số 42	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai. Quyết định số: 3220/2022 UBND tỉnh thu hồi của Trường tiểu học Ngô Mây bàn giao UBND xã Lâm San quản lý
6	Trụ sở công an xã Xuân Đông	0,15	0,15	-	0,15	HNK, TSC	Xuân Đông	tờ số 3 - thửa số 48	Đã xây dựng trong khuôn viên trụ sở UBND xã
7	Xây dựng Trụ sở làm việc công an xã Xuân Đường	0,15	0,15	-	0,15	CLN	Xuân Đường	tờ số 2 - thửa số 28	Quyết định số: 1382/QĐ-UBND ngày 14/06/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành đề án "Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025" Kế hoạch số: 191/KH-UBND ngày 17/08/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc triển khai thực hiện đề án "Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ giai đoạn 2023-2025" Văn bản số: 1962-CV/HU ngày 21/09/2023 của Huyện ủy Cẩm Mỹ về việc ý kiến việc bổ sung dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025
8	Khu công nghiệp huyện Cẩm Mỹ	300,00	300,00	-	300,00	CLN	Thừa Đức	tờ số 1 - thửa số 2, 5, 54, 55, 62, 93, 94; tờ số 3 - thửa số 176; tờ số 4 - thửa số 9	Quyết định số: 52/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất của Công ty TTHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất của UBND xã Thừa Đức Quyết định số: 54/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất của của hộ gia đình cá nhân.
9	Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	152,88	152,88	-	152,88	DGT	Các xã	bản đồ địa chính Các xã	Đã có Quyết định thu hồi đất, hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và thi công đưa vào sử dụng, hiện đang hoàn thiện các hạng mục đường dân sinh dọc cao tốc Nghị quyết số: 164/2019/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 196/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
10	Cụm Công nghiệp Long Giao	57,35	57,35	-	57,35	CLN	Long Giao, Xuân Đường	tờ số 1 - thửa số 26, 27, 38 tờ số 2 - thửa số 24 tờ số 3 - thửa số 13, 3, 38, 46, 7	Quyết định số: 127/QĐ-UBND ngày 28/04/2020 và Quyết định số: 148/QĐ-UBND ngày 21/05/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường vào cụm Công nghiệp Long Giao và Cụm Công nghiệp Long Giao tại xã Long Giao, xã Xuân Đường, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 196/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai
11	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại	0,40	0,40	-	0,40	CLN	Sông Nhạn	tờ số 1 - thửa số 17,24,34,35,36,40 tờ số 3 - thửa số 29,35	Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 08/07/2024 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, phê duyệt bổ sung Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây, đoạn qua địa bàn xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Thông báo số: 191/TB-UBND ngày 13/07/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ - Về việc thu hồi đất thực hiện Dự án Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây, đoạn qua địa bàn xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (Lê Văn Toán - xã Sông Nhạn 35a/01) Nghị quyết số: 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
12	Đường Xuân Quế đi Tp. Long Khánh	15,35	15,35	1,60	13,75	CLN, TMD	Xuân Quế, Xuân Đường	Xuân Đường: tờ số 2, 8 Xuân Quế: tờ số: 4, 6, 9, 28, 33, 34, 36, 42, 48	Quyết định số: 1127/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng để thực hiện dự án đường Xuân Quế đi Long Khánh đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Thông báo số: 468 - 509/TB-UBND ngày 29/08/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án đường Xuân Quế đi Long Khánh đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
13	Đường vào Cụm công nghiệp quốc phòng miền Nam	4,49	4,49	0,08	4,41	CLN	Long Giao, Xuân Mỹ	Long Giao: tờ số 28 - thửa số 6, 8; tờ số 3 - thửa số 58, 59, 61, 62, 63; tờ số 5 - thửa số 16, 23, 5, 6, 7 Xuân Mỹ: tờ số 7 - thửa số 35	Thông báo số 28/TB-UBND ngày 07/02/2024 UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Điều chỉnh tên dự án tại Thông báo và Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ khu đất quốc phòng (giai đoạn 1) và tuyến đường vào Cụm Công nghiệp Quốc phòng Phía Nam tại xã Xuân Mỹ và thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Thông báo số 609/TB-UBND ngày 13/12/2023 UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ khu đất quốc phòng (giai đoạn 1) và tuyến đường vào Cụm Công nghiệp Quốc phòng Phía Nam tại xã Xuân Mỹ và thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH Tổng Công Cao su Đồng Nai. Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
14	Đường số 26 (Đường Khu 2 khu phố Suối Cà)	2,16	2,16	-	2,16	HNK, CLN, ODT	Long Giao	bản đồ địa chính Long Giao	Kế hoạch số: 183/KH-UBND ngày 07/08/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Kế hoạch Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án Đường số: 26 (Đường khu 2, khu phố Suối Cà) tại thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
15	Đường D3-1 (Đoạn N6-N20)	0,65	0,65	0,54	0,11	CLN	Long Giao	tờ số 2 - thửa số 339	Quyết định số: 1918/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc đầu tư xây dựng Đường D3-1 (Đoạn N6-N20) Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
16	Đường N20	0,77	0,77	-	0,77	CLN	Long Giao	bản đồ địa chính Long Giao	Quyết định số: 3008/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc đầu tư xây dựng Đường N20 (Đoạn N16-QL56) Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
17	Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25	3,53	3,53	1,90	1,63	HNK, CLN	Sông Nhạn	bản đồ địa chính Sông Nhạn	Thông báo số: 373 - 441/TB-UBND ngày 07/08/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ - Thu hồi đất để thực hiện Dự án Nâng cấp đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 27/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
18	Đường dọc Sông Ray	11,33	11,33	0,63	10,70	HNK, CLN, NTS, NKH	Xuân Đông	bản đồ địa chính Xuân Đông	Quyết định số: 2158/QĐ-UBND ngày 19/08/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai - Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 27/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
19	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc)	237,95	237,95	-	237,95	LUK, HNK, CLN, NTS, NKH, TMD, DTT, ONT	Các xã, thị trấn	bản đồ địa chính Các xã, thị trấn	Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đối với Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc) huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
20	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	6,32	6,32	6,00	0,32	CLN	Xuân Bảo, Xuân Tây	bản đồ địa chính Xuân Bảo, Xuân Tây	Quyết định số: 989/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Cẩm Mỹ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đường Xuân Bảo - Xuân Tây Quyết định số: 391/QĐ-UBND ngày 04/07/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ (đợt 2) Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
21	Đường Ấp 5 - Quảng Thành	1,50	1,50	1,35	0,15	CLN	Lâm San	bản đồ địa chính Lâm San	Quyết định số: 716/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Đường ấp 5 - Quảng Thành Quyết định số: 391/QĐ-UBND ngày 04/07/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ (đợt 2); Tờ trình số: 136/TTr-UBND ngày 06/11/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc đăng ký, cam kết bố trí vốn đối với các dự án cần thu hồi đất, đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
22	Đường La Hoa - Rừng Tre	5,32	5,32	1,50	3,82	HNK, CLN, NTS, NKH, DGD	Xuân Đông	bản đồ địa chính Xuân Đông	Quyết định số: 714/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Đường La Hoa - Rừng Tre Quyết định số: 391/QĐ-UBND ngày 04/07/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ (đợt 2) Tờ trình số: 136/TTr-UBND ngày 06/11/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc đăng ký, cam kết bố trí vốn đối với các dự án cần thu hồi đất, đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
23	Trạm bơm tăng áp - Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực 05 xã Kiệm Tân khu đô thị Dầu Giây, huyện Thống Nhất và vùng lân cận	2,78	2,78	-	2,78	CLN	Xuân Đường, Xuân Quế	Xuân Quế: tờ số 3 - thửa số 19, 21 Xuân Đường: tờ số 1 - thửa số 21; tờ số 3 - thửa số 13, 21, 47	Quyết định số: 3328/QĐ-UBND ngày 16/09/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Nghị quyết số: 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
24	Trạm y tế xã Xuân Tây	0,20	0,20	-	0,20	HNK	Xuân Tây	tờ số 32 - thửa số 60	Thông báo số 418/TB-UBND ngày 22/07/2024 của UBND Tỉnh Đồng Nai Thông báo Thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Dự án Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
25	Trạm y tế xã Thừa Đức	0,13	0,13	-	0,13	CLN	Thừa Đức	tờ số 10 - thửa số 185	Thông báo số: 190/TB-UBND ngày 10/04/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thông Báo Đề thực hiện dự án Xây dựng Trạm y tế xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
26	Xây dựng trường mầm non Sông Ray (phân hiệu ấp 1)	0,69	0,69	-	0,69	CLN	Sông Ray	tờ số 33 - thửa số 162	Quyết định số: 1045/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất của ông (bà) Trịnh Xuân Toàn để thực hiện Dự án Xây mới Trường mầm non Sông Ray ấp 1 tại xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ. Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
27	Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu)	0,30	0,30	-	0,30	CLN	Xuân Bảo	tờ số 15 - thửa số 45	Quyết định số: 1048/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất của ông (bà) Phạm Thái Sơn để thực hiện Dự án Xây mới Trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu) tại xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
28	Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu ấp Bể Bạc)	0,26	0,26	-	0,26	SKC	Xuân Đông	tờ số 3 - thửa số 47	Quyết định số: 286/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất do Công ty Cổ phần Hòa Việt quản lý để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trường Mầm non Xuân Đông (Phân hiệu ấp Bể Bạc) tại xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
29	Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng)	0,05	0,05	-	0,05	HNK	Xuân Đông	tờ số 55 - thửa số 3	Quyết định số 556/QĐ.UBND ngày 11/8/1995 của UBND huyện Xuân Lộc (liên quan thu hồi đất của ông Mạc Văn Tương) Thông báo số: 6263/TB-UBND-TCD ngày 03/06/2020 về Kết quả tiếp công dân Mạc Văn Tương, Nguyễn Thị Gon của Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi tiếp công dân ngày 27/05/2020 Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
30	Xây dựng Trường Mầm non Lâm San	0,96	0,96	-	0,96	DTT	Lâm San	tờ số 14 - thửa số 13	Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 13/06/2024 của UBND Tỉnh Đồng Nai phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án Trường Mầm non Lâm San, tại xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ. Thông báo số: 335/TB-UBND ngày 13/06/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thu hồi đất để thực hiện dự án Trường Mầm non Lâm San, tại xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
31	Xây mới Trường Mầm non Tuổi Thơ	1,12	1,12	-	1,12	CLN	Thừa Đức	tờ số 32 - thửa số 8, 9	Quyết định số: 807/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Triển khai Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ đối với dự án Xây mới trường Mầm non Tuổi Thơ Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
32	Xây mới Trường Mầm non Xuân Tây	0,73	0,73	-	0,73	HNK	Xuân Tây	tờ số 26 - thửa số 127	Nghị quyết số: 19/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về chủ trương đầu tư 03 dự án nhóm B trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ Tờ trình số: 136/TTr-UBND ngày 06/11/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc đăng ký, cam kết bố trí vốn đối với các dự án cần thu hồi đất, đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
33	Giáo xứ Thiên Đức	1,52	1,52	1,52	-	TON	Thừa Đức	tờ số 10 - thửa số 312	Quyết định số: 1085/QĐ-UBND ngày 12/04/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án xây dựng Nhà thờ giáo xứ Thiên Đức tại xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ Thông báo số: 6612/TB-UBND ngày 18/08/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Nhà thờ Giáo xứ Thiên Đức tại xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Đồng Nai
34	Xây dựng nâng cấp Nghĩa trang ấp Cọ Dầu 1	3,92	3,92	3,92	-	NTD	Xuân Đông	tờ số 78 - thửa số 51, 52, 82, 83, 84; tờ số 90 - thửa số 10, 100, 7, 8, 9	Quyết định số: 643/QĐ-UBND ngày 04/03/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc giao đất cho UBND xã Xuân Đông để quản lý tại xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Đưa vào kế hoạch sử dụng đất để kêu gọi nguồn vốn xã hội hóa, thu hồi, đấu giá thực hiện xây dựng nâng cấp chỉnh trang nghĩa trang phục vụ chôn cất, an táng trên địa bàn xã và vùng lân cận Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
35	Khu đất vùng phụ cận tuyến Tỉnh lộ 773	122,00	122,00	-	122,00	CLN	Xuân Đường	tờ số 1 - thửa số 1, 10, 12, 13, 14, 3, 3, 38, 38, 39, 39, 4, 40, 5, 6, 6, 8, 9	Quyết định số: 3598/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
36	Khu đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Cẩm Mỹ	64,68	64,68	-	64,68	HNK, CLN, DGT	Xuân Tây	tờ số 4, 5, 6, 7, 8, 12	Quyết định số: 3598/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
37	Khu đất vùng phụ cận Dự án đường N1	23,69	23,69	-	23,69	CLN	Xuân Đường	tờ số 2 - thửa số 24, 37, 37, 37, 38, 43, 72, 72, 72	Quyết định số: 3598/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
38	Khu đất vùng phụ cận Dự án đường vành đai Long Giao	48,81	48,81	-	48,81	CLN	Long Giao, Xuân Đường	Long Giao: tờ số 2 - thửa số 319, 330, 333, 334, 336, 40, 43, 44, 72, 73, 83 Xuân Đường: tờ số 3 - thửa số 26, 27, 29, 43, 51	Quyết định số: 3598/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
39	Khu đất vùng phụ cận tuyến Tỉnh lộ 770B	137,00	137,00	-	137,00	CLN	Thừa Đức, Xuân Đường	Thừa Đức: tờ số 2 - thửa số 31, 41, 43, 44, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 71, 73, 77, 90, 92, 94; tờ số 5 - thửa số 10, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 2, 20, 22, 23, 26, 27, 28, 29, 3, 30, 31, 32, 34, 35, 4, 5, 6, 7, 8, 9; tờ số 6 - thửa số 16; tờ số 20 - thửa số 7, 8 Xuân Đường: tờ số 1 - thửa số 11, 12, 15, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 37, 38, 42, 43, 44	Quyết định số: 3598/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
40	Khu đất vùng phụ cận Dự án đường vành đai Long Giao tại thị trấn Long Giao	135,63	135,63	-	135,63	CLN	Long Giao	tờ số 3 - thửa số 41, 41, 49, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 64, 65, 66, 67, 68; tờ số 4 - thửa số 1, 11, 12, 13, 14, 17, 19, 2, 3, 4, 5, 6; tờ số 5 - thửa số 1, 14, 16, 2; tờ số 25 - thửa số 51; tờ số 27 - thửa số 11; tờ số 31 - thửa số 7; tờ số 50 - thửa số 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52; tờ số 51 - thửa số 1	Quyết định số: 3598/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773, huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai
41	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn	0,68	0,68	-	0,68	CLN	Sông Nhạn	tờ số 27 - thửa số 122	Quyết định số: 151/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai để thực hiện dự án Xây dựng mới trụ sở Ủy ban nhân dân xã Sông Nhạn tại xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú	
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
42	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Thừa Đức	0,67	0,67	0,15	0,52	CLN, DYT	Thừa Đức	tờ số 10 - thửa số 182, 185, 209	Các Quyết định số: 147, 148, 149/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức; Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai; Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ để thực hiện dự án Xây dựng mới trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức tại xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai	
43	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế	1,00	1,00	-	1,00	CLN	Xuân Quế	tờ số 6 - thửa số 19	Quyết định số: 119/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai để thực hiện dự án Xây dựng mới trụ sở ủy ban nhân dân xã Xuân Quế tại xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai	
44	Điều chuyển Trung tâm Y tế dự phòng sang UBND huyện Cẩm Mỹ quản lý	0,34	0,34	-	0,34	DYT	Long Giao	tờ số 2 - thửa số 272	Quyết định số: 2962/QĐ-UBND ngày 27/08/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chuyển tài sản là nhà, đất của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Cẩm Mỹ sang Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ và điều chuyển tài sản nhà, đất của Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ sang UBND huyện Cẩm Mỹ quản lý, sử dụng Nghị quyết số: 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai	
45	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ	0,20	0,20	-	0,20	CLN	Nhân Nghĩa	tờ số 4 - thửa số 5	Văn bản số: 8442/UBND-KTNS ngày 21/07/2021 của UBND tỉnh về chủ trương sửa chữa trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Xuân Lộc và xây dựng mới trụ sở làm việc các trạm CNTY huyện: Cẩm Mỹ, Long Thành, Thống Nhất Nghị quyết số: 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai	
II	Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai									

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
46	Xây dựng Trung tâm chính trị huyện Cẩm Mỹ	0,78	0,78	0,78	-	TSC	Long Giao	tờ số 2 - thửa số 63	Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 23/09/2024 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Triển khai Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trung tâm chính trị huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai
47	Xây dựng Đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh	33,95	33,95	-	33,95	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS, SKC, SON	Thừa Đức	bản đồ địa chính Thừa Đức	Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đối với Dự án Xây dựng Đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
48	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	61,09	61,09	5,05	56,04	LUA, HNK, CLN, RSX, NTS, SKC, DTL, DGD, DSH, TON, NTD, ONT, SON	Thừa Đức, Xuân Đường	bản đồ địa chính Thừa Đức, Xuân Đường	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 20/04/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đối với Dự án Đường Xuân Đường - Thừa Đức
49	Hệ thống thoát nước Trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ ra Suối Cả	0,14	0,14	-	0,14	CLN	Xuân Đường	tờ số 3 - thửa số 22	Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc phê duyệt dự án Hệ thống thoát nước Trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ ra Suối Cả, huyện Cẩm Mỹ

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
50	Xây dựng tượng đài Thanh niên xung phong	0,34	0,34	0,34	-	DVH	Xuân Tây	tờ số 95 - thửa số 190	Quyết định số: 1985/QĐ-UBND ngày 17/08/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng tượng đài Thanh niên xung phong tại Công viên văn hóa Sông Ray
51	Trạm y tế xã Xuân Quế	0,22	0,22	-	0,22	CLN	Xuân Quế	tờ số 36 - thửa số 103	Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc chủ trương đầu tư xây dựng mới trạm y tế Xuân Quế huyện Cẩm Mỹ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 15/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai
52	Xây mới trường Mầm non Hướng Dương	0,07	0,07	-	0,07	TMD	Sông Nhạn	tờ số 31 - thửa số 265, 269	Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng mới trường Mầm non Hướng Dương Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2024 Nghị quyết số: 15/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai
53	Xây mới bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Tiểu học Thừa Đức 2	0,11	0,11	-	0,11	HNK	Thừa Đức	tờ số 10 - thửa số 325	Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Xây mới bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Tiểu học Thừa Đức 2 Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2024 Nghị quyết số: 15/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
54	Nhà thi đấu đa năng huyện Cẩm Mỹ	2,32	2,32	-	2,32	CLN	Long Giao	tờ số 2 - thửa số 264	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 20/04/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đối với Dự án Nhà thi đấu đa năng huyện Cẩm Mỹ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
III	Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại mục I, mục II Biểu này và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch								
55	Trạm xăng dầu Châu Loan số 17	0,27	0,27	-	0,27	CLN	Bảo Bình	tờ số 1 - thửa số 201	Nhu cầu sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại xăng dầu Châu Loan đề nghị đầu tư
56	Trạm xăng dầu Phúc An Phát	0,12	0,12	-	0,12	CLN	Bảo Bình	tờ số 28 - thửa số 721	Văn bản số: 01/CTY-PAP ngày 20/09/2023 của Công ty TNHH Xăng dầu Phúc An Phát về việc đăng ký kế hoạch bồi thường, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất dự án Trạm xăng dầu của Công ty TNHH Phúc An Phát năm 2024
57	Trạm xăng dầu Tín Nghĩa	0,12	0,12	-	0,12	HNK	Lâm Sơn	tờ số 10 - thửa số 106	Văn bản số: 260/CV-TCT ngày 22/09/2021 của Tổng công ty Tín Nghĩa về việc đăng ký kế hoạch bồi thường, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất dự án trạm xăng dầu của Tổng công ty Tín Nghĩa năm 2022.
58	Trạm xăng dầu Định Hường	0,09	0,09	0,09	-	TMD	Sông Ray	tờ số 20 - thửa số 161, 162	Doanh nghiệp tư nhân Định Hường đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2024
59	Trạm xăng dầu Sông Ray - Công ty TNHH TMDV NEOM	0,08	0,08	-	0,08	CLN	Sông Ray	tờ số 8 - thửa số 63	Văn bản số: 01/CTY-NEOM ngày 20/09/2023 của Công ty TNHH TMDV NEOM về việc đăng ký Trạm xăng dầu của Công ty TNHH TMDV NEOM năm 2024
60	Trạm xăng dầu Xuân Tây - Công ty TNHH TMDV NEOM	0,13	0,13	-	0,13	HNK	Xuân Tây	tờ số 46 - thửa số 151	Văn bản số: 01/CTY-NEOM ngày 20/09/2023 của Công ty TNHH TMDV NEOM về việc đăng ký Trạm xăng dầu của Công ty TNHH TMDV NEOM năm 2024

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
61	Trạm xăng dầu Xuân Tây - Công ty TNHH Gia Mỹ Nhiên	0,16	0,16	-	0,16	CLN	Xuân Tây	tờ số 65 - thửa số 266	Văn bản số: 01/CTY-GMN ngày 20/09/2023 của Công ty TNHH Gia Mỹ Nhiên về việc đăng ký Trạm xăng dầu của Công ty TNHH Gia Mỹ Nhiên năm 2024
62	Trạm xăng dầu Xuân Tây - Công ty TNHH Tổng hợp Long Hùng Phát	0,13	0,13	-	0,13	HNK	Xuân Tây	tờ số 21 - thửa số 68	Văn bản số: 01/CTY-LHP ngày 20/09/2023 của Công ty TNHH Tổng hợp Long Hùng Phát về việc đăng ký Trạm xăng dầu của Công ty TNHH Tổng hợp Long Hùng Phát năm 2024
63	Kho chứa hồ tiêu - Hợp tác xã nông nghiệp Lâm San	1,00	1,00	-	1,00	CLN	Lâm San	tờ số 22 - thửa số 98	Nhu cầu sử dụng đất của chủ đầu tư đăng ký với UBND xã
64	Xưởng chế biến tiêu sọ - Hợp tác xã nông nghiệp Lâm San	2,26	2,26	-	2,26	CLN	Lâm San	tờ số 14 - thửa số 102, 284, 30, 31	Nhu cầu sử dụng đất của chủ đầu tư đăng ký với UBND xã
65	Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại Toàn Thắng	1,38	1,38	-	1,38	CLN	Xuân Tây	tờ số 63 - thửa số 185	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Toàn Thắng nhu cầu sử dụng đất của chủ đầu tư đăng ký
66	Khu đất đấu giá (thửa đất số 61 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	0,35	0,35	0,35	-	TMD	Long Giao	tờ số 2 - thửa số 61	Quyết định số: 697/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh
67	Khu đất đấu giá (thửa đất số 373 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	0,54	0,54	-	0,54	CLN	Long Giao	tờ số 2 - thửa số 373	Quyết định số: 698/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh
68	Khu thương mại dịch vụ Hương lộ 10 (Khu dịch vụ ngành viễn thông)	0,41	0,41	-	0,41	CLN	Long Giao	tờ số 2 - thửa số 360	Quyết định số: 2681/QĐ-UBND ngày 28/08/2019 của UBND Tỉnh về việc Ban hành phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 360, tờ bản đồ 02 xã Long Giao, xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.
69	Khu đất đấu giá (thửa đất số 44 tờ bản đồ số 48 thị trấn Long Giao)	0,57	0,57	-	0,46	TSC	Long Giao	tờ số 48 - thửa số 44	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ đề xuất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá
70	Khu đất đấu giá (thửa đất số 69 tờ bản đồ số 3 thị trấn Long Giao)	0,30	0,30	-	0,30	CLN	Long Giao	tờ số 3 - thửa số 37, 69	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ đề xuất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
71	Khu đất đấu giá (thửa đất số 355 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	0,80	0,80	-	0,72	CLN	Long Giao	tờ số 2 - thửa số 267, 355	Quyết định số: 699/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh
72	Dự án khai thác vật liệu san lấp - Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp hạ tầng Trường Thịnh	5,01	5,01	-	5,01	HNK, CLN	Xuân Tây	tờ số 24 - thửa số 208, 383	Thuộc trường hợp sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh theo quy định tại khoản Điều 73 Luật Đất đai năm 2013 Đơn đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 ngày 11/9/2023 của bà Nguyễn Phương Thúy kèm theo Văn bản số 1661/STNMT-QH ngày 13/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo hồ sơ đề nghị cấp chủ trương đầu tư của Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp hạ tầng Trường Thịnh tại huyện Cẩm Mỹ
73	Dự án khai thác vật liệu san lấp - Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cường Hưng Phát	10,06	10,06	-	10,06	HNK, CLN	Nhân Nghĩa, Xuân Bảo	Nhân Nghĩa: tờ số 9 - thửa số 11, 34, 35, 37, 38, 79, 87, 89, 90 Xuân Bảo: tờ số 21 - thửa số 16, 21, 22, 36, 38; tờ số 22 - thửa số 38, 68, 94	Thuộc trường hợp sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh theo quy định tại khoản Điều 73 Luật Đất đai năm 2013 Đơn đề nghị ngày 13/11/2023 của ông Nguyễn Quốc Mỹ về việc xin đăng ký kế hoạch sử dụng đất để góp vốn toàn bộ diện tích đất cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cường Hưng Phát thực hiện khai thác khoáng sản tại xã Nhân Nghĩa, xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ
74	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng xã Xuân Tây	0,86	0,86	0,86	-	DVH	Xuân Tây	tờ số 19 - thửa số 95	Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
75	Trường MN Sông Nhạn	0,62	0,62	0,62	-	DGD	Sông Nhạn	tờ số 27 - thửa số 124	Quyết định số: 1002/QĐ-UBND ngày 19/03/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng Trường Mầm non Sông Nhạn tại xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
76	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	0,64	0,64	0,64	-	DGD	Sông Ray	tờ số 21 - thửa số 59	Quyết định số: 5015/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Trường mầm non Sông Ray tại xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
77	Trường THCS Nguyễn Trãi	1,16	1,16	1,16	-	DGD	Xuân Đông	tờ số 45 - thửa số 352	Quyết định số 1043/QĐ- UBND ngày 30/7/2008 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Trường THCS Nguyễn Trãi tại xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ
78	Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt)	0,24	0,24	0,24	-	TON	Xuân Bảo	tờ số 5 - thửa số 222	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
79	Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quế (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp)	0,06	0,06	-	0,06	TON	Xuân Quế	tờ số 56 - thửa số 99	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
80	Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng)	0,06	0,06	-	0,06	CLN, ODT	Long Giao	tờ số 52 - thửa số 276	Nhu cầu giao đất cơ sở tôn giáo, mở rộng diện tích phục vụ sinh hoạt tôn giáo của quần chúng tín đồ Văn bản số: 33/GCN-BTG ngày 27/01/2010 của Ban Tôn giáo tỉnh Đồng Nai chứng nhận công nhận tổ chức tôn giáo cơ sở trực thuộc Giáo phận Xuân Lộc
81	Giáo xứ Xuân Bảo	0,79	0,79	0,79	-	TON	Bảo Bình	tờ số 18 - thửa số 132	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
82	Tịnh xá Ngọc Bình	0,75	0,75	0,75	-	TON	Bảo Bình	tờ số 2 - thửa số 32 tờ số 5 - thửa số 12	Quyết định số: 218/QĐ-UBND ngày 08/07/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất, thu hồi GCNQSDĐ, QSHNO&TSKGLVD đã cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng
83	Giáo xứ Gia Vinh	1,87	1,87	1,87	-	TON	Lâm Sơn	tờ số 39 - thửa số 70	Quyết định số: 22/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất của ông Nguyễn Văn Khôi tại ấp 5, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tự nguyện trả lại đất theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 65, Luật đất đai năm 2013
84	Chùa Hoàng Mai (mở rộng)	0,04	0,04	0,04	-	TON	Long Giao	tờ số 52 - thửa số 25	Văn bản số: 1753/UBND-CNN ngày 19/02/2019 của UBND tỉnh V/v Chùa Hoàng Mai xin chủ trương giao đất tôn giáo tại xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ
85	Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ	0,25	0,25	-	0,25	CLN	Nhân Nghĩa	tờ số 6 - thửa số 59	Văn bản số: 12004/UBND-CNN ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh V/v Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Cẩm Mỹ đề nghị giao đất tôn giáo

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
86	Giáo xứ Thừa Ân	0,63	0,63	0,29	0,34	TON	Thừa Đức	tờ số 25 - thửa số 193, 23, 24, 25	Văn bản số: 371/UBND-KGVX ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai Giấy chứng nhận số: 07/GCN-BTG ngày 20/8/2018 của Ban Tôn giáo tỉnh
87	Chùa Viên An	0,57	0,57	0,57	-	TON	Xuân Bảo	tờ số 8 - thửa số 26	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
88	Chi hội Tin lành Xuân Đông	0,15	0,15	0,15	-	TON	Xuân Đông	tờ số 53 - thửa số 203	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
89	Cộng đoàn Đaminh Thánh Thể Xuân Lộc - Xuân Đường	0,05	0,05	0,05	-	TON	Xuân Đường	tờ số 36 - thửa số 414	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch sử dụng đất để làm thủ tục đất đai Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động tôn giáo số: 824/GCN-UBND ngày 23/08/2013 của UBND huyện Cẩm Mỹ
90	Giáo xứ Suối Cả	0,30	0,30	-	0,30	CLN	Xuân Đường	tờ số 28 - thửa số 11	Quyết định số: 253/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất, thu hồi GCNQSDĐQHSHNO&TSKGLVĐ đã cấp cho ông Hà Văn Chương tại thửa đất số: 11, tờ bản đồ 28 (thửa đất số: 147, tờ bản đồ 08 cũ), bản đồ địa chính xã Xuân Đường
91	Giáo xứ Xuân Tây	0,67	0,67	0,67	-	TON	Xuân Tây	tờ số 35 - thửa số 20, 25, 65	Đã có Quyết định thu hồi đất đang làm thủ tục giao đất
92	Nhà văn hóa ấp 2 xã Xuân Tây	0,01	0,01	0,01	-	DKV	Xuân Tây	tờ số 25 - thửa số 38	Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
93	Nhà văn hóa ấp 6 xã Xuân Tây	0,04	0,04	0,04	-	DKV	Xuân Tây	tờ số 50 - thửa số 152	Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
94	Nhà văn hóa ấp 8 xã Xuân Tây	0,02	0,02	0,02	-	DKV	Xuân Tây	tờ số 82 - thửa số 94	Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
95	Nhà văn hóa ấp 11 xã Xuân Tây	0,05	0,05	0,05	-	DKV	Xuân Tây	tờ số 64 - thửa số 46	Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
96	Nhà văn hóa ấp 12 xã Xuân Tây	0,04	0,04	0,04	-	DKV	Xuân Tây	tờ số 71 - thửa số 158, 187	Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
97	Khu đất đấu giá (thửa đất số 101 tờ bản đồ số 42 xã Sông Ray)	0,07	0,07	-	0,07	CLN	Sông Ray	tờ số 42 - thửa số 101	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ đề xuất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá
98	Khu đất đấu giá (thửa đất số 41, 59, 60 tờ bản đồ số 56 xã Sông Nhạn)	0,67	0,67	-	0,67	CLN	Sông Nhạn	tờ số 56 - thửa số 41, 59, 60	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ đề xuất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá
99	Khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa	18,63	18,63	-	18,63	ONT	Nhân Nghĩa	tờ số 10 - thửa số 1, 10, 11, 118, 12, 13, 14, 149, 15, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9; tờ số 31 - thửa số 140, 169, 170, 171, 172, 173; tờ số 35 - thửa số 27; tờ số 36 - thửa số 10, 9	Quyết định số: 2738/QĐ-UBND ngày 06/08/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất do Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ thực hiện đầu tư xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ thuộc dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện giao đất
100	Khu đất đấu giá (thửa đất số 121 tờ bản đồ số 20 xã Sông Ray)	0,02	0,02	-	0,02	ONT	Sông Ray	tờ số 20 - thửa số 121	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ đề xuất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá
101	Khu đất đấu giá (thửa đất số 356 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	0,85	0,85	-	0,85	CLN	Long Giao	tờ số 2 - thửa số 356	Quyết định số: 697/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh
102	Khu đất đấu giá (thửa đất số 357 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	1,17	1,17	-	1,17	CLN	Long Giao	tờ số 2 - thửa số 357	Quyết định số: 700/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
103	Trụ sở UBND xã Xuân Đông	0,62	0,62	0,62	-	TSC	Xuân Đông	tờ số 3 - thửa số 48	Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
104	Trụ sở UBND xã Xuân Tây	0,69	0,69	0,69	-	TSC	Xuân Tây	tờ số 19 - thửa số 92	Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
105	Dự án mở rộng chăn nuôi bò thịt - Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Đồng Phát	1,06	1,06	-	1,06	HNK	Xuân Đông	tờ số 31 - thửa số 502, 924, 926, 983	Quyết định số: 604/QĐ-UBND ngày 03/03/2020 điều chỉnh lần 01 theo Quyết định số: 4649/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 thay đổi lần 2 theo Quyết định số: 5058/QĐ-UBND ngày 14/12/2021
106	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	0,62	0,62	-	0,62	HNK,CLN	Xuân Đông	tờ số 36 - thửa số 702, 705, 706	Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/09/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Đông và hướng tuyến đường dây đầu nối Văn bản số 4389/UBND-KTN ngày 08/05/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thống nhất điều chỉnh hướng tuyến đường dây 110kV đầu nối Trạm 110kV Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ
107	Trạm xăng dầu - Công ty Cổ phần xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	0,17	0,17	0,03	0,14	CLN,ONT	Xuân Mỹ	tờ số 30 - thửa số 23	Đơn đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 chuyển mục đích sử dụng đất của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu
108	Tịnh thất Liên Hoa	0,11	0,11	0,11	-	CLN,ONT	Sông Nhạn	tờ số 37 - thửa số 217	Văn bản số 12724/UBND-KTN ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tham mưu xử lý đề nghị của Tịnh thất Liên Hoa về giao đất sử dụng vào mục đích tôn giáo
109	Khu dân cư Lan Anh	5,80	5,80	-	5,80	HNK,CLN	Thừa Đức	tờ số 25 - thửa số 20, 21, 22, 23, 24, 25, 54, 59, 63, 170, 171, 193	Văn bản số 08/2024/VB-OSSLA ngày 06/07/2024 của Công ty Cổ phần bất động sản OSSLA về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 17/05/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
IV	Chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân								
1	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm	2,00	2,00				Các xã, thị trấn		

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	40,00	40,00				Các xã, thị trấn		
3	Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác	15,00	15,00				Các xã, thị trấn		
	<i>Trong đó:</i>								
	<i>Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác</i>	<i>10,00</i>	<i>10,00</i>						
4	Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	20,00	20,00				Các xã, thị trấn		
	<i>Trong đó:</i>								
	<i>Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở</i>	<i>5,00</i>	<i>5,00</i>						
5	Chuyển từ đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở	1,00	1,00				Các xã, thị trấn		

Biểu số 08/CH**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024,
NAY ĐỀ XUẤT HỦY BỎ CỦA HUYỆN CẨM MỸ**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình	Bảo Bình	0,20	2022	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng, đưa vào kế hoạch nhiều năm, nhưng chưa hoàn tất thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
2	Trường Tiểu học Xuân Mỹ (mở rộng)	Xuân Mỹ	0,12	2022	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng, đưa vào kế hoạch nhiều năm, nhưng chưa hoàn tất thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
3	Thiền thất Chon Như	Sông Ray	0,44	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhiều năm, nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
4	Cộng đoàn Mẹ Vô Nhiễm (thuộc Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Linh Mục)	Nhân Nghĩa	0,96	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhiều năm, nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
5	Xây dựng Trường Mầm non Bảo Bình (phân hiệu Tân Xuân)	Bảo Bình	0,20	2023	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng, đưa vào kế hoạch nhiều năm, nhưng chưa hoàn tất thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
6	Hành lang đường Xuân Định - Lâm San (Hành lang đường ĐT-765B phía trước chợ Bảo Bình)	Bảo Bình	0,08	2018 BS2023	Đã có Thông báo thu hồi đất, đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhiều năm, nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ

Biểu số 09/CH**DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TỪ NĂM 2023 TRỞ VỀ TRƯỚC NAY CHUYỂN TIẾP ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN CẨM MỸ**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Các công trình, dự án đã có Quyết định thu hồi đất					
1	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại	Sông Nhạn	0,40	2022	Đã có Thông báo thu hồi đất, sau khi có Quyết định điều chỉnh Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện các bước tiếp theo Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 08/07/2024 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, phê duyệt bổ sung Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây, đoạn qua địa bàn xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Thông báo số: 191/TB-UBND ngày 13/07/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ - Về việc thu hồi đất thực hiện Dự án Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây, đoạn qua địa bàn xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (Lê Văn Toán - xã Sông Nhạn 35a/01) Nghị quyết số: 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
2	Trường THCS Nguyễn Trãi	Xuân Đông	1,16	2021	Đã có Quyết định thu hồi đất, có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai Quyết định số 1043/QĐ- UBND ngày 30/7/2008 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Trường THCS Nguyễn Trãi tại xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ
3	Xây dựng trường mầm non Sông Ray (phân hiệu áp 1)	Sông Ray	0,69	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất Quyết định số: 1045/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất của ông (bà) Trịnh Xuân Toàn để thực hiện Dự án Xây mới Trường mầm non Sông Ray áp 1 tại xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ. Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
4	Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu)	Xuân Bảo	0,30	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất Quyết định số: 1048/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất của ông (bà) Phạm Thái Sơn để thực hiện Dự án Xây mới Trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu) tại xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
5	Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu ấp Bể Bạc)	Xuân Đông	0,26	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất Quyết định số: 286/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất do Công ty Cổ phần Hòa Việt quản lý để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trường Mầm non Xuân Đông (Phân hiệu ấp Bể Bạc) tại xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
6	Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng)	Xuân Đông	0,05	2022	Đã có Quyết định thu hồi đưa vào kế hoạch để điều chỉnh Quyết định số 556/QĐ.UBH ngày 11/8/1995 của UBND huyện Xuân Lộc để xem xét giải quyết hồ sơ bồi thường hỗ trợ theo đơn của ông Mạc Văn Tương Quyết định số 556/QĐ.UBH ngày 11/8/1995 của UBND huyện Xuân Lộc (liên quan thu hồi đất của ông Mạc Văn Tương) Thông báo số: 6263/TB-UBND-TCD ngày 03/06/2020 về Kết quả tiếp công dân Mạc Văn Tương, Nguyễn Thị Gon của Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi tiếp công dân ngày 27/05/2020 Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
7	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,68	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang xây dựng Quyết định số: 151/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai để thực hiện dự án Xây dựng mới trụ sở Ủy ban nhân dân xã Sông Nhạn tại xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
8	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Thừa Đức	Thừa Đức	0,67	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang xây dựng Các Quyết định số: 147, 148, 149/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức; Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai; Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ để thực hiện dự án Xây dựng mới trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức tại xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
9	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế	Xuân Quế	1,00	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang xây dựng Quyết định số: 119/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai để thực hiện dự án Xây dựng mới trụ sở ủy ban nhân dân xã Xuân Quế tại xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
10	Khu đất đấu giá (thửa đất số 61 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,35	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất Quyết định số: 697/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh
11	Khu đất đấu giá (thửa đất số 373 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,54	2022	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất Quyết định số: 698/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh
12	Đường Xuân Quế đi Tp. Long Khánh	Xuân Quế, Xuân Đường	15,35	2023	Đã có Quyết định thu hồi đất đối với đất của Công ty Cao su Đồng Nai và Thông báo thu hồi đất đối với hộ gia đình cá nhân, còn vướng thu hồi đất của 7 hộ dân liên quan đến đất cao su dự kiến bàn giao, đang thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Quyết định số: 1127/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng để thực hiện dự án đường Xuân Quế đi Long Khánh đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Thông báo số: 468 - 509/TB-UBND ngày 29/08/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án đường Xuân Quế đi Long Khánh đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
13	Đường vào Cụm công nghiệp quốc phòng miền Nam	Long Giao, Xuân Mỹ	4,49	2023	<p>Đã có Quyết định thu hồi đất đối với đất của Công ty Cao su Đồng Nai và Thông báo và Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Thông báo số 28/TB-UBND ngày 07/02/2024 UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Điều chỉnh tên dự án tại Thông báo và Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ khu đất quốc phòng (giai đoạn 1) và tuyến đường vào Cụm Công nghiệp Quốc phòng Phía Nam tại xã Xuân Mỹ và thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>Thông báo số 609/TB-UBND ngày 13/12/2023 UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ khu đất quốc phòng (giai đoạn 1) và tuyến đường vào Cụm Công nghiệp Quốc phòng Phía Nam tại xã Xuân Mỹ và thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH Tổng Công Cao su Đồng Nai.</p> <p>Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai</p>
14	Đường số 26 (Đường Khu 2 khu phố Suối Cà)	Long Giao	2,16	2023	<p>Đã ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt 01 phần và Thông báo thu hồi đất, đang thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng</p> <p>Kế hoạch số: 183/KH-UBND ngày 07/08/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc Kế hoạch Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án Đường số: 26 (Đường khu 2, khu phố Suối Cà) tại thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ</p> <p>Nghị quyết số: 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai</p>
15	Đường D3-1 (Đoạn N6-N20)	Long Giao	0,65	2023	<p>Đã có Quyết định phê duyệt kế hoạch và Thông báo thu hồi đất, đã kiểm kê hiện trạng sử dụng đất</p> <p>Quyết định số: 1918/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc đầu tư xây dựng Đường D3-1 (Đoạn N6-N20)</p> <p>Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai</p>
16	Đường N20	Long Giao	0,77	2023	<p>Đã có Quyết định phê duyệt kế hoạch và Thông báo thu hồi đất, đã kiểm kê hiện trạng sử dụng đất</p> <p>Quyết định số: 3008/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc đầu tư xây dựng Đường N20 (Đoạn N16-QL56)</p> <p>Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai</p>

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
17	Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25	Sông Nhạn	3,53	2023	Đã ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt 01 phần và Thông báo thu hồi đất, đang thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Hiện còn 09 hộ gia đình, cá nhân và 02 tổ chức chưa trình thẩm định (nhà máy A42 và Trụ sở ấp 4 xã Sông Nhạn).05 hộ dân liên quan đến đất cao su dự kiến bàn giao Thông báo số: 373 - 441/TB-UBND ngày 07/08/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ - Thu hồi đất để thực hiện Dự án Nâng cấp đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 27/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
18	Trạm y tế xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,20	2023	Đã có Quyết định phê duyệt kế hoạch và Thông báo thu hồi đất Thông báo số 418/TB-UBND ngày 22/07/2024 của UBND Tỉnh Đồng Nai Thông báo Thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Dự án Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
19	Xây dựng Trường Mầm non Lâm San	Lâm San	0,96	2023	Đã có Quyết định phê duyệt kế hoạch và Thông báo thu hồi đất Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 13/06/2024 của UBND Tỉnh Đồng Nai Phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án Trường Mầm non Lâm San, tại xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ. Thông báo số: 335/TB-UBND ngày 13/06/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thu hồi đất để thực hiện dự án Trường Mầm non Lâm San, tại xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
20	Khu công nghiệp huyện Cẩm Mỹ	Thừa Đức	300,00	2015 BS2023	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện các bước tiếp theo Quyết định số: 52/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất của Công ty TTHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất của UBND xã Thừa Đức Quyết định số: 54/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất của của hộ gia đình cá nhân.

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
21	Cụm Công nghiệp Long Giao	Long Giao, Xuân Đường	57,35	2016 BS2023	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất Quyết định số: 127/QĐ-UBND ngày 28/04/2020 và Quyết định số: 148/QĐ-UBND ngày 21/05/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường vào cụm Công nghiệp Long Giao và Cụm Công nghiệp Long Giao tại xã Long Giao, xã Xuân Đường, huyện Cẩm Mỹ Nghị quyết số: 196/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai
22	Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	Các xã	152,88	2015 BS2023	Đã có Quyết định thu hồi đất, hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và thi công đưa vào sử dụng, hiện đang hoàn thiện các hạng mục đường dân sinh dọc cao tốc Đã có Quyết định thu hồi đất, hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và thi công đưa vào sử dụng, hiện đang hoàn thiện các hạng mục đường dân sinh dọc cao tốc Nghị quyết số: 164/2019/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 196/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai
23	Trường MN Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,62	2015 BS2023	Đã xây dựng đang thực hiện thủ tục đất đai Quyết định số: 1002/QĐ-UBND ngày 19/03/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng Trường Mầm non Sông Nhạn tại xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
24	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Sông Ray	0,64	2019 BS2023	Đã có Quyết định thu hồi, đã xây dựng đang thực hiện thủ tục đất đai Quyết định số: 5015/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Trường mầm non Sông Ray tại xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
25	Khu thương mại dịch vụ Hương lộ 10 (Khu dịch vụ ngành viễn thông)	Long Giao	0,41	2018 BS2023	Đã được UBND tỉnh ban hành phương án đấu giá quyền sử dụng đất Quyết định số: 2681/QĐ-UBND ngày 28/08/2019 của UBND Tỉnh về việc Ban hành phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 360, tờ bản đồ 02 xã Long Giao, xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
26	Khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	18,63	2023	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất Quyết định số: 2738/QĐ-UBND ngày 06/08/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất do Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ thực hiện đầu tư xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ thuộc dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện giao đất
2. Các công trình, dự án đã có Thông báo thu hồi đất					
27	Đường dọc Sông Ray	Xuân Đông	11,33	2023	Đã có thông báo thu hồi đất và quyết định phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, đang thực hiện các bước tiếp theo Quyết định số: 2158/QĐ-UBND ngày 19/08/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai - Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai Nghị quyết số: 27/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3. Các công trình, dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư					
28	Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng)	Long Giao	0,06	2022	Đã được chấp thuận chủ trương giao đất, đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai Nhu cầu giao đất cơ sở tôn giáo, mở rộng diện tích phục vụ sinh hoạt tôn giáo của quần chúng tín đồ Văn bản số: 33/GCN-BTG ngày 27/01/2010 của Ban Tôn giáo tỉnh Đồng Nai chứng nhận công nhận tổ chức tôn giáo cơ sở trực thuộc Giáo phận Xuân Lộc
29	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	-	2022	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai Văn bản số: 8442/UBND-KTNS ngày 21/07/2021 của UBND tỉnh về chủ trương sửa chữa trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Xuân Lộc và xây dựng mới trụ sở làm việc các trạm CNTY huyện: Cẩm Mỹ, Long Thành, Thống Nhất Nghị quyết số: 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
30	Khu đất đấu giá (thửa đất số 101 tờ bản đồ số 42 xã Sông Ray)	Sông Ray	0,07	2022	Đã được chấp thuận chủ trương, đang triển khai thực hiện các thủ tục đấu giá Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ đề xuất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
31	Khu đất đấu giá (thửa đất số 41, 59, 60 tờ bản đồ số 56 xã Sông Nhạn)	Sông Nhạn	0,67	2022	Đã được chấp thuận chủ trương, đang triển khai thực hiện các thủ tục đấu giá Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ đề xuất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá
32	Trạm bơm tăng áp - Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực 05 xã Kiệm Tân khu đô thị Dầu Giây, huyện Thống Nhất và vùng lân cận	Xuân Đường, Xuân Quế	2,78	2023	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư Quyết định số: 3328/QĐ-UBND ngày 16/09/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Nghị quyết số: 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
4. Các công trình, dự án đã có hiện trạng nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai					
33	Xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,20	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai Quyết định số: 2936/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Xuân Mỹ Văn bản số 13382/UBND-KTNS ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Trụ sở Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai
34	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,86	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
35	Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt)	Xuân Bảo	0,24	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
36	Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quế (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp)	Xuân Quế	0,06	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
37	Nhà văn hóa ấp 2 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,01	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
38	Nhà văn hóa ấp 6 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,04	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
39	Nhà văn hóa ấp 8 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,02	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
40	Nhà văn hóa ấp 11 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,05	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
41	Nhà văn hóa ấp 12 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,04	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
42	Trụ sở UBND xã Xuân Đông	Xuân Đông	0,62	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
43	Trụ sở UBND xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,69	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai Quyết định số: 2976/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Biểu số 09B/CH**DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TỪ NĂM 2023
TRỞ VỀ TRƯỚC NAY ĐỀ XUẤT HỦY BỎ CỦA HUYỆN CẨM MỸ**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình	Bảo Bình	0,20	2022	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng, đưa vào kế hoạch nhiều năm, nhưng chưa hoàn tất thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
2	Trường Tiểu học Xuân Mỹ (mở rộng)	Xuân Mỹ	0,12	2022	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng, đưa vào kế hoạch nhiều năm, nhưng chưa hoàn tất thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
3	Thiền thất Chơn Như	Sông Ray	0,44	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhiều năm, nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
4	Cộng đoàn Mẹ Vô Nhiễm (thuộc Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Linh Mục)	Nhân Nghĩa	0,96	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhiều năm, nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
5	Xây dựng Trường Mầm non Bảo Bình (phân hiệu Tân Xuân)	Bảo Bình	0,20	2023	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng, đưa vào kế hoạch nhiều năm, nhưng chưa hoàn tất thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ
6	Hành lang đường Xuân Định - Lâm San (Hành lang đường ĐT-765B phía trước chợ Bảo Bình)	Bảo Bình	0,08	2018 BS2023	Đã có Thông báo thu hồi đất, đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhiều năm, nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai, đề xuất hủy bỏ